

Truyện ngắn thế giới chọn lọc

NHIỀU TÁC GIẢ

Trà Ly dịch



NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HÓA - VĂN NGHỆ TP.HCM

TRUYỆN NGẮN THỂ GIỚI CHỌN LỌC



Tác giả: Nhiều tác giả

Người dịch: Trà Ly

NXB Văn Hóa Văn Nghệ TP.HCM

ebook©vctvegroup

CHÂU Á

NGƯỜI KABUL

Rabindranath Tagore (Ấn Độ)

Đứa con gái năm tuổi Sakula của tôi suốt ngày lú lo như khú. Tôi tin là con bé sẽ chẳng khi nào trầm lặng, buồn bã được. Mẹ cháu thường cáu vì đi đầu đó, nhưng tôi thì không. Tôi coi việc Sakula trầm lặng, suy tư là rất không bình thường và không sao chịu nổi khi nó im lặng, ỉu xiu chẳng nói năng gì. Vì vậy, hai cha con tôi thường trò chuyện với nhau rất rôm rả.

Chẳng hạn như, sáng hôm đó, trong khi tôi đang viết chương 17 của một tiểu thuyết mới, Sakula chạy vào phòng, đặt bàn tay nhỏ xíu của cháu vào tay tôi, nói:

- Ba ơi, Unôshahin bảo, trong đám mây có con voi, khi nó phun nước ra mũi thì trời mưa đấy, đúng không ba?

Tôi còn đang nghĩ cách trả lời thì con bé lại liền thoáng chuyển sang chủ đề khác:

- Ba ơi, ba với má quan hệ với nhau thế nào hả ba?

Tôi bất giác lẩm bẩm: “Về mặt pháp lý, má con là người em gái thân yêu nhất của ba!”, nhưng không nói rõ ra mà ngẩng lên bảo “Con đi chơi với Unôshahin đi! Ba đang bận mà!”.

Cửa sổ phòng tôi mở ra phố. Thằng bé Unôshahin đang chơi bên ngoài cửa sổ. Tôi bảo Sakula ra đó chơi. Đang suy nghĩ để viết tiếp, con bé bỗng chạy đến bên cửa sổ bảo: “Ba ơi, có một người Kabul! Có một người Kabul đấy!” Tôi nhìn ra cửa sổ, quả nhiên có một người Kabul đang đi tới. Anh ta mặc bộ trang phục đặc trưng của người Apganistan bản thủ, rộng thùng thình, quấn chiếc khăn to sụ trên đầu, vai đeo túi xách, tay cầm mấy hộp nhỏ khô.

Tôi không biết con gái tôi có cảm tưởng gì khi nhìn thấy con người đó, nhưng con bé bắt đầu kêu lên “A a...”. “Ôi dào, tôi nghĩ, anh ta sắp đến kìa, chuyện viết lách, hãy dừng lại đã”. Ngay lúc đó, người Kabul ngược mắt nhìn bọn trẻ khiến con bé sợ hãi bỏ chạy vào nhà với mẹ cháu. Con bé lo

mơ nghĩ rằng, trong chiếc túi mang trên vai của người đàn ông kia thế nào cũng có vài ba đũa trẻ như nó. Lúc đó gã tiểu thương kia đã bước vào nhà, mỉm cười chào tôi.

Dù đang nóng lòng hoàn thành chương 17, nhưng tôi nghĩ, anh ta đã tới, mình cũng phải dừng công việc lại, mua vài thứ đồ cho anh ta vậy. Tôi mua vài thứ và bắt đầu nói chuyện với anh ta.

Khi sắp đi ra, người Kabul hỏi:

- Thưa ngài, cô bé vừa rồi đâu ạ?

Tôi nghĩ, con bé Sakula không nên sợ sệt một cách vô cớ như vậy, nên cho gọi cháu ra. Con bé đứng sát bên tôi nhìn người Kabul và chiếc túi của anh ta. Anh ta cho con bé mấy quả nho khô, nhưng cháu không nhận, chỉ càng nép sát vào người tôi, nỗi băn khoăn e ngại của nó càng tăng thêm.

Đó là lần đầu tiên Sakula và người Kabul gặp nhau.

Nhưng chỉ mấy ngày sau, vào một buổi sáng nọ, khi tôi sắp đi ra ngoài thì tình cờ phát hiện con bé Sakula đang ngồi trên chiếc ghế băng trước cửa, còn người đàn ông Kabul kia lại ngồi bên chân con bé nói cười rất vui vẻ. Con bé Sakula xưa nay ngoài tôi ra, chưa bao giờ cháu gặp một ai lại nhiệt tình, chăm chú nghe cháu nói chuyện như vậy. Trên vạt áo của cháu là những quả hạnh nhân và nho khô, quà tặng của người Kabul cho con bé.

- Sao anh lại cho con bé những thứ ấy? - Tôi hỏi và đưa cho anh ta đồng bạc. Anh ta có vẻ không bằng lòng, cầm lấy đồng bạc bỏ vào túi.

Một lát sau khi trở về, tôi nhận ra chính đồng bạc đó đã gây phiền hà cho con bé. Bởi vì, sau khi anh chàng tiểu thương người Kabul kia cho Sakula đồng bạc, mẹ cháu đã nhìn thấy, truy hỏi:

- Con lấy đồng bạc đó ở đâu, Sakula?

- Người Kabul cho con đấy mẹ ạ! - Sakula vui vẻ nói.

- Người Kabul cho con ư? - Mẹ con bé sợ hãi kêu lên - Sakula! Sao con lại nhận tiền của ông ấy hả?

Đúng lúc đó tôi bước vào cửa và cứu con bé một “bàn thua” trông thấy.

Tôi phát hiện ra hai chú cháu không chỉ gặp nhau một hai lần. Người Kabul dùng trái cây và nho khô, những quả “hối lộ” có sức hấp dẫn lớn đối với bọn trẻ, làm cho con bé từ chỗ sợ hãi lúc đầu, bây giờ lại trở thành bạn thân của nhau.

Hai chú cháu thường trò chuyện với nhau rất vui. Con bé tỏ ra rất thích thú khi gặp người Kabul. Sakula thường tươi cười vui vẻ ngẩng trước mặt người Kabul, nhìn thẳng vào anh ta hỏi:

- Người Kabul! Trong túi của chú có những gì thế?

Anh ta thường dùng giọng mũi của người miền núi, đáp:

- Một con voi to tướng!

Con bé cười tít mắt. Người Kabul cũng không muốn bỏ lỡ cơ hội chọc cười Sakula, bèn hỏi lại:

- Sakula này, bao giờ thì cháu về “công công gia” đấy?

Đối với các cô gái Bangladesh, chuyện về “công công gia” (nhà chồng) họ đã biết từ nhỏ, nhưng gia đình tôi chưa bao giờ cho cháu biết chuyện này nên cháu rất mù mờ, song nó không hề để lộ đi đâu đó, lém lỉnh hỏi: “Thế chú đã đến đó chưa?”.

Mọi người ai cũng biết mấy từ “công công gia” ấy còn có một nghĩa khác. Đó là cách nói khéo của từ “nhà tù”, một nơi không cần tiêu tốn tiền bạc vẫn được “chăm sóc” chu đáo. Gã tiểu thương thô lỗ này cho rằng con gái tôi ám chỉ nơi đó. Gã “hừm” một tiếng và tưởng tượng ra cảnh những viên cảnh sát thường vung nắm đấm với mọi người, nói to: “Chú sẽ đập nát cái “công công gia” nhếch nhác ấy!” Nghe gã tiểu thương nói thế, Sakula cười lên đắc chí. Con bé không hiểu là người bạn lớn của nó cũng muốn chọc cười nó cho vui.

Những ngày đầu mùa thu là những ngày mà các bậc đế vương thời cổ đại thường chinh đông phạt bắc; sống ở một góc nhỏ Calcutta này, chẳng hề đi đâu nhưng đầu óc tôi cũng phiêu diêu khắp thế giới. Chỉ cần nghe tên một đất nước nào đó là tôi muốn bay tới đó ngay để ngắm cảnh, xem người. Khi nhìn thấy người Kabul kia tôi như lạc vào cõi thần tiên với những đỉnh núi trọc, vách núi dựng đứng cao chót vót, những con đường nhỏ hẹp người chỉ có thể bò qua. Dường như tôi cũng nhìn thấy từng đoàn lạc đà chở hàng, từng toán thương nhân quấn khăn trên đầu, có người còn mang theo bên mình những thứ vũ khí cổ quái từ trên núi đi xuống đồng bằng. Tôi hầu như nhìn thấy... nhưng ngay lúc đó mẹ Sukala bước đến bảo tôi “Hãy lưu tâm tới con người đó”.

Mẹ Sakula là một người đàn bà cực kỳ nhất gan. Chỉ cần nghe thấy một âm thanh nào đó trên phố hoặc nhìn thấy có người đi về phía mình là cô ấy

lập tức đoán định rằng họ không thể là ai khác ngoài bọn ăn cướp, bọn say rượu, rắn độc, hổ báo, sâu bọ hoặc giả là bọn thủy thủ người Anh. Qua nhiều năm kinh nghiệm cô ấy vẫn không sao xóa được nỗi sợ hãi cố hữu của mình. Vì vậy, đối với người Kabul này cô rất nghi ngờ, thường nhắc tôi phải chú ý tới hành động của anh ta. Tôi chỉ cười nhưng cô ấy thì rất nghiêm túc nêu lên những rủi ro rất có thể xảy ra với con bé khi để nó tiếp xúc với người Kabul!

Trung tuần tháng giêng hàng năm, Ôsaman, người Kabul đó thường về nước một lần. Khi sắp lên đường anh ta thường rất bận vì phải đến từng nhà thu nợ. Nhưng năm nay anh ta vẫn cố dành thời gian đến thăm Sakula mấy lần trước khi về quê. Hình như hai chú cháu có hẹn với nhau, anh ta chỉ đến thăm con bé vào buổi tối. Lúc đầu tôi cũng thấy ngại ngại nhưng về sau cảm giác ấy không còn nữa khi mà bao giờ con gái tôi cũng rất vui khi gặp người tiêu thương đó.

Một buổi sáng nọ khí trời rất lạnh, tôi đang ngồi trong phòng xem sách, những tia nắng nhẹ buổi sớm chiếu vào bàn viết lan tỏa lên người tôi khiến tôi cảm thấy thư thái dễ chịu. Lúc đó khoảng 8 giờ. Đột nhiên tôi nghe có tiếng cãi vã trên phố, nhìn ra thì thấy Ôsaman bị hai viên cảnh sát áp giải, đằng sau cả một đám trẻ con bám theo. Trên áo của Ôsaman có mấy vết máu. Trong tay viên cảnh sát có một con dao nhọn. Tôi chạy ra cửa ngăn họ lại hỏi xem có chuyện gì xảy ra. Qua sự bàn tán của mọi người tôi biết Ôsaman cãi nhau với một khách hàng của mình và làm ông ta bị thương. Lúc này người Kabul đó đang rất bức tức chửi mắng kẻ thù của anh ta. Bất ngờ, từ ban công nhà tôi Sakula xuất hiện, gọi to “Người Kabul! Người Kabul!” Khi quay lại nhìn con gái tôi, trên mặt Ôsaman chợt nở một nụ cười. Hôm nay anh ta không mang theo chiếc túi xách nên hai chú cháu không nói với nhau về đề tài “con voi” nữa, Sakula hỏi ngay đến chuyện thứ hai: “Chú đến công công gia chứ?” Ôsaman cười bảo: “Chú đang đến đó đây, cô bạn nhỏ ạ!”.

Vì bị kết tội mưu sát, Ôsaman bị tuyên án 8 năm tù giam.

Thời gian trôi đi, Ôsaman bị mọi người quên lãng. Chúng tôi vẫn sống ở đó và làm công việc cũ, rất ít, thậm chí chẳng khi nào nhắc đến người Kabul đó nữa. Ngay như Sakula cũng dần quên người bạn vong niên của nó.

Năm tháng qua đi, vào một ngày thu rực rỡ, chúng tôi chuẩn bị đám cưới cho Sakula.

Sáng tinh mơ hôm đó, mọi người đang tíu tít chuẩn bị cho lễ cưới thì có một người tiến đến đứng trước mặt tôi, cung kính thi lễ. Thì ra đó là Ôsaman, người Kabul dạo nào. Lúc đầu tôi không nhận ra anh ta. Anh ta không mang túi cũng không quần khăn cao trên đầu và chẳng còn gì là chút thần khí như trước nữa, nhưng khi anh ta cười thì tôi nhận ra ngay.

- Anh về lúc nào thế Ôsaman? - Tôi hỏi.

- Tối hôm qua - Anh ta đáp - Tôi từ nhà tù đến đây.

Những lời này nghe rất chối tai. Tôi dự cảm đây chẳng phải là đi ền lành, tìm cách từ chối...

- Ở đây đang có chuyện vui. Tôi rất bận. Mấy hôm nữa anh hãy đến được không?

Ôsaman lập tức quay người bước đi, nhưng anh ta chợt dừng lại trước cửa, chần chừ một lúc rồi nói:

- Tôi có thể gặp người bạn nhỏ của tôi một lát, được không thưa ngài? Chỉ một lát thôi mà!

Ôsaman cứ nghĩ Sakula vẫn như xưa nên đã chuẩn bị sẵn một ít nho khô, đó là những thứ mà một người đờng hương của anh cho anh chứ bản thân anh thì chẳng còn đờng xu nào để mua sắm nó!

Tôi nói:

- Gia đình chúng tôi đang có chuyện vui. Hôm nay anh không thể gặp ai ở đây được đâu!

Trên mặt Ôsaman lộ rõ vẻ thất vọng. Anh ta bất mãn nhìn tôi và nói “Tạm biệt” rồi quay gót.

Tôi cảm thấy mình hơi bất nhẫn, định gọi anh ta lại, không ngờ tự anh đã quay lại. Anh đến trước mặt tôi, đưa túi nho khô ra, nói: “Thưa ngài! Tôi mang thứ này đến cho cô bạn bé bỏng của tôi. Ngài có thể thay tôi trao món quà này cho cháu được không, thưa ngài?”

Tôi nhận lấy túi nho khô, đang định trả ti ền thì anh ta nắm lấy tay tôi, nói:

- Ngài thật nhân từ, thưa ngài! Tôi sẽ nhớ ngài mãi mãi. Ngài không cần trả ti ền cho tôi đâu. Ngài có cô con gái thật đáng yêu, ở quê tôi cũng có

một đứa con gái như vậy. Tôi nhớ cháu quá nên tặng con gái ngài chút quà này chứ đâu phải cần tiền ạ.

Nói tới đây anh ta thò tay vào túi áo lấy ra một tờ giấy nhỏ, nhàu nhò, bẩn thỉu, trải ra trên bàn. Trên tờ giấy là một dấu lấn tay nhỏ xíu. Không phải là ảnh cũng không phải là bức họa, nó chỉ là một dấu lấn tay bằng mực đen đã phai màu. Anh ta giữ mãi cái dấu lấn tay bé nhỏ của con gái trong 8 năm đằng đẵng ngục tù!

Nước mắt tôi lặng lẽ trào ra. Tôi quên hẳn anh ta chỉ là một tiểu thương nhập cư nghèo khổ, còn tôi là... mà không, không phải... Liệu tôi có gì đáng tự hào hơn anh ta? Anh ta cũng là một người cha.

Chính dấu lấn tay của con gái người Kabul đó đã khiến tôi nghĩ tới Sakula. Tôi liền gọi cháu ra. Mọi người cố ngăn lại nhưng tôi không nghe. Sakula bước ra phòng khách. Cháu mặc bộ váy áo cưới màu hồng, giữa trán điểm một nốt son nhựa đàn hương, trang điểm thành cô dâu, e lệ đứng trước mặt người khách mới tới.

Nhìn cảnh tượng ấy người Kabul lộ rõ vẻ kinh ngạc. Anh ta cảm thấy không còn tự nhiên như ngày nào với cô bé Sakula bé bỏng nữa. Nhìn Sakula một hồi lâu, Ôsaman mỉm cười hỏi: “Cô bé ời, cháu sắp đến công công gia của cháu phải không nào?”

Hiện tại Sakula đã biết công công gia là thế nào rồi, con bé đỏ mặt, e thẹn cúi đầu.

Tôi nhớ lại lần gặp nhau đầu tiên giữa con gái tôi và người tiểu thương Kabul này, cảm thấy buồn buồn. Sau khi Sakula vào nhà trong, Ôsaman thở dài khe khẽ và ngã bệt xuống đất. Anh ta chợt nghĩ, suốt 8 năm đằng đẵng ở trong tù, con gái anh nhất định đã lớn lên, khác trước nhiều lắm, mà trong ngần ấy thời gian lẽ nào bản thân nó không phát sinh ra biến cố gì?

Tiếng nhạc của buổi hôn lễ vang lên, những tia nắng vàng ấm áp lan tỏa khắp nơi, Ôsaman nghĩ đây miên man nhớ tới những dãy núi điệp trùng ở quê nhà...

Tôi đưa cho Ôsaman một tờ ngân phiếu, nói:

- Hãy về quê đi Ôsaman, về với đứa con gái yêu quý của anh đi! Chúc cho cuộc gặp gỡ giữa hai cha con vui vẻ! Đó chính là hạnh vận mà anh đã mang lại cho con gái tôi đây Ôsaman ạ!

Do trích bớt một phần kinh phí cho Ôsaman, hình thức buổi hôn lễ của Sakula có giảm đi đôi chút. Không còn nhiều đèn điện trang trí nữa, tôi cũng không thuê đội quân nhạc giúp vui. Cánh phụ nữ trong nhà thất vọng lắm nhưng tôi lại cảm thấy rất hài lòng: Buổi tiệc thật tuyệt vời, và vinh hạnh nữa, bởi lẽ, tôi đang nghĩ tới, ở nơi xa xôi kia sẽ có cuộc trùng phùng cảm động giữa một người cha hết mực yêu thương con với đứa con gái độc nhất của mình sau tám năm trời xa cách...

CÔ GÁI TRÊN TÀU HỎA

Bangde (Ấn Độ)

Đoàn tàu hỏa bắt đầu chuyển bánh, trong toa chỉ có mỗi một mình tôi. Cho đến lúc tàu dừng ở ga đầu tiên, mới có thêm một cô gái lên tàu. Hai ông bà già tiễn cô gái có lẽ là cha mẹ cô thì phải, dường như họ rất không yên tâm về chuyến đi này của cô. Bà mẹ cứ căn dặn con phải để hành lý chỗ nào, bất kể trường hợp nào cũng không được thò đầu qua cửa sổ khi tàu đang chạy, không được bắt chuyện với người lạ, vân vân...

Bởi tôi là người mù nên không sao hình dung được diện mạo của cô gái, nhưng từ tiếng “lẹt xẹt” phát ra sau mỗi bước chân của cô, tôi nhận ra cô ấy đi dép lê. Tự nhiên tôi lại thích nghe tiếng cô ấy nói.

Tàu tiếp tục chuyển bánh, tôi hỏi cô gái:

- Cô có đi Dexiladun không?

Có lẽ do tôi ngồi trong một góc tối nên tiếng nói của tôi khiến cô gái giật mình. Cô bất giác thốt lên khe khẽ: “Tôi không biết là ở đây có người”.

Đúng vậy. Đôi mắt của những người bình thường đôi khi nhìn sự vật trước mặt mà không hề thấy gì, chắc hẳn là có lý do, bởi những gì họ cần nhìn là quá nhiều. Ngược lại, người mù cả hai mắt lại có thể dựa vào cảm quan để nhận biết sự vật xung quanh.

- Thoạt đầu tôi cũng không trông thấy cô - Tôi nói - Nhưng tôi nghe thấy cô lên tàu.

Tôi nghĩ, chỉ cần ngồi im chỗ cũ, cô ấy nhất định không phát hiện ra được tôi là một người mù.

- Em đến Salalanpo thì xuống tàu, - Cô gái nói - Cô em sẽ ra ga đón em. Thế còn chị, chị đi đâu vậy?

- Tôi đi Dexiladun, sau đó đi tiếp đến Musuli - Tôi đáp.

- Hay quá! Em cũng muốn đi Musuli. Em thích những dãy núi điệp trùng ở đó, nhất là vào tháng mười.

- Đúng thế. Tháng mười được coi là mùa vàng ở Musuli mà!

Nói ra đi đầu này, trong óc tôi liền hiện ra cảnh sắc tuyệt vời mà tôi từng nhìn thấy trước khi bị hỏng mắt. Và, tôi thốt lên thành lời, chia sẻ niềm vui với cô gái mới gặp: “Những thảm hoa hướng dương vàng rực ngập tràn các triền núi. Không khí se se lạnh. Đêm đến, ng ồi bên đống lửa uống một chút rượu brandy, bao nhiêu du khách dù đã đi xa vẫn không sao quên được chuyến du lịch đầy quyến rũ đến nơi này!”

Cô gái im lặng không nói gì, phải chăng cô cũng cảm động bởi những gì tôi nói, hay là cô chỉ coi tôi là một người quảng giao có nhiều thiện cảm? Đoạn, tôi buột miệng hỏi một câu thật khờ khạo:

- Bên ngoài trời thế nào hả cô?

Hình như cô gái không chú ý lắm tới câu hỏi của tôi. Lẽ nào cô đã phát hiện ra tôi là một kẻ mù lòa? Tuy nhiên, một câu nói của cô đã giúp tôi lập tức xóa đi sự nghi ngờ của mình, cảm thấy yên tâm hơn:

- Chị nhìn qua cửa sổ, chẳng phải là biết ngay sao? - Giọng nói của cô thật tự nhiên, dễ chịu!

Tôi men theo băng ghế ng ồi đến cạnh cửa sổ toa tàu, ng ồi xuống, làm như là đang thưởng thức phong cảnh bên ngoài. Trong trí tưởng tượng của tôi, những dãy cột điện hai bên đường lùi nhanh về phía sau.

- Chị nhìn thấy chưa? - Cô gái hỏi.

Tôi ch ần chậm đáp:

- Cây cối chuyển động còn chúng ta thì lại đứng yên.

- Đúng như vậy đấy - Cô gái phụ họa.

R ồi cả hai lại im lặng một h ồi lâu. Tôi lên tiếng trước:

- Chị thấy em có một khuôn mặt rất ưa nhìn, em gái ạ - Tôi thân mật nói. Tôi không sợ cô gái giận, bởi tôi biết con gái rất ít người không thích được khen!

Cô gái bật cười, tiếng cười trong veo như tiếng chuông ngân.

- Chị nói thế làm em buồn đấy. Ai cũng bảo em đẹp, nghe mãi đâm chán!

Nói vậy, chắc cô ta đẹp lắm! Tôi th ần nghĩ và nói luôn:

- Thì đúng thế còn gì? Khuôn mặt ưa nhìn thì đương nhiên là đẹp r ồi!

- Chị thật biết cách làm cho người khác vui đấy nhỉ! Cô gái nói - Nhưng làm sao chị biết được đi đâu đó?

- Tàu sắp đến ga rồi. Cho tôi xin lỗi vì đã đường đột làm cho cô mất vui!

- Cảm ơn trời đất! May mà đường không đến nỗi xa lắm! Nếu phải ngồi tàu thêm vài ba tiếng nữa, chắc chín như người ra mất!

Lạ thể! Chỉ cần nghe giọng nói của cô ấy, tôi ngồi tàu mấy tiếng cũng chẳng sao! Giọng nói của cô gái vừa réo rắt, vừa dịu dàng êm ái, có sức lôi cuốn lạ lùng. Tôi nghĩ, chỉ cần xuống tàu là cô ấy có thể quên cuộc gặp gỡ ngắn ngủi này, nhưng tôi thì không.

Tiếng còi tàu vang lên một hồi dài. Đoàn tàu từ từ chạy chậm lại. Cô gái đứng lên thu dọn hành lý. Tôi không biết là cô ấy vấn tóc, hay để tóc xõa ngang vai? Có lẽ là cắt tóc ngắn.

Đoàn tàu từ từ vào ga. Mùi nước hoa thoang thoảng từ mái tóc cô gái. Tôi muốn đưa tay vuốt tóc cô nhưng cô đã bước đi, chỉ vương lại một chút hương thơm dịu nhẹ.

Sân ga ồn ào hẳn lên. Một chàng trai hấp tấp bước lên tàu rồi đóng sầm cửa khoang tàu lại. Tôi trở về chỗ ngồi. Còi tàu vang lên, đoàn tàu tiếp tục chuyển bánh.

Tàu chạy mỗi lúc một nhanh, bánh xe rít trên đường sắt dập dình tạo nên một tiết tấu vui tai. Tôi dò dẫm đến bên cửa sổ, ngồi xuống nhìn ra ngoài. Chắc trời đã sáng, nhưng với tôi thì vẫn chỉ là đêm đen. Lúc này tôi lại có một bận đường hành mới, có thể sẽ có tiết mục mới đây.

- Xin lỗi! Cô gái vừa xuống tàu là gì với chị? Thực tình mà nói, tôi không tưởng tượng nổi vì sao cô ấy lại hấp dẫn đến thế? - Chàng trai có vẻ ngượng ngùng nói.

- Cô gái ấy rất có ý tứ, lại rất dễ thương! - Tôi nói - Anh có thể nói cho tôi biết tóc cô ấy dài hay ngắn không?

- Tôi không chú ý lắm - Anh chàng dường như có vẻ khó hiểu trước câu hỏi của tôi - Nhưng tôi lại rất chú ý tới đôi mắt của cô ấy, đôi mắt thật dài, thật đẹp... tiếc là... nó chẳng có tác dụng gì đối với cô ấy cả. Cô ấy bị mù, chị không nhận ra sao?

TRĂNG KHUYẾT

Yuanni (Indonesia)

Sáng sớm, ra đi từ thị trấn, ng ỡ ô tô suốt tám tiếng đ ờng h ồ, cô mới đến nơi, bấy giờ trời đã về chiều. Ráng chiều đỏ sẫm bao phủ cả bầu trời như một tấm võng cực lớn vây hãm cô. Toàn thân cô rã rời, mệt mỏi, lòng đầy thấp thỏm lo âu, lủi thủi bước đi trong ánh chiều tà. Cô mong cho con đường cứ dài ra mãi để cô không bao giờ tỉnh mộng!

Cô vừa đi vừa tự hỏi: Đi? Không đi? Trong sự dằn vặt vật vã ấy, ngôi nhà đầy ám khí như bị bóng đèn kia đột nhiên hiện ra trước mặt. Cô chần chừ dừng lại trước cửa. Cánh cửa bỗng lặng lẽ mở ra không có lấy một tiếng động. Một người đàn ông còn khá trẻ và rất đẹp trai đứng đó, đôi mắt đen nhánh, sâu thẳm thẳm. Đôi mắt ấy, trong phút chốc dậy lên những đợt sóng lòng ào ạt úp chụp xuống người cô! Nhìn vào đôi mắt ấy, trước mắt cô bỗng tối sầm lại, cô đảo đảo như sắp ngã. Người đàn ông đưa tay đỡ cô lại, nhưng cô giãy nảy lên như chạm phải bóng, đẩy vội anh ta ra. Người anh ta cứng đờ như bị giới chậu nước lạnh. Khi trấn tĩnh lại, những đợt sóng lòng trong mắt anh ta trở nên yên tĩnh và bình thản. “Từ xa anh đã nhìn thấy em tới nên ra mở cửa cho em - Người đàn ông bình tĩnh nói - Em vào nhà đi!”.

Cô lặng lẽ bước theo anh ta vào nhà, đứng lại sau khuôn cửa. Một thứ mùi quen thuộc xộc vào mũi khiến cô bất giác hít một hơi dài, đưa mắt nhìn bộ bàn ghế quen thuộc. Con búp bê bằng sứ và chiếc hộp nhạc hình đàn dương cầm trong tủ đựng đồ trang sức vẫn nguyên chỗ cũ, tự nhiên hai dòng nước mắt cô ứa ra lăn dài trên má. Đây đã từng là nhà của cô!

Lúc này cô trở thành một người khách đang ng ỡ nghiêm trang trên bộ sofa, nhìn lướt khắp gian phòng. Trong phòng chỗ nào cũng có ảnh của mẹ, người trong ảnh được tạo dáng theo nhiều kiểu khác nhau như một minh tinh màn bạc, trông thật chói mắt! “Ngày trước mình có cảm giác đó không?” - Cô tự hỏi. Người mẹ xinh đẹp của cô sinh cô vào năm mới hơn mười sáu tuổi, sau đó ly dị chồng. Cô sống với mẹ. Đạo đó bạn trai của mẹ

cô nhều như cá ẩn trên sông, cô chẳng quan tâm, chỉ chuyên chú vào việc học hành.

Người đàn ông đem cốc nước trà đặt trước mặt cô, do dự một chút rồi ngẩng xuống phía đối diện, nhìn cô chăm chăm với thần thái của một người có bao điều muốn nói mà chưa nói được! Cô cũng nhìn anh ta, sóng lòng từng đợt từng đợt cuộn trào mãnh liệt, dội mãi vào thân thể đã có chỗ rạn vỡ của cô. Hai người đắm đuối nhìn nhau trong khoảnh khắc, chợt bừng hoàng nhận ra giữa họ lúc này cách nhau thăm thẳm như trong buổi hoàng hôn mờ mịt của đất trời!

Cô im lặng hồi lâu, cảm thấy như có vô số những ánh mắt nhìn xoáy vào hai người. Cô ngẩng lên tìm kiếm nơi phát ra những ánh nhìn ấy - đó chính là những bức ảnh của mẹ cô trên tường! Cô hận nụ cười và ánh mắt ấy biết bao! Người đàn ông cũng nhìn những bức ảnh trên tường, và, không hẹn mà gặp, cả hai cùng thốt lên “Sao lại như thế được?”. Nói xong, họ lại trầm ngâm như trước.

Rất lâu sau cô hỏi:

- Mẹ đâu? Mẹ thế nào rồi?

Người đàn ông im lặng một lát mới lên tiếng:

- Biết em thế nào cũng về, bà ấy đi chợ rồi.

Cô nhìn người đàn ông tỏ vẻ nghi ngờ, đoán lẩm bầm:

- Bà ấy lại lừa em rồi, lừa em nữa rồi! Chắc chắn bà ấy không hề bị xe tông!

Cô vụt đứng dậy, mặt đỏ bừng, gằn giọng: “Em về đây!”

Nói xong cô hấp tấp bước ra cửa, bị vấp vào ngạch cửa, suýt ngã. Cô đứng thẳng lại, ngẩng đầu nhìn lên bức ảnh cưới được phóng to treo bên phải cửa chính, trong đó cô dâu có nụ cười tươi rói. Nhìn cô dâu trong ảnh, nước mắt cô ầng àng lưng tròng rồi ràn rụa trào ra lăn dài trên má. Đó phải là mình chứ? Sao lại là bà ấy - là mẹ mình? Trái tim cô như gào lên, khổ đau cùng cực!

Hồi ấy mẹ rất quan tâm tới cô. Thư từ qua lại giữa cô và bạn trai, cô đều đưa cho mẹ xem. Mẹ cô yêu mến và khen ngợi bạn trai cô hết lời, giục hai người nhanh chóng kết hôn. Bà còn hứa sẽ lo tiệc cưới cho hai người thật chu đáo!...

Trước hôn lễ một tuần, mẹ nói với cô, theo phong tục, trong thời gian này hai người không được phép gặp nhau, cô phải về quê nghỉ ngơi, bồi bổ sức khỏe, đợi đến hôm đó bà sẽ cho người về đón. Cô tin theo lời mẹ.

Chồng chưa cưới của cô là một chàng trai mồ côi cả cha lẫn mẹ, lúc đó lại đang làm việc ở xa, hôn sự hoàn toàn trông cậy vào gia đình vợ. Đến ngày cử hành hôn lễ, khi mở tấm khăn che mặt của cô dâu anh mới nhận ra rằng cô dâu đã bị đánh tráo! Bà bảo với anh rằng, con gái bà đang ốm, bà phải tạm thời thay thế. Anh ta tin ngay. Nhưng rồi trong đêm đó bà đã dụ dỗ được anh ta! Mãi cho đến lúc cô dâu thật biết được chân tướng, tất cả đều đã muộn!

Nghẹn ngào, rơm rớm nước mắt, đôi bàn tay của người đàn ông đặt nhẹ lên vai cô. Qua làn nước mắt, cô nhìn vào mặt anh ta, nức nở:

- Em về đây làm gì chứ? Chẳng lẽ chỉ để gọi anh một tiếng “cha”?

Người đàn ông giật nảy mình, đau khổ quay mặt đi, nước mắt rơi lã chã, đôi tay đặt trên vai cô bất chợt rung lên dữ dội! Cô gỡ đôi tay ấy khỏi vai mình.

Ngoài cửa, ráng chiều đã tắt, bầu trời tối sẫm lại. Đêm không sao, không trăng. Đèn đường bắt đầu bật sáng. Cô chầm chậm bước đi, rồi bước đi nhanh hơn, và chạy. Người đàn ông gọi theo, càng gọi cô càng chạy nhanh hơn. Âm vang của tiếng gọi cứ nhỏ dần, nhỏ dần rồi tắt hẳn. Vừa hay bóng đêm đen thẫm đã cùng lúc chôn vùi cả nỗi khổ đau và dĩ vãng của hai người!

LA SINH MÔN

Akutagawa Ryunosuke (Nhật Bản)

Chạng vạng tối, có một gã nô bộc trú mưa tại La Sinh Môn.

Bên dưới cổng thành rộng lớn, ngoài hẳn ra chẳng còn ai khác, chỉ thấy một chú dế đang ngẫ chồm chồm trên đầu một cây trụ tròn to sơn son thếp vàng đã tróc lở loang lổ. La Sinh Môn tọa lạc trên đại lộ Chu Tước vốn không thiếu khách bộ hành nam thanh nữ tú diện nón lá, mũ mền trú mưa ở đó, nhưng hiện tại chỉ có mỗi một mình gã nô bộc hết thời ở đấy mà thôi.

Vì sao lại như vậy? Vì rằng mấy năm trở lại đây liên tiếp gặp phải những trận động đất, gió bão, hỏa hoạn nặng nề, mất mùa đói kém liên miên, kinh thành vô cùng thê lương hoang vắng. Theo những gì còn ghi chép lại từ thời ấy, hồi đó có những tượng phật bằng gỗ, những hoành phi câu đối sơn son thếp vàng bị đập vỡ mang ra bỏ bên đường để bán làm củi. Tình cảnh ở kinh thành như thế nên việc tu sửa La Sinh Môn đương nhiên là chẳng ai quản nữa. Trong khung cảnh thê lương hoang phế đó, lũ chồn cáo và bọn gian manh cướp bóc thừa cơ tìm đến nơi này trú ngụ. Về sau, thậm chí đã thành thói quen, những xác chết vô chủ cũng bị đem vứt ở đó. Vì vậy, khi mặt trời vừa lặn, không khí nơi đây vô cùng ảm đạm, chẳng ai dám đến đây nữa.

Vậy mà, chẳng biết từ đâu, hàng đàn quạ đen lũ lượt kéo đến. Ban ngày chúng lượn lờ trên không om sòm táo tác. Ban đêm chúng đậu la liệt trên đỉnh lầu cổng thành. Đương nhiên là lũ quạ tụ tập tới đây để ăn xác người chết, chúng thải ra những bãi phân lổm đổm trắng khắp nơi. Gã nô bộc mặc chiếc áo khoác quý đã lâu không giặt, đặt đít ngẫ lên bậc thềm cao nhất trên chiếc cầu thang bảy bậc, tay mân mê vết loét trên má phải, mù mờ vô thức chờ mưa tạnh.

Gã nô bộc trú mưa? Đúng vậy. Nhưng cơn mưa tạnh đã lâu mà gã vẫn ngẫ im tại chỗ. Đúng ra là gã phải về nhà người chủ cũ, tuy nhiên, cách đây bốn năm hôm, ông chủ cũ đã cho gã thôi việc. Như trên đã nói, lúc bấy

giờ kinh thành rất tiêu điều, cho nên việc gã nô bộc bị lão chủ nhều năm nay cho thôi việc cũng là điều dễ hiểu, nó chẳng khác nào dư ba của một cơn sóng lớn mới tràn qua! Chuyện trú mưa của gã nô bộc thực ra chỉ là một cái cớ. Gã chẳng biết phải đi đâu. Mà thời tiết hôm nay càng làm cho gã u sầu, buồn thảm. Cơn mưa từ đầu giờ thân tới giờ Dậu vẫn chưa dứt hẳn. Gã nô bộc vẫn không thôi suy nghĩ xem ngày mai sẽ sống thế nào? Tiếng mưa rơi trên đại lộ Chu Tước vẫn đầu đầu vọng đến tai gã.

Mưa vẫn rơi rào rào trên La Sinh Môn. Từng đám mây đen nặng trĩu bay xiên trên đỉnh lầu cổng thành.

“Phải tìm cách gì để sống chứ, nếu không thì chết đói mất?”; “Bói đồng rác rưởi có lẫn xác chết tìm cái ăn ư?, ghê rợn quá!”; “Hay là... đi ăn cướp? Nhưng liệu mình có dám làm?”. Gã hắt xì hơi một tràng dài rồi dờ dẩn bước đi. Màn đêm đã kịp phủ xuống nơi cổng thành, từng luồng gió lạnh buốt thổi tới không chút nể nang khách khí khiến cho gã nô bộc run lên. Con dế trên cây trụ cổng đã biến mất tự bao giờ.

Gã nô bộc rút cổ lại, kéo vạt áo khoác phủ qua vai, nhìn ngó mông lung dường như muốn tìm lấy một nơi kín đáo vừa để tránh gió vừa không bị ai nhòm ngó, có thể yên tĩnh ngủ qua đêm. Gã chợt phát hiện ra thang gác dẫn lên lầu cũng sơn son thếp vàng và khá rộng rãi. Nhìn lên lầu thấy có mấy người nhưng họ đều đã chết. Gã đưa tay sờ vào thanh gươm giắt bên lưng, nhắc chân với chiếc giày cỏ đặt lên bậc cuối của cầu thang.

Một lát sau, gã nô bộc nhìn thấy ở khoảng giữa cầu thang có một người co rúm tựa một con mèo đang lăm lét nhìn quanh. Dưới ánh lửa lúc mờ lúc tỏ gã nhìn thấy một người đàn ông với chòm râu ngắn ngắn và một vết loét to bên má phải, đương nhiên đó cũng là một xác chết. Lên thêm mấy bậc nữa gã nô bộc nhìn thấy một người đang đốt lửa, ánh lửa chập chờn lay động làm ánh lên mờ mờ mấy tấm mạng nhện giăng trên trần lầu. Gã hiểu rất rõ, kẻ đốt lên ngọn lửa kia dứt khoát không thể là một người tằm thường.

Gã nô bộc như một con thạch sùng chợt đứng khựng lại, hiểu ra rằng chẳng hề dễ dàng chút nào để bước tới bậc cao nhất của cầu thang, liền áp sát người xuống thấp, vờn cổ ra thận trọng nhìn lên lầu. Ở đó đang có mấy thi thể bỏ ngổn ngang, bừa bãi. Ánh lửa yếu ớt, bập bùng đủ để nhìn thấy những xác người cả nam lẫn nữ trần truồng, còm nhom, rách rưới. Những thi thể này chẳng có vẻ gì là những người đã từng sống, nó giống

những con tò he hơn, há hốc mồm, thè lưỡi, tay dang ra nằm sõng soài trên đất.

Mùi hôi thối xộc lên nòng nặc từ đám xác chết khiến gã nô bộc phải bịt mũi lại. Nhưng ngay lúc đó gã đột nhiên giật nảy mình không còn cảm thấy hôi thối nữa: ng ồi xồm trong đồng xác chết là một người đàn bà già nua vừa lùn vừa ốm trông như một con khỉ mặc chiếc áo màu cọ xám. Tay phải mụ ta cầm cây đuốc bằng cành tùng đang cháy, mắt chăm chăm nhìn vào mặt người chết bên cạnh, một người có mái tóc đẹp, hình như là một cô gái.

Gã nô bộc vừa hoảng sợ vừa hiếu kỳ, bị kích động quá mạnh khiến cho tim gã như ngừng đập. Quả như người xưa nói, gã sợ đến sỗn tóc gáy! Mụ già bỏ cây đuốc xuống nền nhà, hai tay nâng đầu người đàn bà đã chết, và... giống như khỉ mẹ bắt chấy cho khỉ con, mụ nhổ từng sợi từng sợi tóc người chết.

Nhìn thấy cảnh tượng đó, nỗi sợ hãi trong lòng gã nô bộc từ từ biến mất, đồng thời lòng căm giận đối với mụ già mỗi lúc một dâng lên. Chỉ trước đây ít phút gã nô bộc không hề do dự khi phải chọn việc có thể chết đổi thay vì đi làm kẻ cướp thì bây giờ ý nghĩ của gã đã hoàn toàn thay đổi. Bỏ đuốc cành tùng bốc cháy phần phật trên sàn gác.

Gã nô bộc không hiểu vì sao mụ già lại nhổ tóc người chết và cũng chưa thể phán đoán rõ ràng việc đó là đúng hay sai, chỉ biết rằng, trong một đêm mưa gió như thế này việc l ần mò nhổ tóc người chết là một tội ác không thể tha thứ được! Đương nhiên gã nô bộc quên khuấy rằng chính gã cũng vừa quyết định sẽ trở thành kẻ cướp.

Gã nô bộc sờ tay vào chuôi gươm, lao thẳng tới trước mặt mụ già. Mụ già kinh hoàng bỏ chạy.

“Đứng lại!” - Gã nô bộc bước tránh những xác chết dưới chân, đuổi theo mụ già, quát lớn. Mụ già cố đẩy gã ra để chạy thoát nhưng gã đã kịp kéo tay mụ lại, hai người xoắn lấy nhau trong đồng xác chết. Chẳng lâu la gì, gã nô bộc đã quật ngã mụ đàn bà xuống sàn gác, giữ chặt hai cánh tay gầy guộc của mụ như đang nắm cặp chân gà.

“Mụ đang làm gì, nói mau! Nếu không ta giết!”

Gã nô bộc kéo mụ già đứng dậy, rút gươm ra khỏi vỏ, huơ huơ trước mặt. Mụ già nín lặng, người run bắn lên như c ầy sẩy, mắt mở to kinh hãi.

Gã nô bộc ý thức được rằng, mạng sống của mụ ta hoàn toàn nằm trong tay mình, nên hả dằn cơn giận và muốn biết chuyện gì đã xảy ra, liền cúi xuống nhìn mụ già chậm rãi nói:

“Ta không phải là quan tuần tra mà chỉ là khách qua đường, không thể bắt trói mụ được. Hãy nói cho ta biết vì sao mụ lại ở đây vào lúc này? Cuối cùng thì mụ đã làm gì?”

Với hai hốc mắt đỏ bầm của loài chim ăn thịt, mụ già ngược nhìn gã nô bộc, thở hỗn hển và phát ra một giọng khàn khàn như loài quạ:

“Nhổ tóc... Nhổ tóc... để làm tóc giả mà...”

Nghe mụ già trả lời, gã nô bộc cảm thấy rất thất vọng, gã thấy khinh miệt hơn là căm giận. Thấy thái độ của gã nô bộc có dịu đi đôi chút, mụ già vừa nắm chặt lọn tóc của người chết vừa phát ra cái giọng oàm oạp như cóc nhái, phân trần:

“Nhổ tóc người chết là không đúng rồi, có đi đâu, những người này, lúc sống họ cũng đã từng làm những nghề thất nhân tâm như vậy. Người đàn bà mà lão nhổ tóc đây lúc trước đã bắt rắn lấy thịt phơi khô làm cá khô bán cho lính. Nếu không chết vì bệnh dịch, lúc này mụ ta sẽ cũng làm như thế. Cá khô của mụ ngon lắm, lính mua tới tấp có lúc không có mà bán. Mụ ta làm thế cũng đâu có xấu, bởi nếu không mụ sẽ chết đói! Ông bảo lão làm việc xấu, nhưng không làm lão chết đói mất, có cách nào khác nữa đâu, chắc là bà ta sẽ tha tội cho lão thôi”. - Đại thể là mụ già đã nói những lời như thế.

Gã nô bộc tra gươm vào vỏ, tay trái nắm chuôi gươm, tay phải sờ lên chỗ loét trên má phải, lạnh lùng nghe mụ già nói. Lúc này sự tức giận lại bùng lên trong lòng gã. Không còn sự chọn lựa nào nữa, gã đã quyết định.

“Sự thực là như thế sao?”

“Đúng là như vậy, thưa ông!”

Câu trả lời của mụ già vừa dứt, gã nô bộc cười gằn một tiếng, bước lên trước một bước, tay phải kéo mạnh vạt áo khoác của mụ già, hung hãn nói:

“Vậy thì ta sẽ lột chiếc áo này của mụ! Chớ oán hận ta làm gì! Nếu không làm thế ta cũng sẽ chết đói!”

Gã nô bộc lột sạch quần áo của mụ già, đập mụ ngã sấp vào đồng xác chết, sải bước tới cửa thang gác, dưới nách là bộ áo quần màu cọ xám vừa cướp được, lao thẳng xuống thang gác, mất hút giữa đêm mưa mù mịt.

Chẳng bao lâu sau, cụ già tưởng như đã chết, thân thể lả lợ, lờ mờ còm
bò dậy từ đồng tử thi, mờ mờ lấm nhấm những gì không rõ, nhờ ánh sáng
chập chờn của ngọn đuốc canh tùng, bò đến cửa thang gác, vuốt vuốt mớ
tóc bạc trắng, ngẩn cựa, rồi bủ trên đầu, nhìn vọng ra xa. Bên ngoài là một
màn đêm đen kịt.

Không ai biết gã nô bộc đi đâu về đâu!

CÁI GIÁ PHẢI TRẢ

Youjin (Singapore)

Anh ta thọc tay vào túi quần, trong túi có một con dao dài 6 tấc Anh, nhọn và sắc lẹm. Bàn tay nắm con dao, chẳng những lạnh mà còn run nữa!

“Lạy Trời! Xin Người hãy giúp con một lần này thôi! - Anh ta thành tâm cầu khẩn - Chỉ cần vượt qua được cơn nguy cấp này, con xin đền đáp cho Người bằng bất cứ giá nào!”

Đêm có trăng, trăng tròn và rất sáng. Tuy nhiên, khi anh ta ngửa mặt nhìn lên bầu trời đêm thăm thẳm, anh ta không còn thấy trăng nữa mà chỉ thấy khuôn mặt bầu bĩnh đáng yêu của Xiaokang, chỉ mới bốn tuổi mà đã thông minh, hiểu biết nhiều thứ. Trước đây hai tháng, sau khi mẹ nó bỏ nhà ra đi, chẳng rõ đi đâu, thằng bé cứ thế mà lớn lên từng ngày chẳng cần ai quan tâm chăm sóc. Nó lớn lên, khôn ngoan đến nỗi anh ta là bố nó mà vẫn cảm thấy lạ.

Anh ta là thủ kho của một công ty, thu nhập không được bao nhiêu, nhưng nhờ biết chi tiêu tằn tiện nên cũng đủ sống qua ngày. Nửa năm trước, công ty phá sản, anh ta mất việc, lại chả có nghề gì, trong lúc nền kinh tế suy thoái, đâu đâu cũng sa thải nhân viên, tìm được việc làm đâu phải dễ. Mẹ thằng bé không hề biết cảm thông chia sẻ, tính khí lại nóng nảy, thô bạo, khi nhà túng bấn thường cãi vã, chì chiết chòng con, cuối cùng ôm hết quần áo, bỏ đi.

Sau khi vợ bỏ đi, anh ta cũng tự mình đánh mất nhân cách của mình! Vay mượn, xin xỏ, thậm chí đi ăn mày anh ta đều làm tất. Những người cho anh ta mượn tiền phần nhiều đều trông chờ vào cậu con trai của anh ta, nhưng chính vì thế càng khiến cho anh ta rất khó tìm được việc làm. Khi anh ta cảm thấy mọi cơ hội sắp vượt - khỏi tầm tay mình, thằng bé lại bị viêm phổi cấp, phải đưa đến bệnh viện cấp cứu ngay trong đêm. Thằng bé nằm viện đã bốn ngày mà anh ta không dám đến thăm bởi không có tiền thuốc và tiền viện phí.

Nhưng... thằng bé là tài sản duy nhất còn lại của anh ta, lẽ nào anh ta có thể bỏ mặc?

Bàn tay nắm chặt chuôi dao đã ướt đẫm mồ hôi lạnh.

“Con chỉ làm một lần duy nhất này thôi! Trời ơi! Xin Người hãy giúp con! Con nguyện sẽ đền đáp cho Người bằng bất cứ giá nào!” - Anh ta lại khẩn cầu lần nữa.

Đây là một con phố yên tĩnh. Anh ta đã quan sát kỹ rồi, ban đêm vẫn có người qua lại. Cướp ở đây, cần chạy thoát cũng dễ bởi từ con phố chính có nhiều đường rẽ, chỉ cần linh hoạt lách vào một ngã rẽ nào đó là có thể chạy thoát. Anh ta thậm chí còn vạch sẵn con đường tẩu thoát, khi cần.

Đêm. Quá 11 giờ, anh ta đếm có cả thảy 5 người qua đây. Đáng tiếc là chẳng có ai có vẻ giàu có cả. Đàn ông, anh ta không dám cướp; người già, không cần cướp; trẻ nhỏ, không muốn cướp; số còn lại là phụ nữ.

Tối nay, có vẻ như vận khí không được tốt lắm! Anh ta cần tờ báo đứng dưới ngọn đèn đường giả vờ đọc, mắt vẫn không rời những người đi qua phố. Một người, hai người, ba người, đều là đàn ông.

11 giờ 45. Đây rồi. Một phụ nữ khoảng trên bốn mươi, bước xuống taxi, tay xách túi, kẹp nách một ví da màu vàng cũ kỹ. Anh ta chột nghe thấy tiếng tim mình đập thình thình. Đường như lòng ngực anh ta sắp vỡ tung!

Chờ cho người phụ nữ đi vào phố, anh ta bỏ tờ báo xuống, lẻ làng lên theo sau như một con mèo.

Cơ may không thể bỏ lỡ! Anh ta lao thẳng tới trước như một mũi tên, một tay thộp vai người phụ nữ, tay kia choàng qua người chị, dí mũi dao vào cổ nạn nhân, hạ giọng:

- Đừng động đây! Không được kêu! Tôi chỉ cần tiền thôi!

Người phụ nữ bỗng dừng bị tấn công, kinh hãi đến đờ cả người, chiếc túi da và cái ví xách tay rơi đánh “soạt” xuống đất. Anh ta giật mình nói:

- Cô đừng chống cự. Tôi nhất định không hại cô đâu!

Người phụ nữ vội gật đầu. Anh ta thả tay ra, không ngờ người phụ nữ quỵ sụp xuống đất, nức nở, nghẹn ngào nói:

- Chú ơi! Chú hãy thương con! Tiền trong túi của con đây là con đi mượn về để trả viện phí cho con trai con đang đau nặng chú ơi!

Con trai? Viên phí? Anh ta như bị sét đánh, đầu óc cứ ong ong nhưc buốt, nhưng cũng ngay lúc đó, khuôn mặt b ầu bĩnh đáng yêu của Xiaokang lại hiện lên. Anh ta chẳng còn nghĩ ngợi gì hết, nhặt chiếc ví da, chạy thẳng vào ngã rẽ đã định trước, mặc cho sau lưng v ảng lại tiếng kêu khóc n ề của người phụ nữ. Tiếng khóc nhỏ d ần, tắt lịm giữa đêm sâu...

Về đến nhà, đắp chăn trùm kín đầu, anh ta vẫn run b ần bật, cố nén tiếng, khóc sấp bật ra khỏi lồng ngực. Tiếng chuông điện thoại reo mấy lần, anh ta đầu không bắt máy.

Hai giờ sáng. Tiếng chuông cửa đột ngột vang lên như xé toạc cả màng nhĩ. Anh ta vội chạy ra cửa. Nhìn qua khe cửa, anh ta há hốc m ồm kinh ngạc, m ồ hôi lạnh toát ra như tắm. Đứng chờ ngoài cửa là một viên cảnh sát. “Sao lại đến nhanh thế nhỉ!”

Đầu óc anh ta hoàn toàn mê muội, không còn nghĩ được đi ều gì.

Lúc đó, tiếng chuông cửa lại vang lên lần nữa. Anh ta lập cập mở cửa.

Trong tay viên cảnh sát không có cồng số 8. Viên cảnh sát nhìn anh ta bằng ánh mắt cảm thông, chia sẻ, nhẹ nhàng hỏi:

- Anh Zhangpin có ở nhà chứ ạ?

- Là tôi đây - Anh ta d ờ d ẫn đáp.

- Xin anh hãy bình tĩnh. Tôi đến đây để báo cho anh một tin bu ồn, con trai anh đã chết lúc 11 giờ 45 phút đêm qua.

Con trai, chết? 11 giờ 45? Đôi chân anh ta nhũn ra, ngã quỵ xuống đất, hôn mê. Lúc đó dường như vang lên tiếng nói từ phía trời xa đưa lại, “Con nguyện sẽ đền đáp cho Người bằng bất cứ giá nào!”

NHỮNG CHIẾC BÌNH CỒ

Simagong (Thái Lan)

Cổ ngữ có câu “Ngoạn vật táng chí”, có nghĩa là, say mê vật chất sẽ chôn mất ý chí, nhưng với tôi thì không phải như vậy. Tôi chơi đồ cổ đã hơn ba năm, càng chơi càng hứng thú, càng chơi càng quyết chí theo đuổi chuyện này, nhất là từ khi nghỉ hưu hồi năm ngoái, việc sưu tầm đồ cổ trở thành niềm đam mê lớn nhất của tôi, đặc biệt là những chiếc ấm trà cổ loại nhỏ.

Một hôm, tôi đến chùa Yueshapan lễ Phật. Tại phòng ở của sư trụ trì, trong chiếc tủ gỗ cổ có năm chiếc bình trà nhỏ quý hiếm được chế tạo theo phong cách thuần phác cổ xưa, khiến tôi vô cùng thích thú. Tôi liền tìm cách nói chuyện với đại sư Ba Khuông, vị Thượng tọa trụ trì ngôi chùa này. Cuộc chuyện trò diễn ra rất vui vẻ và hai bên khá ăn ý nhau. Từ hôm đó tôi thường đến tìm Thượng tọa Ba Khuông.

Thực ra, việc thường xuyên lui tới chùa Yueshapan cũng chỉ là “mượn hơi men để nói chuyện khác” như cổ nhân vẫn nói mà thôi. Tôi hay đến chùa thăm Đại sư chủ yếu là để xem kỹ năm chiếc bình trà cổ quý hiếm mà ngay từ lần đầu trông thấy tôi đã vô cùng thích thú.

Mấy tháng sau tôi bỏ ra hai trăm thù (1 thù = 1/24 lạng bạc) mua 1 cân trà Ô Long ở quán trà “Diệu Hoa Lược”, lại chi thêm 80 thù mua một chiếc bình trà nhỏ loại mới, sản phẩm nổi tiếng của xưởng gốm Nghi Hưng, hí hửng mang đến chùa gặp Đại sư Ba Khuông.

“Mô Phật! Con mang tới cho thầy chiếc bình trà kiểu mới, muốn đổi lấy chiếc bình cũ trong tủ gỗ kia. Có thêm cân trà Ô Long biếu thầy uống nước!” Tôi vừa nói vừa mở tủ, đặt chiếc bình mới vào đó, tiện tay lấy luôn chiếc bình cũ ra.

Thượng tọa Ba Khuông trở mặt nhìn tôi kinh ngạc. Tôi vội vàng rút trong túi ra một chiếc phong bì đựng 1.000 thù đã chuẩn bị sẵn để lên bàn, nói: “Thưa Đại sư, con có 1.000 thù thiện kim phụng hiến nhà chùa đây ạ!”.

Thượng tọa Ba Khuông nhắm mắt lại, lặng thinh. Tôi nói thêm vài câu rồi mang chiếc bình cổ về nhà.

Tôi mua tiếp ba chiếc bình mới, ba cân trà Ô Long và chuẩn bị 3.000 thù hiện kim, trong vòng ba tháng trời lần nữa đổi lấy ba chiếc bình quý hiếm.

Chiếc bình quý thứ năm đương nhiên là tôi không thể bỏ qua được. Một hôm, tôi lại làm theo cách cũ, đến chùa gặp vị lão Thượng tọa đáng kính. Nhìn vào chiếc tủ gỗ tôi giật nảy mình: chiếc bình trà thứ năm không thấy nữa, thay vào đó là một chiếc bình mới giống hệt bốn chiếc bình tôi đã đem đến đây trong vòng ba tháng qua. Nhất định có kẻ nào đó đã đổi lấy chiếc bình cổ theo cách của tôi từng làm. Tôi ân hận vì mình đã quá muộn!

“Thưa thầy, ai đã đổi chiếc bình trà còn lại thế ạ?”. Tôi hỏi.

Vị đại sư nhìn tôi, nói:

“Chúc mừng thí chủ! Chiếc hộp giấy này dành cho con đấy! Con mang nó về đi!”

Thượng tọa Ba Khuông đưa tay chỉ chiếc hộp giấy bên cạnh bàn, nhắm mắt lại, nhập định!

Về tới nhà, tôi mở chiếc hộp giấy ra xem. Tim tôi dường như sắp vọt ra khỏi lồng ngực. Trong chiếc hộp giấy có tất cả bốn chiếc bình trà mới của xưởng gốm Nghi Hưng, bốn cân trà Ô Long, bốn chiếc phong bì, mỗi chiếc đựng 1.000 thù tiền mặt và... có cả chiếc bình cổ thứ 5 mà tôi đang mong chiếm giữ.

Suốt đêm hôm đó tôi trần trọc mãi không sao ngủ được. Tôi không mất gì cả mà lại được những năm chiếc bình cổ! Hình ảnh năm chiếc bình quý hiếm ấy suốt đêm chồn vờn trong giấc ngủ khiến tôi cảm thấy rất bất an!

Sáng hôm sau tôi mang năm chiếc bình cổ đến chùa Yueshapan. Đại sư Ba Khuông lại đang ngẩn thẩn, nhập định. Tôi nhẹ nhàng đặt năm chiếc bình vào tủ gỗ.

“Chúc mừng thí chủ. Trong tủ có hay không những chiếc bình trà, bình trà mới hay cũ, đối với ta đều như nhau cả! Nhưng, với thí chủ, có thể nó rất quan trọng! Tuy nhiên, có nó như thế nào mới là điều quan trọng nhất!”

- Tiếng nói của vị Thượng tọa đáng kính vọng lại từ sau lưng tôi.

Tôi xoay người lại phía Đại sư, chấp tay thi lễ, cúi đầu bước tới quỳ xuống cạnh ông:

“Thưa thầy! Đúng là rất quan trọng đối với con! Năm chiếc bình cổ đó, từ ngày con nhìn thấy, đã trở thành niềm ước ao cháy bỏng trong con. Con hiểu, con chỉ có thể có nó một cách chính trực, thưa thầy!”

Tôi rời khỏi chùa Yueshapan, trong lòng ngẫm nghĩ: “Được hay mất thực ra chỉ khác nhau ở khái niệm mà thôi! Mất cũng có thể là được lắm chứ! Dù không hiện diện trong bộ sưu tập đồ cổ không quá ít của tôi, nhưng từ nay năm chiếc bình cổ đó sẽ tồn tại trong lòng tôi mãi mãi!...

NGƯỜI ĐÁNG THƯƠNG

Hefeng (Mianma)

Yehong là một ký giả giàu tư chất rất có ảnh hưởng trong giới báo chí, đồng thời lại là một nữ tác giả trẻ có chút tiếng tăm. Cô luôn kiên trì thâm nhập vào các tầng lớp xã hội; đi đầu tra, phản ánh các khía cạnh của cuộc sống các tầng lớp dân cư nghèo khổ; quan tâm đến những hoàn cảnh khó khăn của những người yếu thế, những người đáng thương trong cuộc sống; kêu gọi mọi người yêu thương nhau, làm trong sạch tâm hồn, làm yên ổn cuộc sống. Những vấn đề được phản ánh trong tác phẩm của Yehong đều khiến xã hội quan tâm. Cô là một nhà văn được mọi người yêu mến.

Có lần Yehong đến một vùng quê ở miền núi lâu đời cơ hồ bị chìm ngập trong những cánh rừng hoang vu, vắng vẻ. Người dân nơi đây vô cùng cực khổ. Những nếp nhà tranh nhỏ bé, cũ kỹ, hư nát; những bức tường được ghép bằng tre pheo trông trải không ngăn nổi gió lùa; những đứa trẻ trần trụi trạc, gầy còm ốm yếu, ngơ ngác, lạ lẫm nhìn những người từ nơi khác đến khiến Yehong hoảng sợ, một cảm giác cô chưa từng có bao giờ đối với những người cùng khổ.

Đêm đó Yehong ngủ lại trong túp nhà tranh của hộ khá nhất vùng. Phòng ngủ giống một chiếc lồng chim lớn dù không ngăn được sự tò mò nhòm ngó của dân làng nhưng có thể ngăn được lũ chó mèo và những con vật nhỏ vào ra.

Đêm đó ông chủ không ở nhà.

Bà chủ nhiệt tình, hiếu khách là một phụ nữ trung niên, không gầy không béo. Chị rất thích nói chuyện và có biết Yehong là nhà báo. Yehong đang ghi chép vào cuốn sổ tay dưới ánh đèn dầu vàng vọt. Ngủ được một lúc, chị chủ nhà thức dậy, nói là không ngủ được, muốn nói chuyện với Yehong. Chị mặc thêm áo ấm rồi đến trước mặt Yehong bắt chuyện. Đương nhiên là Yehong hưởng ứng rất nhiệt tình.

Đêm ở xóm núi, trong chiếc lều chim ấy, với một ngọn đèn dầu và hai người phụ nữ, câu chuyện tâm tình của họ râm ran...

Hai người phụ nữ gặp nhau hôm nay không chỉ là cơ duyên mà còn là phúc phận từ kiếp trước! Hai trái tim lạnh lẽo vừa gặp nhau đã nảy sinh tình cảm ấm nồng. Thì ra, sự gặp gỡ giữa họ không tình cờ chút nào: hai người phụ nữ đầu cùng họ với nhau, 500 năm trước là người một nhà!

Hai người phụ nữ sinh cùng ngày, cùng tháng, cùng năm, cho dù hiện tại trông họ như mẹ con.

Khi chị chủ nhà ra đời, trời còn chưa sáng.

Lúc nhà văn nữ sinh, mặt trời đã lên cao.

Chị chủ nhà xưng chị. Nữ văn sĩ nhận là em.

Đã là chị em thì nói gì cũng được, nói sao cũng xong.

Chị kể những đi đầu kỳ lạ ở xóm núi. Em chăm chú nghe, càng nghe càng thấy hứng thú.

Em kể những cuộc phiêu lưu đây đó, những danh lam thắng cảnh, những đi đầu tai nghe mắt thấy ở thế giới bên ngoài. Chị càng nghe càng lơ mơ chẳng hiểu gì cả!

Dù đã rất khuya nhưng vẫn là đêm, hai người phụ nữ tiếp tục tán chuyện dài dài...

Chị nói, đêm không có đàn ông, có cô em gái bên cạnh cũng không tởm. Người đàn ông của chị đêm đó vốn thuộc về chị, nhưng em đến, em là khách nữ, có đàn ông không tiện, vậy là anh ta đến với người vợ thứ hai vừa cưới cách đây hai tháng. Chị nói, chị không hận chồng mình mà chỉ hận người đàn bà đã cướp người đàn ông của chị. Đêm nay để chồng qua đêm với thị, chị sẽ bắt thị phải bồi hoàn...

Chị kể hết chuyện người đàn ông của mình, liền muốn nghe chuyện người đàn ông của em.

Em ậm ừ từ chối. Chị bảo, “Chị đã kể hết chuyện của chị, em nhất định phải kể chuyện của em chứ!”

Em cười rất tươi và... chị đòi em cho xem... Chị cười lớn: “Ha ha... đã qua đàn ông rồi, còn xấu hổ nỗi gì? Đầu là đàn bà, sao còn mắc cỡ? Có ai bảo em kể chuyện đó với gã đàn ông của em đâu mà em xấu hổ?”

Em nói: “Em vẫn chưa có chồng mà chị!”

Chị ngạc nhiên lắm, áy náy nói:

- Ôi em gái thật đáng thương! - Chị xót xa nhìn Yehong, nói tiếp - Chúng ta đều ba mươi mấy cả rồi... Chị đâu có biết... Mà thôi em à. Em cũng đừng buồn làm gì. Ngay ở đây cũng có hai cô giống em đấy, bỏ xứ đi hai năm, lại về hai năm nay mà chẳng ai chịu lấy. Em nghe chị, lần này về hãy tìm một người đàn ông cho mình! Phụ nữ lớn tuổi như chị em mình mà không có đàn ông thì coi như không có nhà, đáng thương lắm! Chị bây giờ chỉ có một nửa người đàn ông, cũng thật đáng thương, nhưng còn em thì...

Trong đêm vắng, nhà văn nghe tới đây chợt giật mình, đột nhiên cảm thấy mơ hồ rối rắm như thể đang trôi trong đám sương mù dày đặc.

Đêm hôm đó nhà văn nữ của chúng ta thức cho tới sáng. Cô không nghĩ ra được điều gì mới mẻ.

Sáng hôm sau hai chị em bịn rịn chia tay. Cả hai đều nước mắt lưng tròng! Người xóm núi lặng lẽ nhìn hai người đàn bà bằng ánh mắt nghi ngờ dò xét.

Một bà lão còng lưng và bé gái cỡ mười tuổi ngồi trên chiếc băng gỗ nhìn nữ nhà văn rửa nước mắt một mình đi về phía cánh rừng. Bé gái nói:

- Bà ơi, sao chị kia lại khóc?

Bà lão nuốt nước bọt, chậm rãi nói:

- Con gái lớn thế kia mà một mình lưu lạc tứ phương, không nhà cửa để về không khóc mới là lạ!

- Thật đáng thương! - Bé gái thốt lên.

Yehong đi theo con đường nhỏ xuyên qua khu rừng chợt nhận ra mình đáng thương thật, lòng trống trải tựa một cánh rừng hoang vắng, âm u.

Yehong nhìn lại những túp lều tranh lưng chừng núi trông như những thân cây vừng trôi nổi bập bềnh trên đại dương xanh biếc. Lúc này cô chợt nhận ra rằng: trên thế giới này thực ra không có ai là người đáng thương cả, chẳng qua vì họ không cùng quan điểm về cuộc sống nên mới ngộ nhận thế thôi!

CÂY ĐÈN ĐƯỜNG VÀ CON PHỐ CỦA CHÚNG TÔI

Azit Nexin (Thỗ Nhĩ Kỳ)

Cư dân ở con phố của chúng tôi luôn ca thán rằng họ không sao hiểu nổi việc cứ bốn năm một lần lại phải đi bầu các tham nghị viên. Xin mọi người chớ nghĩ rằng chúng tôi đã có tham nghị viên để đại diện cho mình làm chủ mọi thứ ở đây. Làm gì có chuyện hay ho ấy... Cũng đừng cho rằng tham nghị viên chính là người của con phố chúng tôi cử ra. Đó là chuyện mơ giữa ban ngày! Tham nghị viên căn bản không xuất thân từ con phố của chúng tôi, còn nếu có một người từ nơi khác lỡ bước đi vào đây thì ông ta sẽ không bao giờ trở ra được. Từ trước tới giờ xe ô tô chưa khi nào vào đây, tàu điện không có, xe lớn cũng không, ngay cả xe do lừa kéo cũng không vào được.

Anh đừng có mà cao hứng đi qua con phố của chúng tôi, bảo đảm với anh, ngay cả chiếc đờng hồ quả quít của anh cũng sẽ ngừng chạy. Một người văn minh sống tại một thành phố lớn chỉ cần nhìn thấy con phố của chúng tôi cũng khiến cho đầu óc ông ta trở nên trục trặc!

Nhưng chúng tôi thì hàng ngày vẫn phải đi lại trên con phố ngay cả xe lừa kéo cũng không vào được đó. Cánh đàn bà con gái kéo lê những đôi guốc gỗ lộc cộc; những đứa bé chân đất chạy nhảy lung tung. Có cách nào khác đâu, chúng tôi sinh sống ở ngay con phố này sao có thể không qua lại trên con đường ấy?

Có đi đâu, dù cư dân trên con phố của chúng tôi chẳng hiểu trời cao đất dày là gì song lại phải lo những chuyện thuộc về quốc gia đại sự! Rõ ràng là mọi người rất bất mãn về việc cứ bốn năm lại phải bầu tham nghị viên một lần.

- Các vị làm sao thế hả? Các vị có hiểu tuyên cử là thế nào không?

Tôi đã cố giải thích cho dân ở đây hiểu, nhưng xem ra chỉ vô ích mà thôi. Họ chẳng hiểu gì cả. Họ vẫn cho là mình thông minh nhưng thực ra là

chẳng hiểu một chút đạo lý nào cả. Kể cũng lạ: hàng ngày họ vẫn thản nhiên qua lại trên con phố ngay cả xe lừa kéo cũng không qua được đó mà chẳng hề kêu ca phàn nàn gì.

- Thôi được! Nếu mọi người không tán thành bốn năm bầu tham nghị viên một lần thì tám năm bầu một lần vậy, được không? - Tôi hỏi.

- Không! Phải tuyển cử nhiều lần hơn mới phải chứ! - Mọi người nhao nhao trả lời.

- Thế thì hai năm một lần vậy nhé?

- Không đâu người anh em! Mỗi đêm ta nên bầu cử một lần!

- Ôi! Các vị điên hết rồi sao? - Tôi thở hắt ra, hỏi.

Con phố mà chúng tôi đang nói đây thật là quái lạ: ai ai cũng đều mắc nợ! Chỗ này, chủ nhà đuổi khách trọ vì đến hạn mà không chịu trả tiền; chỗ kia, chủ nợ đập cửa những người thuê trọ đòi tiền. Trên các cánh cửa đây những chỗ khắc bậy vẽ bậy, cho nên chẳng còn chỗ đâu để các ông bà chủ cửa hàng bán sữa bò, bán nước giải khát, bán bánh mì khắc các ký hiệu về những khoản nợ chưa đòi được. Dân ở đây phải thức dậy từ lúc trời chưa kịp sáng và làm việc quần quật để kiếm sống; mệt mỗi phút khiếp lên được. Từ trưa cho tới lúc đọc lời sám hối lần thứ ba trong ngày, đó là lúc mẹ đánh mắng con; khi màn đêm buông xuống, đó là thời gian cho những cuộc cãi vã, thậm chí đánh nhau giữa cánh đàn ông, kể cả đám đàn bà con gái. Từ khuya cho tới sáng là lúc các mẹ vợ cãi nhau với người đàn ông của mình!

Nghe nói trên trái đất của chúng ta chiến tranh đã kết thúc, nhưng chuyện đó có can hệ gì đến chúng tôi? Chiến tranh ở con phố của chúng tôi vẫn đang tiếp diễn.

Có thể khái quát một câu là: Cư dân trên con phố của chúng tôi có không biết bao nhiêu là chuyện để u sầu, bi thương, chán nản... khiến cho ai ai cũng như phát điên lên!

Tôi cố thuyết phục cư dân ở đây lần nữa:

- Hỡi các công dân khả kính. Chuyện bầu cử tham nghị viên là chuyện quốc gia đại sự, đâu phải chuyện đùa, làm sao có thể mỗi đêm bầu một lần được?

Không ngờ, vấn đề căn bản không phải là ở chỗ đó! Nó ở chỗ khác cơ!

Trên con phố của chúng tôi có một cây đèn đường. Không giấu gì các bạn, cây đèn ấy là hữu danh vô thực: nó không còn bóng, không có chao đèn, không có cả cổ đèn nữa! Tóm lại, ở đây chỉ còn độc một cây trụ sắt, nhưng chúng tôi vẫn quen gọi nó là cây đèn đường.

Dân ở phố tôi từ lâu đã quên mất một chân lý giản đơn rằng, đèn đường là phải chiếu sáng con đường! Dù sao, cái trụ sắt trơ trọi kia cũng là thứ tô điểm phần nào cho con phố nghèo nàn của chúng tôi! Chính cái trụ sắt ấy lại là nơi lý tưởng cho tụi trẻ con thích thú đuổi nhau chạy vòng quanh. Lúc khác, khi thấy chim bay tới đậu trên đầu trụ sắt thì chúng lại thi nhau giương ná lên mà bắn.

Vậy, trụ đèn đường này ai đã dựng nên? Một nhà từ thiện? Một tổ chức từ thiện hay là Nhà nước? Hoặc giả là chính quyền địa phương? Chúng tôi không ai biết cả. Thế nó có từ lúc nào? Tại sao lại có? Thực ra, biết những thứ này để làm gì chứ? Chúng tôi chỉ nghe các cụ già “cổ lai hy” kể lại, ngọn đèn này khi Leisadest đăng quang có sáng một lần. Về sau, khi công bố Hiến pháp, đèn sáng được một hai đêm. Thế nhưng, ngay cả khi thành lập nước cộng hòa, đèn có sáng không, đến nay vẫn còn là một câu đố. Có người nói có, có người lại nói không, chẳng biết ai đúng ai sai.

Một vấn đề đặt ra là, chuyện cây đèn đường và việc bầu cử tham nghị viên có liên quan gì với nhau? Một ông già bộc trực và mau miệng giải thích:

- Mọi người có nhớ lần tuyên cử gần đây nhất không? Trong ngày bầu cử đó, cây đèn đường của chúng ta được lắp bóng, chao, cổ đèn mới và đêm đó nó được thắp sáng bằng khí than. Con phố của chúng ta tức thời náo nhiệt hẳn lên! Thế nhưng, qua đêm hôm sau và cho mãi đến bây giờ đèn vẫn không sáng thêm lần nào nữa!

Cám ơn Thượng đế, đến lúc này thì tôi đã rõ. Tôi hiểu vì sao dân phố này hy vọng đêm nào cũng có bầu cử! Thật lòng mà nói, tôi cũng rất đồng tình với ý nguyện của cư dân nơi đây!

TÔI TỰ SÁT NHƯ THẾ NÀO

Azit Nexin (Thỗ Nhĩ Kỳ)

Tôi đang phải sống những ngày thật tồi tệ nên đã quyết định tự sát!

Và đây là lần tự sát đầu tiên của tôi. “Ôi bạn ơi! Tôi tự nói với mình - Làm sao để chết một cách tốt nhất? Dùng súng lục hay dao găm?”

Chết cách nào cũng vậy thôi, có đi đâu, tôi phải chết sao cho cao thượng một chút! Tôi quyết định uống thuốc độc. Tôi mua thuốc độc ở cửa hàng dược, đóng chặt cửa phòng ngủ, viết một bức thư tuyệt mệnh thật dài với lời lẽ vô cùng thống thiết, cuối thư là câu “Vĩnh biệt kiếp người hư không trống rỗng! Vĩnh biệt số phận biến ảo khôn lường! Vĩnh biệt tất cả!”, đoạn, tôi uống ly thuốc độc rồi nằm xuống giường. Chắc chắn là huyết quản tôi sẽ vận thất như một đoạn thừng bị xoắn, tay chân co rúm, dòng máu sẽ đông cứng lại ngay thôi. Tôi chờ đợi mọi chuyện sẽ xảy ra... nhưng tuyệt nhiên không hề có gì xảy ra cả. Thế là tôi uống tiếp ly thuốc độc thứ hai, rồi ly thứ ba... nhưng vẫn chẳng có phản ứng gì. Về sau, tôi ngộ ra rằng, ở cái đất nước này, không chỉ có sữa bò giả, dầu ăn giả, sữa bột giả... mà ngay cả thuốc độc cũng giả nốt! Hóa ra muốn tự sát cũng không phải dễ! Nhưng tôi thì quyết tâm lắm! Phải chết cho bằng được! Tôi nghĩ, bắn một phát súng vào đầu là xong chứ gì. Tôi dí súng vào huyệt thái dương, bóp cò “tạch” một phát, lại bóp cò lần nữa “tạch”, bóp cò lần thứ ba đạn vẫn không nổ. Thì ra, đây là loại súng viện trợ của Mỹ, bị thiếu linh kiện. Cách này lại bị vô hiệu hóa. Thôi được, tôi nghĩ tới cách khác chắc chắn hơn, là dùng khí gas. Cách này vừa nhẹ nhàng vừa nên thơ! Tôi mở bình khí gas, đóng kín tất cả các cửa lại, lựa chọn tư thế thoải mái nhất rồi lên ghế, chờ thần chết đến đón!

Quá trưa. Rồi màn đêm buông xuống, tôi vẫn thở bình thường. Tối đến, một người bạn tới tìm tôi.

- Không được vào! - Tôi gào lên.

- Sao thế?

- Tôi đang chết đây!
- Cậu không chết, cậu điên rồi thì có!

Anh bạn tôi xem qua bình gas rồi cười lớn, nói;

- Cậu mua phải gas dỏm thế này thì chết thế quái nào được? - Đoạn, anh ta nghiêm giọng hỏi:

- Thế cậu muốn chết thật à?
- Đương nhiên là thật!
- Được! Tôi sẽ giúp cậu!

Anh bảo tôi tới hiệu bán dao mua lấy một con dao chọc tiết lợn, sau đó hãy làm như các võ sĩ đạo người Nhật, dùng cảm tự mổ bụng, lòi cả bộ lòng ra ngoài. Tôi cảm ơn lời khuyên của bạn và lập tức đi mua ngay một con dao sắc lẹm. Thực lòng mà nói tự tử kiểu này kinh quá, khó chịu đựng nổi! Vả lại, nếu làm như vậy, khi kiểm tra thi thể ở nhà xác các bác sĩ sẽ không tìm thấy loại thực phẩm nào trong bụng tôi, làm sao họ xác nhận là tôi tự sát được? Mặc kệ! Tôi cứ việc ôm con dao vui vẻ về nhà. Đúng vào lúc đó, có hai người giống nhân viên thuế vụ đi về phía tôi. Tôi giải thích với họ: “Các ngài, xin chờ cho một lát. Hãy nghe tôi nói đã. Tôi nghiêm chỉnh nộp thuế đầy đủ cho Chính phủ, không hề phàn nàn kêu ca bao giờ. Người thật thà như tôi..- Một người trong bọn họ ngắt lời tôi, gằn giọng:

- Vậy đây là cái gì? Định giết người phải không?

Thì ra đó là hai viên cảnh sát hình sự chuyên theo dõi, trấn áp bọn tội phạm.

- Con dao này là của tôi. Tôi thấy mình không thể tiếp tục sống được nữa nên quyết định tự sát, thế thôi! Tôi cho rằng đó là cách thích hợp nhất! Nhưng các ông xem, tôi thực sự không có cách gì để vĩnh biệt thế giới này được cả! - Sau khi nghe tôi nói một hồi, hai viên cảnh sát đồng ý để tôi đi với điều kiện phải để con dao lại. Tôi buồn bã ra về. Lẽ nào tôi phải chịu đựng sự giày vò khốn khổ này mãi? Tôi là người có ý chí, có quyết tâm, đã nói chết là phải chết cho bằng được! Tôi đã đến hiệu tạp hóa mua một sợi dây thừng làm phương tiện tự sát. Tôi thắt một đầu dây thành chiếc thòng lọng, đầu kia treo trên xà nhà, bắc ghế đứng lên, thò đầu vào thòng lọng rồi đạp đổ chiếc ghế. Nhưng, tôi không hề bị treo cổ mà chỉ nghe “phụt” một tiếng và tôi rơi bịch xuống đất! Hóa ra, sợi dây thừng đã mục. Tôi cáu tiết

chạy đi tìm lão chủ hiệu tạp hóa, lão ấy bảo: “Nếu là hàng tốt, tôi lại chịu bán cho anh sao?” Vậy là quá rõ. Tự sát là đi đầu hoàn toàn vô vọng!

“Thôi được! Vậy thì phải sống tiếp thôi!” Tôi tự nhủ.

Mọi người đều biết ai cũng phải ăn để sống. Tôi rất thích món thịt ướp sậy khô và trứng rán. Thoạt tiên tôi ăn hai món này ở một quán ăn, sau đó ăn đồ hộp và mì ống; cuối cùng tráng miệng vài tảng bơ ngọt. Lúc này, một người bán báo đi qua, nói: “Có cả thấy 16 tờ. Nếu ông không muốn xem thì dùng để gói đồ cũng được”. Tôi không có thói quen xem báo, nhưng lần này tôi mua một tờ. Cũng giống như mọi người thôi, khi xem đến bài xã luận thì tôi ngủ thiếp đi. Đột nhiên, bụng tôi quặn đau dữ dội, tựa như có ai đâm mũi dao vào đó. Tôi gào lên đau đớn. Người ta gọi xe cấp cứu đưa tôi đi bệnh viện. Khi mở mắt ra, một bác sĩ đứng cạnh tôi, hỏi:

- Chắc là ông bị ngộ độc. Ông không thể giấu chúng tôi được đâu. Ông tự sát phải không?

- Ông nói gì lạ vậy ông bác sĩ? Tôi đang sống những ngày hạnh phúc mà!

- Ông ngộ độc thực phẩm rồi. Hôm qua ông đã ăn những gì?

- Thịt sậy khô.

- Cái gì? Thịt sậy khô à? - Ông bác sĩ la to - Ông điên rồi. Báo chí đưa tin hàng loạt người ngộ độc thịt sậy khô, ông không biết sao? Nhưng, với ông, có vẻ không giống người ngộ độc thịt sậy. Ông còn ăn thứ gì khác không?

- Tôi ăn đồ hộp ở quán cơm.

- Thảo nào. Còn ăn gì nữa?

- Mì ống và bơ ngọt.

- Rồi rồi. Ông bị ngộ độc mấy món đó. - Tay bác sĩ khẳng định. Và rồi gã lại hỏi:

- Ngoài ra ông còn xơi thứ gì nữa không?

- Xin thề là tôi không ăn thứ gì khác, chỉ là khi đọc báo thì tôi ngủ thiếp đi.

- Lạy Chúa! May cho ông đấy. Ông giữ được mạng sống rồi!

Hôm ra viện, tôi nghĩ, mình chẳng làm gì được nữa. Muốn sống cho tươm tất không được; muốn chết cũng không xong... Thôi đành... sống dở

chết dở vậy!

LƯƠNG Y

Mạc Ngôn (Trung Quốc)

Hồi đó, vùng đông bắc huyện Cao Mật tổng cộng chỉ độ mười mấy hộ gia đình sống dọc triền dốc bên bờ sông. Mười mấy ngôi nhà đồn đông ấy lập thành làng Tam Phận. Ở cái làng Tam Phận này đương nhiên cũng có nhiều chuyện để nói, nhưng trong truyện kể này chỉ kể về một người thầy thuốc trị bệnh cứu người, không có ý giải thích tên làng.

Làng Tam Phận có một nông dân hiền lành, phúc hậu tên là Vương Đại Thành. Vợ Vương Đại Thành không sinh đẻ được, chỉ có hai vợ chồng sống thui thủi với nhau. Mùa thu năm nay mưa rất to, nước sông tràn bờ. Ruộng vườn chìm trong nước, các loại lúa má, đậu đỗ đều chết ngập, chỉ có cao lương là còn cố vươn lên khỏi mặt nước những bông vàng thưa thớt. Qua Tết Trung thu nước rút dần, mặt đất lộ ra một lớp phù sa màu mỡ. Dù rằng vụ thu coi như mất trắng nhưng dân chúng cũng không lấy gì làm lo lắng cho lắm, bởi, mùa xuân sang năm, nếu mưa thuận gió hòa, chắc chắn mùa màng sẽ bội thu. Hồi ấy, đất rộng người thưa, việc gieo cấy đơn giản hơn ngày nay nhiều, gieo cấy lúa mạch càng đơn giản hơn: một người bê thúng giống bước lùi trên ruộng, bỏ giống vào lỗ dấu chân mình vừa để lại, một người khác dùng cào hai răng cào đất lấp xuống là xong. Vợ chồng Vương Đại Thành gieo lúa mạch trên chân ruộng trũng. Vợ bước lùi bỏ thóc, chồng cào đất lấp lại. Chân vợ Đại Thành tất nhiên là nhỏ rồi, dấu chân để lại trên ruộng tròn tròn nhỏ xíu giống như dấu chân lừa. Đại Thành trêu vợ bảo bà là con lừa cái nhỏ, còn mình là con lừa đực to. Hai người cười ha hả, trong lòng rất vui. Nhưng mà, chuyện đời thì, họa phúc tương liên, buồn vui xen kẽ, vậy mới gọi là “vui quá hóa buồn!” Hai vợ chồng đang nói cười vui vẻ chợt Đại Thành cảm thấy chân mình đau nhói như có một vật nhọn đâm phải. Người nhà quê một năm đi chân trần tám tháng, bị đâm vào chân là chuyện vẫn xảy ra luôn nên ông cũng không để ý, cứ tiếp tục công việc. Đến tối rửa chân lên giường, thấy lòng bàn chân ngứa ngứa, nhắc lên xem thì thấy ngay giữa lòng bàn chân có một lỗ nhỏ

bằng lỗ tròn kim đang rịn nước vàng. Đại Thành bảo vợ lấy chút rượu trắng chấm vào đấy rồi đi ngủ. Do cả ngày làm lụng vất vả nên ông ngủ rất say. Trước khi trời sáng Đại Thành nằm mơ thấy chân mình bị hằn trong nãi như người ta hằn xương vậy. Tỉnh dậy thấy chân bông rất quá thể liền gọi vợ đốt đèn lên xem. Bàn chân sưng vù, bóng loáng tựa như bên trong chứa đầy hơi và nước.

Sáng ra không thể đi làm được, vợ Đại Thành định đến thôn Hắc Thiên Sầu mời thầy thuốc thì ông bảo:

- Tôi tự đi chần chậm cũng được mà.

Hắc Thiên Sầu cách Tam Phận chừng ba dặm, hai bên đường có nhiều hồ nước sâu. Chân Đại Thành sưng tấy lên như thế nên đi lại rất khó khăn. Tuy nhiên cuối cùng ông cũng đến được Hắc Thiên Sầu gặp thầy thuốc. Thầy thuốc tên là Trần Bảo Khuyết chuyên xoa bóp và dùng các loại dược thảo giã đắp lên vết thương nên mọi người gọi ông là thầy lang vườn. Khi Đại Thành đến, thầy còn chưa dậy. Đại Thành ngồi ngoài cửa lấy thuốc lá ra hút, chờ mãi đến khi mặt trời lên những ba con sào, thầy lang mới dậy. Đại Thành vào nhà nhờ thầy xem hộ chân mình. Ông thầy lang nhíu mày, đặt ba ngón tay bắt mạch rồi bảo:

- Về đi. Bảo vợ kiếm thứ gì ngon ngon mà ăn rồi lo mọi thứ cho ông là vừa!

Đại Thành điếng người, hỏi:

- Ý tiên sinh là tôi sắp chết sao?

- Sống không quá ba ngày! - Thầy lang thản nhiên đáp.

Nghe vậy, Vương Đại Thành rất buồn, nhưng thầy thuốc đã nói thế, cũng đành về nhà chờ chết. Ông chào thầy lang Trần Bảo Khuyết, thở dài nảo nuột, ra về.

Trên đường về, nhìn những hồ nước sâu xanh ngắt, những cánh bèo màu vàng nhạt, những dề rau hạnh đỏ tươi nổi trên mặt nước, lòng Đại Thành buồn rười rượi, nước mắt rơi lã chã. Ông nghĩ, hay là mình nhảy xuống hồ nước chết quách cho xong! Vừa nghĩ ông vừa lê chân ra sát mép hồ nước. Ven hồ, những bụi cỏ hoang cao quá đầu gối, Đại Thành vừa đạp chân lên cỏ, chợt có tiếng kêu chói gắt ré lên, cái chân đau nhức buốt dữ dội. Ông cúi xuống nhìn, thì ra ông vừa giẫm phải đôi nhím đang giao phối. Chỗ vết thương bị lông nhím đâm vào, một thứ nước vàng rỉ ra. Trong

chốc lát Vương Đại Thành chợt nhận ra chân mình không còn nhức buốt nữa. Và, ông lại không muốn chết. Ông thả chân xuống nước khỏa qua khỏa lại cho sạch hết thứ nước vàng vừa rỉ ra lúc nãy, rồi đi tiếp. Về nhà, ngủ một đêm, hôm sau chỗ sưng tấy trên chân biến mất! Sau ba ngày Đại Thành cảm thấy sức khỏe bình thường, liền đi gặp thầy lang vườn định bụng làm cho lão bẽ mặt một trận.

Vừa vào đến cửa, ông lang vườn hỏi ngay:

- Sao ông còn chưa chết?

Đại Thành chìa chân mình ra, nói:

- Tôi về nhà chờ chết, nhưng chờ ba ngày mà không chết nên đến hỏi tiên sinh xem sao.

- Trong thiên hạ còn có chuyện kỳ diệu thế đấy!

- Chuyện gì ạ?

- Vết thương trên chân ông là do một con rắn đực đã từng bị đôi nhím đang giao phối cắn phải; ban đêm ông lại gần đàn bà, tất cả nọc độc chạy vào tim, vào thận... muốn sống chỉ có một cách duy nhất là tìm đôi nhím đang giao phối, dùng lông của con nhím đực chích vào vết thương, nặn hết nước vàng ra, sau đó rửa chân trong nước bèo tây và rau hạnh độ nửa giờ.

Vương Đại Thành ngó người ra hồi lâu, đoạn nói:

- Tiên sinh quả là thần y!

Và, ông kể hết mọi chuyện. Nghe xong, ông thầy lang nói:

- Vậy là mệnh của ông còn lớn lắm! Bởi vì loài nhím chỉ giao phối vào mùa xuân mà thôi.

Cha tôi kể, loại thầy lang như Trần Bảo Khuyết có vốn tri thức cỡ tể tướng, chỉ vì nhiều nguyên nhân khác nhau, không thành tể tướng được, nên chuyển sang nghề y. Loại người này đều là thánh nhân, thông hiểu mọi lẽ biến hóa của trời đất, đọc nhiều sách kim cổ của thánh hiền, hàng trăm năm chỉ có mấy người. Loại người này đều giống những vị đại hòa thượng, công đức viên mãn, không bệnh tật gì, cuối cùng viên tịch, thực ra là hóa thành tiên! Cha tôi kể, Trần Bảo Khuyết suốt đời không lấy vợ, cuối đời râu tóc bạc phơ, sắc diện hồng hào, đôi mắt rực sáng long lanh, rất có thần! Mỗi sáng Trần Bảo Khuyết đều tự tới giếng gánh nước. Thời đó những người trẻ tuổi vẫn còn coi trọng trung hiếu nhân nghĩa, biết tôn kính người già, thấy ông xách nước vất vả liền đến giúp. Ông không ngăn cản

cũng chẳng cảm ơn, chờ cho người ấy đi khỏi, ông lại đổ nước xuống giếng, rồi tự mình múc lên đổ vào thùng gánh về nhà.

Cha tôi bảo, càng về sau những vị thầy thuốc lương thiện càng ít dần, nhất là mấy năm gần đây, lại càng ít hơn. Trước khi bọn Nhật xâm chiếm còn có được mấy vị, dù không giỏi bằng Trần Bảo Khuyết nhưng so với ngày nay vẫn khá hơn nhiều, chưa được là thần y nhưng đã là lương y vậy!

Cha tôi kể, năm hơn ba mươi tuổi, ông nội tôi bị bệnh hiểm nghèo. Bệnh ấy, theo như bây giờ phải mất cỡ 5.000 tệ mà có khi còn chịu tàn tật suốt đời. Một hôm ông tôi đang bào gỗ, chú Ba và chú Hai tôi chạy nghịch bên cạnh, lấy các mẫu gỗ ném nhau, bất đồ trúng ngay vào xương cụt của ông tôi khiến ông tôi đau tức đến mức ngã ngay xuống đất, mồ hôi túa ra như tắm. Đêm đó ông đau quá không tự lên giường ngủ được. Hôm sau, cả cái chân phải cũng đau luôn, dù không đỏ, không sưng nhưng đau kinh khủng suốt đêm ông tôi rên la không dứt.

Anh ruột của ông tôi là thầy thuốc cổ sức chữa chạy mà không khỏi. Ông bèn nhờ một thầy tướng số am hiểu về ngoại khoa đến chữa trị. Ông thầy số xem mạch rồi nói ông tôi bị “tẩu mã hoàng”, bảo người nhà bắt một con gà vàng đặt lên chỗ chân đau của ông tôi. Ông thầy số nói, nếu đúng là tẩu mã hoàng thì con gà sẽ nằm im tại chỗ; nếu không phải thế, con gà sẽ chạy đi. Làm theo lời thầy số, quả nhiên con gà kêu cục cục rồi nằm im bất động. Ông thầy số phán rằng, con gà sẽ hút hết chất độc trong người ra. Sau đó ông ta lại dùng các con vật có độc tố cao như bò cạp, rắn, ong... chế ra một thứ thuốc viên màu đen gọi là “toản dược” (thuốc dùng để nắm), cho người bệnh nắm chặt trong tay. Ông ta bảo, công hiệu của loại thuốc này là đẩy hết các loại chất độc đã ngấm vào tim người bệnh. Chân ông tôi đã có con gà vàng áp vào, tay ông đã nắm chặt “toản dược” nhưng bệnh tình ngày càng trầm trọng, xem ra không cứu được nữa! Ông bác tôi ứa nước mắt dặn bà nội tôi lo hậu sự cho ông tôi. Lúc đó, một tên thổ phỉ được mệnh danh là Ngũ Loạn Tử xuất hiện. Ngũ Loạn Tử hoành hành khắp cả vùng đông bắc Cao Mật, không ai là không sợ hãi. Hắn đã từng nhận được ân huệ gì đó từ ông tôi, nghe ông tôi bị trọng bệnh, liền đến thăm.

Cha tôi bảo, Ngũ Loạn Tử là một kẻ quyết đoán, thấy bệnh của ông tôi liền bảo “Sao không đi mời Đại Giáo Nhân?” (Kẻ cần càn).

Ông bác tôi bảo:

- Đại Giáo Nhân khó mời lắm. Ông ta không bao giờ chữa cho người bệnh đã qua những thầy thuốc khác chữa trị.

Ngũ Loạn Tử nói:

- Để tôi mời cho.

Nói xong hắn đi ngay. Hôm sau Ngũ Loạn Tử cho dùng kiệu bốn người khiêng, khiêng Đại Giáo Nhân tới. Đại Giáo Nhân đi khám bệnh bao giờ cũng đi loại kiệu này. Cha tôi bảo, đó là một ông già cao to béo tốt, thường mặc bộ áo quần lụa tơ tằm màu đen, đầu đội chiếc mũ nhỏ bằng nhung đỏ. Xuống khỏi kiệu, việc đầu tiên là Đại Giáo Nhân hút thuốc. Ngũ Loạn Tử bảo người nhà mang cần thuốc phiện, đèn dầu tới. Đại Giáo Nhân phải hút vài li lâu mới qua cơn nghiện.

Hút xong, mặt mày Đại Giáo Nhân đỏ lựng. Ngũ Loạn Tử vén vạt áo rút ra khẩu súng - trong lưng còn khẩu nữa - vung tay lia một phát, con nhện chăng tơ dưới mái hiên bay mất. Ngũ Loạn Tử gí nòng súng còn bốc khói vào huyết thái dương Đại Giáo Nhân, nói:

- Đại Giáo Nhân, ông muốn ng ồi kiệu, có kiệu; muốn hút thuốc, có thuốc; nếu muốn ti ền, sẽ có ti ền cho ông. Vị này là ân nhân cứu mạng của tôi, ông chữa trị cẩn thận vào. Ông cần người thì được, lẽ nào có thể cần được khẩu súng này hả?

Cha tôi bảo, lúc đó mặt Đại Giáo Nhân tái mét, lão luôn mồm nói: “Không ạ không ạ”. Đại Giáo Nhân cúi người xem bệnh cho ông tôi một lát, rồi nói:

- Bệnh này là “Thiếp cốt ác thư” (mụn độc mọc trong xương), để chậm mấy ngày nữa sẽ không có cách gì chữa khỏi.

Ngũ Loạn Tử hỏi:

- Ông có chắc không?

- Chắc - Đại Giáo Nhân đáp.

Nói rồi lão dùng ngón tay chọc chọc vào chân ông tôi, bảo, trong này toàn là máu mủ, phải chích nó ra.

Ngũ Loạn Tử nói:

- Được! Ông làm đi.

Đại Giáo Nhân tìm một que sắt mài nhọn rồi bảo cắt cho vài đoạn thân lúa mạch rồng. Sau đó ông ta xắn tay áo, dùng que sắt chọc mấy lỗ vào

chân ông tôi, thọc đoạn ống rỗng vào đó làm ống dẫn lưu, máu mủ xanh lè chảy ra bốc mùi khăm khăm, đầy cả một chậu thau. Chích hết máu mủ, chân ông tôi xẹp đi trông thật đáng sợ, chỉ còn da bọc xương, dường như thịt chỗ ấy rửa ra thành máu mủ hết cả. Xong đâu đấy Đại Giáo Nhân kê một đơn thuốc toàn là các loại cành lá khô rất thông thường. Đại Giáo Nhân nói:

- Uống hết ba thang là khỏi.

Ngũ Loạn Tử hỏi:

- Ông lấy bao nhiêu tiền?

- Trị bệnh cho ân nhân của bạn, một xu tôi cũng không lấy.

- Được! Thế mới đúng là lương y chứ! Ông không lấy tiền công, ta biếu ông một ít hàng “độc” vậy.

Cha tôi kể, Ngũ Loạn Tử rút trong lưng quần ra một gói thuốc phiện khá to, nâng ngang tầm mắt. Gói thuốc phiện ấy, thực giá cũng phải 50 tệ. Đại Giáo Nhân đón lấy gói thuốc phiện, nói:

- Ai cũng bảo tôi cần, nhưng tôi đã cần ai chưa? Tiếu danh của tôi là “Cầu Tử” (con chó) nên người ta bảo tôi là kẻ cần cùn vậy thôi.

Ngũ Loạn Tử cười cười bảo:

- Ông là con chó tốt!

Cha tôi bảo, ông tôi uống hết ba thang thuốc thì khỏi bệnh. Vài tháng sau đã đi làm được; nửa năm sau, sức khỏe hồi phục hoàn toàn, gánh hàng tạ chạy băng băng.

Cha tôi bảo, cách chữa trị ngoại khoa của Đại Giáo Nhân thực ra còn thua xa Trần Bảo Khuyết. Trần Bảo Khuyết tài đến mức có thể chuyển bệnh từ chỗ này sang chỗ khác trên cơ thể, chẳng hạn như, ghẻ lở nhằm vào chỗ quan trọng, uống thuốc của ông, ghẻ có thể chuyển sang chỗ không quan trọng trên cơ thể bệnh nhân rồi từ từ khỏi hẳn! Thường những người có thực tài, giàu bản lĩnh đều là những người trung thực, có lúc họ rất tận tình, cũng có lúc thấy bệnh nhân mà không cứu vì biết chắc không thể cứu được. Càng là người có y thuật cao, họ càng tin vào số mệnh, càng thoát khỏi trần tục. Do đó, loại thầy thuốc như Trần Bảo Khuyết là khách tiên trong núi chứ không như lão thầy tướng số kia. Hoặc giống như lão Đại Giáo Nhân nọ, muốn thành công phải kinh qua bao nhiêu khổ luyện mới nên, mà một người thầy thuốc chẳng qua, lúc bắt mạch chỉ biết được mạch

nổi mạch chìm, mạch nhanh mạch chậm; còn dùng thuốc cũng chỉ nhằm trị chứng hàn nhiệt ôn lãnh mà thôi; chứ đạo lý về kinh lạc, huyết đạo, âm dương ngũ hành, doanh vệ khí huyết... thì hầu như họ chẳng thấu hiểu bao nhiêu.

LỜI NGUYỄN MA THUẬT CỦA CHIẾC BÌNH CỖ

Hoàng Hán Minh (Trung Quốc)

Nhân dịp nghỉ lễ 1/5, Mục Du đến đảo Bana tham quan du lịch. Tại một sạp hàng bán đồ lưu niệm trên đảo, anh nhìn thấy một chiếc bình sứ cổ bảy màu nhỏ xíu với những hoa văn tinh tế trông rất đẹp. Chủ sạp hàng là một người đàn bà Di Gan đứng tuổi. Đi đâu đáng ngạc nhiên khá thú vị là bà biết nói tiếng Trung Quốc.

Thấy Mục Du chăm chăm ngắm nghía chiếc bình sứ cổ, tỏ ra rất thích nó, bà chủ sạp hàng cười, nói với anh rằng, đây là chiếc bình ma quỷ, đang giam giữ một con ma trong đó! Ai mua được chiếc bình, sức mạnh ma quái của nó sẽ giúp người đó thực hiện được ước mơ của mình! Tuy nhiên, người đó phải bán ngay chiếc bình cho người khác trong vòng nửa năm sau khi thực hiện được ước mơ, nếu không, người đó và chiếc bình sẽ hóa thành cát bụi!

Mục Du không tin những gì bà chủ sạp hàng nói. Anh cho rằng đó chỉ là cách để tăng thêm tính tò mò của mọi người và giá trị của chiếc bình cổ mà thôi. Có đi đâu, Mục Du quả thật đang rất thích chiếc bình sứ cổ, nên anh hỏi luôn: “Chiếc bình này bà bán bao nhiêu?”.

Người đàn bà Di Gan kể, thoát đầu, khi chiếc bình sứ cổ này xuất hiện trên trần thế, nó có giá cao ngất ngưởng, một triệu đô la Mỹ. Tuy nhiên, người đầu tiên mua nó không thể trả đúng giá đó được, nó đã bị hạ thấp xuống rất nhiều. Cứ như thế, chiếc bình sứ cổ được chuyển quyền sở hữu từ người này sang người khác, mỗi lần như vậy, giá của nó chỉ còn một nửa. Hiện giờ giá của nó là 50 đô la. Nếu Mục Du thực sự muốn mua, chỉ cần trả thấp hơn chút ít cũng được.

Mục Du cười, lấy ra tờ 100 nhân dân tệ, nói:

- Tôi chỉ có thể trả chừng này thôi, được không?

Bà chủ sạp hàng nhận tiền, vui vẻ nói:

- Cũng được. Tôi bán cho cậu.

Việc mua bán chóng vánh này khiến Mục Du cảm thấy rất bất ngờ. Dù anh chưa biết rõ niên đại của chiếc bình sứ cổ nhưng định ninh là nó không thể quá mới được, những vết rạn chân chim một cách ngẫu nhiên trên thân bình cùng với nước men lạ nổi lên đi đâu đó. Bản thân chiếc bình, dù là cổ hay chỉ là giả cổ cũng có thể có giá cao hơn 100 tệ. Vậy tại sao bà ta lại vui mừng bán ngay cho mình?

Tối hôm đó, nghỉ đêm ở khách sạn, Mục Du lấy chiếc bình ra ngắm nghía, chợt anh nhớ tới lời người đàn bà Di Gan nói, liề n mỉm cười, nâng chiếc bình lên, nói với nó: “Bình cổ ời, bình cổ! Ta muốn có một công ty riêng, người có thể thực hiện được ước mơ đó của ta không?”. Nói xong, anh bật cười ha hả, đoạn lên giường đi ngủ, trong lòng hoàn toàn chẳng mảy may vướng bận gì về chuyện vừa rồi.

Kết thúc chuyến du lịch, Mục Du trở về nhà thì thấy có nhiều người đang chờ đợi anh, tất cả bọn họ đều cung kính gọi anh là Giám đốc Mục, khiến anh vô cùng kinh ngạc. Bố Mục Du nói cho anh biết, cổ phiếu của ông không ngờ lại tăng vọt, ông đã dùng số tiền đó đăng ký thành lập cho anh một Công ty Quảng cáo, đúng như mơ ước của anh từ lâu.

Mục Du vô cùng kinh hãi. Anh không thể ngờ được câu chuyện về chiếc bình ma quái kia lại là sự thật! Vui mừng khôn xiết, nhưng Mục Du cũng cảm thấy vô cùng bối rối, bởi lẽ, như bà chủ sạp hàng đã nói, nếu trong vòng nửa năm sau khi thực hiện được ước mơ, chiếc bình cổ không bán được cho người khác thì cả anh và nó sẽ hóa thành cát bụi (!)

Mục Du lo lắng đi tìm người mua lại chiếc bình cổ. Cuối cùng, một người bạn vừa bị thất tình của anh, được anh nói mãi, động lòng bỏ ra 50 tệ mua lại nó. Gánh nặng tâm lý được dỡ bỏ, Mục Du yên tâm phát triển sự nghiệp của mình.

Sau khi công ty làm ăn phát đạt, Mục Du cảm thấy một mình mình thì quá mệt nên muốn tìm trợ lý giám đốc, một người đáng tin cậy giúp việc cho anh. Sau vòng sơ tuyển, cô gái có tên là Tiêu Hiểu Dịch đã lọt vào vòng ngắm của Mục Du. Đó là một cô gái trẻ đẹp, lại là sinh viên ưu tú vừa tốt nghiệp một trường đại học danh tiếng. Ngay lần đầu gặp mặt, Mục Du đã bị cô gái hấp hẫ n, mà bản thân Tiêu Hiểu Dịch cũng rất thích anh chàng giám đốc trẻ tuổi, điển trai Mục Du.

Có Tiêu Hiếu Dịch giúp sức, công ty của Mục Du ngày càng phát đạt, chẳng mấy chốc tài sản đã lên đến hàng triệu tệ. Cùng với sự thành công trong kinh doanh, tình yêu của hai người cũng chín dầ, n òng nàn say đắm. Mục Du và Tiêu Hiếu Dịch chuẩn bị cử hành hôn lễ, đúng vào thời điểm đó, một sự cố bất ngờ xảy ra.

Trong dịp kiểm tra sức khỏe trước khi cưới, các bác sĩ phát hiện Tiêu Hiếu Dịch bị bệnh nhiễm độc nước tiểu giai đoạn cuối. Mục Du không sao chịu nổi thực trạng tàn khốc này! Hiếu Dịch là một cô gái giỏi giang, xinh đẹp, đáng yêu biết bao! Anh có thể từ bỏ tất cả chứ không thể để mất cô ấy được! Anh thề, dù có khuynh gia bại sản cũng nhất định phải chữa khỏi bệnh cho Tiêu Hiếu Dịch.

Bác sĩ đã ghép thận cho Tiêu Hiếu Dịch nhưng sau phẫu thuật lại xảy ra hiện tượng thải loại. Vị bác sĩ đi đầu trị cho cô thở dài nói thật với Mục Du là họ đã cố gắng hết sức nhưng cũng đành bất lực, không thể nào giữ được mạng sống cho Tiêu Hiếu Dịch.

Biết tin này Mục Du choáng váng như sét đánh ngang tai. Anh yêu Hiếu Dịch như thế, không thể dễ dàng để mất cô được! Trong lúc tuyệt vọng Mục Du chợt nhớ tới chiếc bình ma quái mà anh đã bán cho bạn. Anh liền nhờ cha mẹ mình trông nom chăm sóc Hiếu Dịch, còn anh, anh lên đường quyết đi tìm lại cho bằng được chiếc bình sứ cổ. Thoạt tiên anh tìm đến người bạn đã mua nó, từ đó lần theo manh mối tiếp tục đi tìm. Có lẽ anh đã phải lang thang khắp một nửa đất nước Trung Hoa rộng lớn này, cuối cùng mới tìm được chiếc bình cổ từ tay một anh chàng thua bạc.

Anh chàng thua bạc nói, anh ta cảm ơn chiếc bình ma quái này đã cứu gia đình anh. Bởi vì, khi thua bạc anh đã phải bán tất t ần t ật ruộng vườn nhà cửa nên vợ anh đã mang con bỏ đi. Giữa lúc đắng cay cùng cực đó, có người bán cho anh chiếc bình ma quái ấy và nó đã thực hiện được ước mơ của anh!

- Vậy thì tốt quá rồi! Anh hãy bán nó cho tôi, tôi đang cần nó biết chừng nào! Xin hỏi, anh mua nó bao nhiêu tiền vậy? - Mục Du nóng ruột hỏi luôn.

Anh chàng thua bạc thở dài, nói:

- Hồi đó tôi làm gì có tiền. Tôi mua nó chỉ tốn có hai xu, đó là đồng xu tôi nhặt được trên đường.

Mục Du kinh hoàng, chết điếng người. Trời ơi! Vậy ra lúc này anh chỉ cần bỏ ra một xu để mua lại chiếc bình ma quỷ đó, đi đâu ấy có nghĩa là, anh không thể bán lại nó được! Và, chỉ nửa năm sau, anh và nó sẽ vĩnh viễn thành cát bụi!

- Tôi nhất định phải mua chiếc bình này, dù có chết cũng không hối tiếc! - Mục Du không chút do dự nói.

Mục Du bỏ ra một xu để mua lại chiếc bình sứ cổ, đoạn trịnh trọng nói với nó: “Hỡi chiếc bình cổ đầy ma thuật! Ta cần xin người hãy cứu sống Tiêu Hiểu Dịch của ta!”.

Cầu nguyện xong Mục Du lập tức trở về Bệnh viện. Lời nguyện cầu của anh đã nhanh chóng trở thành hiện thực. Các bác sĩ vui mừng thông báo với Mục Du, bệnh tình của Tiêu Hiểu Dịch đã thuyên giảm rất nhiều, đây quả là một kỳ tích chưa từng thấy xưa nay!

- Anh Mục Du ơi, tốt quá rồi. Cuối cùng chúng ta đã có thể kết hôn với nhau! Chúng ta sẽ sống trọn đời trọn kiếp cùng nhau anh nhé! - Tiêu Hiểu Dịch nước mắt ràn rụa nói.

Mục Du buồn rầu, ngơ ngác. Làm sao anh có thể sống trọn đời với Tiêu Hiểu Dịch được đây? Tuy nhiên anh không thể để cho cô biết rõ sự thật phũ phàng này!

Tiêu Hiểu Dịch rất nhanh chóng hồi phục sức khỏe và xuất viện. Trên gương mặt xinh đẹp của cô ánh lên sắc hồng tươi nhuận, cô đang nóng lòng chờ đợi ngày chính thức trở thành vợ Mục Du!

Trong khi đó tinh thần của Mục Du ngày càng sa sút, khi chỉ có một mình, anh thường thờ dài não nuột. Tiêu Hiểu Dịch nhận ra vẻ khác lạ của Mục Du, mấy lần gạn hỏi vì sao nhưng anh đều không nói. Anh chỉ an ủi Hiểu Dịch và nói thác ra rằng, công việc của công ty quá bận rộn khiến anh mệt mỏi. Tuy nhiên, bằng trực giác của người con gái đang yêu, Tiêu Hiểu Dịch cảm thấy Mục Du chắc chắn có đi đâu gì đó giấu mình, cô quyết định tự mình phải tìm ra sự thật. Cô yêu Mục Du như thế, dứt khoát không thể để cho anh đau khổ một mình!

Tiêu Hiểu Dịch tìm đến bạn bè của Mục Du, cuối cùng, qua một người bạn cô biết Mục Du đã từng mua một chiếc bình sứ cổ ma quái, thần kỳ có khả năng thực hiện ước mơ của chủ. Công ty của Mục Du cũng nhờ chiếc bình sứ ấy mà có.

Tiêu Hiểu Dịch chợt nhận ra, thảo nào trong khi mình bị bệnh, Mục Du lại không ở cạnh cô, nhất định là anh đi tìm chiếc bình cổ đó. Cô khỏi bệnh cũng chính là nhờ nó. Nhưng, tìm được chiếc bình cổ rồi, tại sao anh lại không vui, buồn phiền sa sút vậy?

- Đừng giấu em nữa Mục Du, em biết cả rồi. Anh đã cầu xin chiếc bình cổ cứu sống em phải không?

Mục Du nói:

- Em đã biết thì anh cũng không giấu em nữa. Đúng là anh đã cầu xin nó cứu em. Nhưng em biết không, anh chỉ mua nó có một xu, đi đâu đó có nghĩa là, anh là người chủ cuối cùng của nó. Trước 12 giờ hôm nay, anh có thể sẽ cùng chiếc bình quái quỷ đó hóa thành cát bụi!

- Không! Không thể như thế được! Nhất định chúng ta sẽ có cách! - Tiêu Hiểu Dịch an ủi Mục Du nhưng lòng cô thì đau đớn trăm chiều như bị dao cứa từng khúc ruột!

Đêm hôm đó, Tiêu Hiểu Dịch nấu mấy món ăn ngon, rót ly rượu hồng đào cho Mục Du, nói:

- Anh thân yêu, đừng nghĩ linh tinh nữa, chắc chẳng có chuyện gì tồi tệ lắm đâu, chúng ta hãy cùng nhau uống rượu đi anh, anh cũng thích thế mà, phải không anh?

Mục Du nể lời Hiểu Dịch, nâng ly rượu lên, uống cạn. Chẳng mấy lúc người anh lả dần rồi gục xuống bàn, ngủ thiếp đi. Thì ra Tiêu Hiểu Dịch đã bỏ thuốc ngủ vào ly rượu của anh.

Tiêu Hiểu Dịch đưa Mục Du vào phòng rồi lục tìm chiếc bình cổ. Cô cố mở nắp chiếc bình nhưng không sao mở được, dùng dao cạy cũng không xong. Tức quá Tiêu Hiểu Dịch ném chiếc bình xuống đất mấy lần liên, chiếc bình vẫn không vỡ. Tiêu Hiểu Dịch bất lực, quỳ xuống van xin chiếc bình cổ: “Bình cổ! Bình cổ! Ta xin lấy mạng sống của ta thay cho mạng sống của người ta yêu. Xin người hãy cứu sống Mục Du của ta!...”.

Hốt nhiên, từ trong bình, một vật tựa đầu con rắn mới thò ra. Con vật quái dị đó cất tiếng cười man dại, nhìn thẳng vào mặt Tiêu Hiểu Dịch hỏi:

- Người thực lòng muốn chết thay cho anh ta?

- Vâng! Ta thực lòng! - Tiêu Hiểu Dịch quả quyết nói.

- Vậy thì tốt!

Lời nói của con “rắn mối” vừa dứt, Tiêu Hiều Dịch bỗng cảm thấy mình bị cuốn vào một dòng xoáy cực lớn, xung quanh tối sầm lại, cô ngợp thở và rồi không còn nhận biết gì nữa.

Thời gian trôi đi dài như hàng thế kỷ, Tiêu Hiều Dịch chợt mơ màng nghe có người gọi tên mình. Cô cố mở mắt hỏi:

- Em đang ở địa ngục phải không anh?

- Không, không đâu Hiều Dịch! Em không chết mà anh cũng không chết đây này! - Mục Du lau dòng nước mắt nóng hổi, nói.

Ngay tức khắc, một giọng nói lạ lẫm cất lên: “Cô gái đáng yêu kia, cảm ơn cô đã dùng tình yêu của mình hóa giải lời nguyền ma thuật của ta! Hiện thời trong chúng ta không có ai bị hóa thành cát bụi cả! Ta sẽ đến nơi ta phải đến! Tạm biệt nhé! Chúc các bạn hạnh phúc mãi mãi!” - Một làn khói đục mờ vút ra từ miệng chiếc bình cổ, thoáng chốc đã tan dần và mất hút trong không trung yên tĩnh.

ĐÚA EM TRAI HẾT CHỖ NÓI!

Trần Trung Thực (Trung Quốc)

Nhà văn thường làm việc vào ban đêm, sáng ra mới ngủ, đến trưa thì dậy.

Hôm đó anh ta vừa thức dậy thì chú em trai đến. Chú em từ quê ở vùng núi đến, vai đeo chiếc túi xách quân dụng bằng vải bạt màu vàng.

Nhà văn vừa nhìn thấy chú em liền nghĩ ngay trong túi mình còn có bao nhiêu tiền. Đám anh chị em của anh ta đều sống ở vùng núi thuộc diện nghèo, đã đến nhà anh, cần chắc là để xin tiền.

Người em ngẩng xuống ghế, thản nhiên nói:

- Anh, anh đừng lo. Lần này em không xin tiền anh đâu. Em biết, anh có tiếng nhưng không có tiền mà!

Nghe vậy, nhà văn ngó ra chẳng hiểu chú em sắp diễn trò gì. Thấy anh làm thinh, người em thẳng thắn tiếp:

- Em muốn thành lập công ty vận tải. Trước mắt em mua một chiếc ô tô chở khách đường dài... Anh nghĩ xem liệu có đủ tiền cho em mượn không? Anh có bán cả chị dâu cũng không mua nổi ô tô đâu...

Nhà văn hít một hơi thuốc lá, nói:

- Cái ngữ chú mà đòi lập công ty vận tải hành khách à? Chắc đêm qua chú nằm mơ giờ vẫn chưa tỉnh mộng chứ gì?

Người em không hề giận, xởi lời:

- Em biết anh coi em chẳng ra gì, không bao giờ tin em. Trước khi chuyện thành hiện thực, ai mà tin chứ, nhưng khi thành công rồi thì ai cũng trềnh trềng ngợi khen rồi rít. Mấy năm trước, khi anh chưa thành danh, có ai nhắc gì tới anh đâu. Đạo đó em thấy anh viết lách cả ngày mà chẳng nơi nào đăng cho, em thấy anh chẳng ra dáng nhà văn một chút nào! Vậy mà bây giờ, trông anh đã ra dáng nhà văn rồi đấy...

Nhà văn bị chẹn họng không nói được gì, chỉ cười cười:

- Được rồi! Chú muốn mua cả một đoàn tàu hỏa để chở khách, anh cũng không có ý kiến. Chú cứ làm đi!

Người em cười:

- Nhưng anh vẫn phải giúp em đây! Em không cần tiền của anh, chỉ cần anh viết cho Huyện trưởng Lưu mấy chữ, để ông ấy bảo Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp huyện cho em vay ít tiền. Huyện trưởng Lưu là bạn thân của anh mà!...

Nhà văn không nhịn được cười, cười chảy cả nước mắt:

- Chú thích đùa nhỉ? Đúng là nằm mơ thật rồi, giấc mơ đẹp đây! Chú cũng biết động não đấy chứ, dám lợi dụng quan hệ bạn bè của anh...

Người em tiếp lời:

- Chẳng qua là anh viết mấy chữ thôi mà!

Nhà văn cười rồi lấy giấy bút ra viết thư cho Huyện trưởng Lưu.

Hai hôm sau nhà văn cảm thấy những đi đầu bức bối trong lòng chưa giải tỏa được bèn gọi điện cho Huyện trưởng Lưu bày tỏ nỗi niềm tâm sự của mình, cuối cùng nói thẳng: “Anh Lưu này! Anh biết thằng em chẳng ra gì của tôi rồi đấy. Tôi giảng giải đạo lý cho nó không xong nên muốn nhờ tay anh, anh hiểu tôi chứ? Anh hãy tìm lấy lý do nào đó đuổi cổ nó về cho tôi!”. Huyện trưởng Lưu cười ha ha: “Chậm rồi anh bạn ơi! Chỉ vài hôm qua cậu ấy đã đến chỗ tôi. Tôi giới thiệu cậu ấy với Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp huyện rồi”.

Vừa cúp máy lại có điện thoại gọi đến, là của chú em ruột: “Anh ơi! Em đang ở Ngân hàng Nông nghiệp đây. Chuyện vay tiền không có vấn đề gì. Huyện trưởng Lưu chỉ nói một câu, Giám đốc Ngân hàng cứ y như thế mà làm. Em muốn vay 5 vạn tệ, ông ấy đồng ý cái rụp, một đồng cũng không dám bớt!”

Nhà văn trầm ngâm một lát. Nếu hẳn vay 5 vạn tệ rồi tiêu sạch thì ai sẽ phải trả nợ đây? Anh không yên tâm chút nào đối với đứa em bất trị này. Nghe giọng điệu “cáo mượn oai hùm” của người em, nhà văn không khỏi hoài nghi, lo lắng: “Chú đã nghĩ đến khả năng trả nợ chưa? Sao liêu thế?”. Người em đáp tỉnh rụi: “Chuyện này anh đừng lo. Người ta cho vay nhưng với điều kiện là phải có tài sản thế chấp hoặc có người bảo lãnh anh à. Em nghĩ kỹ rồi, trong mấy anh chị em ta, chỉ có anh là người khá giả hơn cả. Anh đứng ra bảo lãnh cho em là được mà!”. Nhà văn cau tiết: “Chú định

đem cái thân tôi ra thế chấp đấy hả?”. Người em cười hí hí: “Ai dám thế chấp một tác giả lớn như anh chứ! Giám đốc Ngân hàng gọi ý cho em rồi, cứ thế chấp tác phẩm của anh là được!”. Nhà văn thở ra nhẹ nhõm. Giám đốc Ngân hàng nêu ra ý này với hẳn rõ ràng là đùa thôi, vậy mà cái thằng tự cho mình là thông minh kia cũng mắc lừa mới lạ chứ! Nhà văn nói: “Tác phẩm của anh đã bán cho Nhà xuất bản cả rồi, bản quyền thuộc về Nhà xuất bản, không còn thuộc về anh nữa, thế chấp sao được?”. Người em hiển nhiên là chẳng hiểu tí gì về luật xuất bản cả: “Sách của anh viết sao lại không thuộc về anh? Vậy thì anh nghĩ cách khác giúp em đi, mình nói dối cũng được, miễn là em vay được tiền...”. Nhà văn nói luôn: “Tôi chỉ có cây bút máy Vĩnh Sinh, chú mang nó đi mà thế chấp!”. Nói xong, cúp máy đánh “cạch”...

Một tháng sau, nhà văn và bạn anh ta, Huyện trưởng Lưu gặp nhau, hàn huyên chuyện trên trời dưới biển, chợt nhà văn hỏi Huyện trưởng Lưu:

- Anh Lưu này, sau dạo đó thằng em tôi có quấy rầy gì anh nữa không?

Huyện trưởng Lưu đã uống mấy ly, nghe hỏi, bật cười ha hả. Cười xong liền kể cho bạn nghe câu chuyện rất có thể viết thành phần “vĩ thanh” của một tiểu thuyết mới:

- Khi chú em của anh ra về, cậu ấy mượn tôi chiếc xe đạp Phụng hoàng kiểu mới do cơ quan cấp. Huyện chúng tôi nhỏ lại nghèo, dùng ô tô đi làm vừa tốn kém vừa khó coi nên tôi cấp cho các vị đầu ngành mỗi anh một chiếc xe đạp. Cậu ta lấy chiếc xe của tôi cưỡi đi, ba hôm sau đem trả lại cho phòng thường trực. Khi ông già thường trực giao lại cho tôi, tôi không nhận ra được nữa: chuông bị gỡ mất, ghi đông bị thay bằng cái cũ mềm, rỉ sét tùm lum, xích, líp, đùi, đĩa đùi bị thay bằng những thứ người ta đã vứt đi... chỉ duy nhất mỗi cái đèn hàng... là không bị thay. Đúng là phụng hoàng gãy cánh, không bằng con gà què!...

Nhà văn “ứ” lên một tiếng, muốn chửi mà không chửi được!

Huyện trưởng Lưu nói tiếp:

- Tôi nhìn chiếc xe đạp, chợt nghĩ đến cái từ mà anh vẫn nói “cái đờ”. Tôi không nhịn được cười thốt lên một tiếng như anh “cái đờ”, tôi nghĩ, nói thế là đúng nhất đấy!

Ngày hôm sau nhà văn về quê thăm bố mẹ, tiện thể ghé qua nhà người em. Anh ta đang ngồi xõm trước cửa nhà hằm hút thuốc. Hiển nhiên là,

chuyện lập công ty vận chuyển hành khách đường dài không thành. Nhà chẳng có gì đáng giá ngoại trừ chiếc xe đạp Phụng Hoàng mới cứng dựng ở góc sân, ngoài cái đèn hàng vẫn cũ kỹ như ngày nào, mọi thứ còn lại đều đã được thay mới sáng choang. Nói chuyện một lúc nhà văn chỉ vào chiếc xe đạp, trách:

- Chú thật chẳng biết đi đâu tí nào! Chú làm mất mặt tôi quá!

Người em cười hi hi:

- Có đáng gì đâu anh! Xe này ông Lưu không bỏ tiền ra mua, nó do nhà nước cấp. Cấp chiếc khác cũng được chứ sao! Em chỉ hưởng xái một chút thôi chứ có gì ghê gớm lắm đâu... Em chỉ muốn “giảm nghèo” như huyện vẫn khuyến khích đó thôi!

Nhà văn nhìn bộ mặt hí hửng của người em, muốn nói gì nhưng không nói được, bước ra khỏi sân nhà hắt trong làn khói thuốc mù mịt, ca cẩm: “Ôi, những người thân của tôi...”.

CHÂU ÂU

TƯỞNG TƯỞNG

Kai. Jie luomu (Anh)

Còn nhớ ngày hôm đó, tôi đến Thư viện quốc gia để tìm đọc và nghiên cứu các tài liệu liên quan đến chứng viêm mũi dị ứng, tôi đoán là mình đã mắc phải chứng bệnh này.

Tìm được quyển sách y học tôi đọc liền một mạch những nội dung liên quan. Sau đó tôi uể oải lật nhanh từng trang sách, xem lướt qua những biểu hiện cụ thể của căn bệnh này. Không đợi đến lúc xem hết các dấu hiệu của bệnh, tôi đã ý thức được rằng, chắc chắn là mình mắc bệnh ấy rồi.

Tôi chờ đến ngày đó trong sự tuyệt vọng tột cùng. Một lúc lâu sau, tôi lại cầm quyển sách lên, lật tiếp mấy trang. Đến đoạn nói về bệnh Thương hàn, xem qua những biểu hiện của nó, tôi phát hiện ra mình đã mắc bệnh này những mấy tháng rồi mà vẫn không hề hay biết! Chẳng rõ tôi còn mắc phải những chứng bệnh gì nữa đây?

Lật tới đoạn nói về bệnh “Giật cục”, một loại bệnh thần kinh khiến cho chân tay co giật như múa (nên còn gọi là bệnh Vũ đạo), tôi bắt đầu thấy hứng thú với công việc “tìm hiểu bệnh tình” như thế này, bèn quyết định đọc hết quyển sách xem sao. Dò theo thứ tự chữ cái, tôi bắt đầu xem hết các bệnh nêu trong sách. Với bệnh ung thư, tôi biết mình đã có một số triệu chứng, sau vài tuần nữa có thể sẽ chuyển sang giai đoạn cuối. Hóa ra, tôi còn có khả năng mắc bệnh dịch tả nữa cơ đấy. Tuy nhiên, khi xem tới bệnh viêm cầu thận, trong lòng tôi cảm thấy yên tâm đôi chút, bởi lẽ bệnh của tôi không nặng lắm, và, căn cứ theo thực trạng hiện nay, tôi còn có khả năng sống thêm được mấy năm nữa.

Khi gấp sách lại, tôi nhận ra rằng, căn bệnh duy nhất mà tôi không mắc phải là bệnh viêm xương bánh chè.

Thoạt đầu tôi cảm thấy không vui vì chuyện này. Sao tôi lại không bị bệnh viêm xương bánh chè chứ? Có đi đâu, một lát sau tôi dần dần cảm thấy lòng mình nhẹ nhõm hơn đôi chút. Tôi nghĩ, xét dưới góc độ dược lý học, chẳng phải là tôi đã mắc hầu hết các loại bệnh thông thường đó ư? Không

mắc chứng viêm xương bánh chè thì có sao đâu. Dù gì thì bệnh ung thư của tôi cũng sắp bước vào giai đoạn cuối rồi!

Tôi chìm vào những suy tư nặng trĩu trong lòng. Từ góc độ y học mà nói, tôi nghĩ mình là một ca đặc biệt lý thú! Còn đối với sinh viên Y khoa thì tôi lại là một ca cực kỳ khó giải quyết! Nếu như đám sinh viên gặp được tôi, họ sẽ không phải đến bệnh viện thực tập nữa - Tôi chính là “bệnh viện thực tập” của họ rồi còn gì! Việc họ phải làm bây giờ là nghiên cứu ngay bản thân tôi đây rồi sau đó viết luận văn tốt nghiệp, thế thôi.

Tôi không biết mình còn sống bao lâu nữa, tôi phải tự kiểm tra kỹ xem sao. Tôi tự bắt mạch. Thoạt đầu tôi không dò được mạch, nhưng rồi tự nhiên mạch lại đập loạn xạ. Tôi đặt chiếc đồng hồ quả quít trước mặt xem xem một phút tim đập bao nhiêu lần. Đại khái, mỗi phút cỡ 140 lần. Tôi lại sờ lên ngực và nhận ra tim đã ngừng đập. Tôi chợt nghĩ, làm gì có chuyện quái quỷ như thế được, chẳng qua là do tôi quá hồi hộp đó thôi! Tôi chuyển sang kiểm tra chót lưỡi bằng cách cố hết sức thè lưỡi ra thật dài. Tôi nhắm hờ mắt, dùng mắt còn lại để kiểm tra. Tôi nhận ra đầu lưỡi mình đỏ hồng lên, rõ ràng là tôi bị bệnh tinh hồng nhiệt rồi.

Vậy là, khi bước vào thư viện, tôi là một chàng trai vui vẻ, khỏe mạnh; khi đi ra, tôi bỗng trở thành một bệnh nhân với vô số những căn bệnh trầm kha, một kẻ ốm yếu gầy mòn!

Và thế là tôi lập tức đi khám bác sĩ. Anh ấy vốn là bạn thân của tôi. Anh bắt mạch, xem lưỡi, sau đó chẳng biết nghĩ sao anh ta lại nói với tôi về khí hậu, thời tiết. Sau cùng anh ấy hỏi:

- Anh không thoải mái chỗ nào?

- Người anh em à - Tôi nói - Tôi không khai bệnh với anh, khiến anh mất nhiều thời gian quá, cho tôi xin lỗi! Thực ra tôi chẳng có bệnh gì cả, kể cả bệnh viêm xương bánh chè. Nhưng... nghiên cứu về bệnh tật thì... bệnh gì tôi cũng có!

Tôi mỉm cười thú vị bởi cách trả lời vừa rồi và kể lại cho anh ấy nghe toàn bộ quá trình tự nghiên cứu tìm hiểu bệnh tật của tôi.

Anh bạn tôi cởi áo sơ mi tôi ra, một tay nắm chặt cổ tay tôi, tay kia vỗ loạn xạ lên ngực tôi một chập rồi dí trán anh vào người tôi. Đoạn anh bác sĩ ngửa xuống ghế, kê đơn đưa cho tôi. Tôi nhận đơn cho luôn vào túi, chào tạm biệt, đi ra.

Tôi đi thẳng tới hiệu thuốc gần nhất. Người bán thuốc xem qua đơn rồi trả lại cho tôi, nói:

- Hiệu thuốc tôi không chuyên pha chế loại này!

- Anh không phải là dược tá sao? - Tôi hỏi.

- Tôi là dược tá - Anh ta khẳng định và tiếp - Giá như tôi là người kinh doanh tổng hợp vừa bán thuốc vừa bán thức ăn thì tôi đã giúp được anh rồi. Đằng này, tôi chỉ là một dược tá, không hiểu gì về bếp núc đâu anh bạn ạ!

Tôi trở mắt nhìn người bán thuốc, cầm toa thuốc lên xem. “Toa thuốc” viết: “Nửa kg thịt bò loại I, hai lon bia Heiniken, 6 tiếng đứng hờ dùng một lần. Sáng sớm mỗi ngày đi bộ 10 dặm Anh. 11 giờ đêm đi ngủ. Ngoài ra, không cần phải nặng đầu suy nghĩ về những gì mình không am tường”.

TÔI LÀ KẺ CẤP

A.Kangpanier (Pháp)

- Đúng vậy, lão là một kẻ ăn cắp - Lão già đau khổ nói - Nhưng cả đời lão chỉ ăn cắp duy nhất một lần ấy, một lần đặc biệt... Lão ăn cắp một cái ví đựng đầy tiền...

- Chuyện đó thì có gì là lạ. - Tôi cắt ngang lời lão.

- Cứ để lão nói hết đã. Khi cho cái ví vừa lấy được vào túi lão, trong người lão không hề có thêm một đồng nào.

- Cái ví đó không có tiền à?

- Có chứ! Một cái ví đầy tiền.

Lão làm cho tôi hết sức tò mò, và tôi rót cho lão một ly rượu.

Lão bắt đầu kể những gì lão đã trải qua:

“Lúc đó lão đang đi tàu hỏa đến một vùng đất mà bọn trộm cướp thường xuất hiện rồi lại biến mất rất khó lường. Lão đi toa hạng ba. Trong toa, ngoài lão ra chỉ có một cậu thanh niên ăn mặc rách rưới đang ngủ say, trên trán có một vết sẹo to tướng. Từ diện mạo cũng như cách ăn mặc trông gã rất giống một tên tội phạm. Lão định đổi toa, nhưng giữa các toa không có cửa thông, vì vậy lão đành ngồi chung với cái gã nguy hiểm ấy trong suốt ba tiếng đồng hồ. Tàu chạy đến giữa cánh đồng hoang vắng, xung quanh không có làng xóm, quán xá gì, hành khách trên tàu chỉ lơ thơ mấy mống. Trong hoàn cảnh đó, giết một người rồi ném xác qua cửa sổ, quả thật chỉ là chuyện nhỏ!”

Lão hớp một ngụm rượu, đoạn kể tiếp:

“Bên ngoài trời đêm dần sẫm lại. Lão trân trân nhìn vào cái còi báo động gắn trong toa tàu. Nhưng chẳng mấy lúc lão đã ngủ thiếp đi. Khi tỉnh giấc lão bất giác kêu lên kinh hãi. Kẻ đồng hành lạ mặt với lão đang khom lưng đứng trước mặt nhìn lão bằng ánh mắt sắc sảo thật đáng sợ, bộ râu bù xù của gã chạm hằn vào má lão. Lão nhảy lùi một bước định lao đến kéo còi báo động, nhưng gã đã nắm lấy cánh tay lão, nhìn lão van vớ:

- Xin bác đừng sợ. Cháu muốn được bác cho phép ngồi cạnh, dùng chung chiếc chăn chiên với bác. Cháu đang rất lạnh bác à!

Nghe gã van xin có vẻ rất chân thành, lão thở phào nhẹ nhõm, dịch người đi một chút, cho gã ngồi cạnh.

- Bác à - Gã nói - Cháu thực sự rất muốn làm một tên ăn cắp! Tính cách cũng như hoàn cảnh sống của cháu, kể cả việc tiếp thu giáo dục đều như được định sẵn là cháu đặc biệt thích hợp với công việc ấy. Nhưng... cháu không thể ăn cắp được bác ạ!

- Đi đâu gì ngăn cản cậu ăn cắp? - Lão tò mò hỏi.

- Với bộ mặt dị hợm thế này cháu làm sao có thể ăn cắp được ạ? Bất kể đi đến đâu, mọi người đều đề phòng cháu. Nếu ngồi cạnh người bị mất cắp, kẻ bị nghi ngờ trước nhất là cháu.

Lão nhìn khuôn mặt giống kẻ cướp của gã, trong đầu nảy ra một ý nghĩ quái quỷ: mình thử lấy cắp ví tiền của gã xem sao. Đây sẽ là một trò đùa đặc sắc biết mấy! Thế là lão khê khàng đưa tay ra... Thượng đế phù hộ cho lão! Chỉ trong nháy mắt, chiếc ví căng phồng của tên kẻ cắp kia đã nằm gọn trong túi áo của lão. Vừa lúc đó, đoàn tàu dừng bánh, gã bạn đường của lão đứng dậy, nói:

- Cháu đến nhà rồi. Cảm ơn bác, chúc bác vui vẻ!

Lão chờ cho gã xuống tàu xong, vội lôi chiếc ví vừa lấy được ra xem. Trời đất ơi! Mắt lão trợn ngược lên, đờ đẫn: Chiếc ví lão đang cầm trên tay chính là ví tiền của lão! Hóa ra tên kẻ cắp đã lân la hỏi chuyện lão rồi nâng ví tiền của lão lúc nào không hay. Thật may là gã chẳng chút may mắn đề phòng nên lão mới lấy lại được! Đây là lần lấy cắp duy nhất trong đời lão! Lão nói thật đấy. Lấy được ví tiền nhưng bản thân lão chẳng có thêm một đồng xu nhỏ nào, chán thế chứ! Vậy đấy, lão đã kể hết cho anh nghe đấy, lão chẳng lừa dối gì anh đâu!”.

Lão già kể xong câu chuyện, tôi nói mấy lời khách sáo cảm ơn lão đã tâm sự cùng tôi rồi đứng lên đi trả tiền rượu, đoạn quay người bước nhanh ra khỏi quán. Tôi làm như vậy là có lý do của nó: khi lão kể chuyện ăn cắp, tôi đã dùng hai ngón tay cực kỳ linh diệu của mình kẹp lấy ví tiền của lão, nhẹ nhàng chuyển nó vào túi tôi. Tôi nóng lòng muốn biết trong chiếc ví ấy có bao nhiêu tiền.

Tôi tin rằng lão già đó sẽ chẳng bao giờ muốn gặp lại tôi lần nữa! Tôi xin khẳng định, chiếc ví đó không phải là ví tiền của tôi, bởi một lẽ rất đơn giản, chưa bao giờ tôi mang ví đựng tiền theo người!

Rẽ vào một con phố nhỏ, tôi cho tay vào túi quần lấy chiếc ví vừa thó được ra xem. Trời đất! Trong túi tôi không có ví tiền nào cả! Lão già quỷ quái thật! Lão đã lấy lại ví tiền của lão từ trong túi quần của tôi! Vậy là... chính lão đã lấy cắp ví tiền của mình lần thứ hai!

Đúng thế, lần thứ hai! Ai biết lão đã tự lấy cắp của mình lần thứ mấy?

KẾT CỤC NGOÀI Ý MUỐN

Akewang (Pháp)

Anh và chị kết hôn đã hơn 20 năm, sống với nhau rất hạnh phúc. Họ luôn nhường nhịn nhau trong cuộc sống, hơn nữa, cả hai đều có tính cả nể, e thẹn.

Anh là nhà tiểu thuyết bậc trung xứ Lyon, Ladmiral. Nếu muốn nổi tiếng để trở thành tiểu thuyết gia có tác phẩm bán chạy, chắc hẳn anh đã xông xáo, xuất đầu lộ diện ở nhiều diễn đàn khác nhau. Nhưng với Ladmiral, chuyện này hoàn toàn không xảy ra. Bạn bè yêu quý anh bảo là anh quá khiêm tốn, thực ra anh là một người không có dũng khí.

Với Ladmiral, việc đầu tiên khi về nhà là ôm vợ, hôn lên trán chị và hỏi một câu chưa bao giờ thay đổi:

- Em thân yêu, anh hy vọng là trong lúc em ở nhà một mình, em không hề buồn chứ em yêu?

Để đáp lại, lần nào chị cũng nói:

- Không đâu anh yêu. Ở nhà em có bao nhiêu là việc phải làm, kể cả việc đón anh về. Em vui lắm anh à...

Vợ Ladmiral chuyên lo việc đánh máy bản thảo những truyện ngắn đăng định kỳ trên báo “Lyon buổi chiều” của chồng, gói ghém và gửi cho tòa soạn. Công việc ấy khiến chị có cảm giác mình là cộng sự đắc lực của Ladmiral!

Vậy mà, chị đâu có ngờ, một bi kịch uy hiếp hạnh phúc gia đình của họ đang xảy ra!

Thế đấy, anh nhà văn 50 tuổi Ladmiral bất ngờ bị một người phụ nữ vừa ly hôn làm cho điên đảo! Đó là một phụ nữ xinh đẹp, lãng lơ và vô cùng quyến rũ. Một ngày nọ, như để có một món trang sức mới, cô nàng ông ẹo yêu cầu Ladmiral làm đám cưới với mình!

Muốn vậy, đương nhiên Ladmiral trước tiên phải ly dị vợ. Anh nghĩ, chuyện này không khó. Lý do đưa ra là, kết hôn đã 23 năm, vợ chồng

không còn yêu nhau nữa, sống với nhau không hạnh phúc, cần phải giải phóng cho nhau! Cách lý giải nghe chừng hợp lý. Tuy nhiên, với một người chồng luôn cả nể, ngại ngùng như Ladmiral thì làm sao có thể nói cho vợ hiểu được?

Nhà tiểu thuyết bèn nghĩ ra một cách. Anh ta sáng tác một truyện ngắn, đưa những cảnh ngộ thực tế của hai người vào hai nhân vật hư cấu. Để cho vợ dễ nhận ra ý đồ của câu chuyện, Ladmiral dẫn ra hàng loạt những tình tiết riêng có trong cuộc sống thường ngày giữa hai vợ chồng. Phần kết của thiên truyện, anh ta để cho người vợ ly hôn và đặc biệt nói rõ, người vợ đã không còn tình yêu, một giọt nước mắt cũng không hề rơi khi nàng bỏ đi, về sau sống ẩn cư tại một ngôi nhà nhỏ trong rừng...

Khi Ladmiral giao bản thảo thiên truyện cho vợ, trong lòng anh ta không khỏi có chút áy náy, bất an. Buổi tối, khi trở về nhà, anh ta cố ý thăm dò thái độ của vợ.

- Em thân yêu, anh hy vọng, lúc ở nhà một mình, em không buồn phiền chứ em yêu? - Anh chàng do dự hỏi.

Người vợ đáp lại một cách bình thường như bao năm tháng đã qua:

- Không đâu anh yêu. Ở nhà em có bao nhiêu là việc phải làm, kể cả việc đón anh về! Em vui lắm anh à...

"Lẽ nào cô ấy chưa đọc? Chắc là ngày mai cô ấy mới đánh máy bản thảo?", anh thầm dự đoán.

Thế nhưng, khi Ladmiral hỏi tới, bản thảo chẳng những đã đánh máy xong mà còn được gửi đến tòa soạn báo từ trước.

Tại sao nàng không lên tiếng. Không thể có chuyện không hiểu ở đây được! Sự im lặng của nàng là không sao giải thích nổi!

Mãi cho đến khi thiên truyện xuất hiện trên báo, Ladmiral mới vỡ lẽ. Thì ra, kết cục của truyện đã được vợ anh sửa lại: Sau khi người chồng đề xuất việc ly hôn, mặc dù rất đau khổ, nhưng người vợ vẫn ngậm ngùi chấp nhận! Tuy nhiên, nàng vẫn luôn giữ mãi trong ký ức mối tình thuần khiết, thủy chung với chồng suốt 23 năm qua! Trên con đường hun hút để đến nơi ở mới sau khi ly hôn, vì quá buồn phiền đau khổ, nàng đã chết. Sau cái chết tức tưởi của người vợ vừa bị mình phụ bạc, người chồng trở thành một kẻ tâm thần, lang thang, cô độc... Đó là một kết cục ngoài ý muốn với Ladmiral.

Tâm hồn của LadmiraI bị chấn động mạnh trước cái kết bi thảm của câu chuyện do vợ nghĩ ra. Điều đó khiến cho anh vô cùng ân hận và hối hận với lương tâm! Ngay hôm đó LadmiraI nhận ra bộ mặt trơ tráo của mẹ đàn bà vừa bỏ chồng muốn chiếm hữu anh. Và, anh muốn thổ lộ niềm ân hận của mình với vợ. Tuy nhiên, nghĩ đi nghĩ lại, LadmiraI quyết định sẽ vĩnh viễn không bao giờ thừa nhận với vợ rằng mình đã xem cái kết mới của thiên truyện do vợ nghĩ ra!

- Em thân yêu! Anh hy vọng là những khi em ở nhà một mình em không buồn chứ em yêu? - Lúc về tới nhà LadmiraI lại hỏi vợ, có điều âm thanh phát ra dịu dàng, thân thiết hơn trước đây.

- Không đâu anh yêu. Ở nhà em có bao nhiêu là việc phải làm, nhất là việc đón anh về Em vui lắm anh ạ! - Người vợ vừa trả lời vừa dang rộng đôi tay ôm LadmiraI vào lòng.

CHỦ NHÂN TÒA BIỆT THỰ

Sheluntimide (Đức)

10 giờ sáng ngày thứ hai, tại một tòa biệt thự ở ngoại ô. Một người đàn ông mặc quần áo tắm ngồi trước lò sưởi trong tường, tỏ ra rất thích thú nhấm nháp một thứ gì đó, thỉnh thoảng lại tợp một ngụm rượu.

Đúng vào lúc ông ta lấy đĩa nhạc định cho vào máy thì cửa mở, một người đàn ông bước vào.

- Xin lỗi, tại vì cửa mở mà - Người đàn ông mới đến nói - Tôi là người của công ty Anh em Kiefer, rất vui được làm quen với ông. Ông là Giám đốc Francis phải không ạ?

Người đàn ông ngồi trước lò sưởi xoay người lại, tỏ vẻ không vui vì có người quấy rầy.

- Đúng vậy. Tôi là Francis đây. Anh gặp tôi có việc gì?

- Ở đây có tờ hóa đơn báo nợ năm ngoái của ông, thưa Giám đốc. Tất cả là 200 Mỹ kim...

- Vậy hả? Ngày mai đến văn phòng công ty, tôi sẽ chuyển khoản cho anh.

- Ông đã hứa kiểu này bao nhiêu lần rồi - Tay nhân viên nói - Vì vậy tôi mới phải trực tiếp đến tìm ông.

- Anh đi ra ngay! Tôi không tiếp khách ở nhà! Hãy gửi hóa đơn đến văn phòng công ty. Ở đây tôi không có tiền.

- Được thôi! - Tay nhân viên nói - Tôi cũng đã lường trước chuyện này, dù rằng tôi nghĩ, chúng ta có thể tự giải quyết vấn đề mà không cần có sự trợ giúp của cơ quan hành pháp. Viên cảnh sát quen biết ông đang chờ ngoài cửa đấy, thưa ông Giám đốc!

Người đàn ông ngồi trước lò sưởi bỗng đứng phắt dậy, cuống cuống làm đổ cả bình rượu xuống tấm thảm trải sàn nhà.

- Mẹ kiếp! - Ông ta nổi cáu - Đây, tiền của anh đây! Cần lấy! Tôi không muốn gặp lại anh nữa!

Thì ra, người đến tòa biệt thự vùng ngoại ô này không hẳn đã vì nhàn rỗi, muốn hưởng thụ ánh sáng mặt trời và sự yên tĩnh. Mick là một gã như thế. Hắn ta rất thích tìm đến những ngôi biệt thự đã lâu không có người ở, nhân cơ hội đó mà vơ vét một chuyến.

Lần này trong túi Mick có 400 Mỹ kim. Hắn biết rõ, nếu bị bắt, người có nhiều tiền sẽ rất dễ biện bạch: vào nhầm nhà hoặc giả chỉ muốn đùa cho vui, vân vân và vân vân... Bản thân Mick đã từng nghiệm ra rằng, đối với những người giàu có, thái độ của cảnh sát bao giờ cũng nặng nề.

Đối với Mick mà nói, việc vào tòa biệt thự của giám đốc Francis đơn giản như diễn một vở kịch trẻ con. Nếu biệt thự không có người, hành động của hắn sẽ chẳng ai biết. Trước tiên hắn đi tắm cái đã, mặc áo quần của chủ nhân rồi ung dung quan sát khắp tòa biệt thự. Buổi sớm mát mẻ, lò sưởi lại đang có lửa, hắn cảm thấy khoan khoái ngả vào sofa. Và tự nhiên hắn thích nghe nhạc.

- Đúng vào lúc tôi định cho đĩa nhạc vào máy - Sau này Mick kể lại với bạn bè hắn - Một gã ngốc đi vào đòi tôi trả cho hắn một món nợ nào đó. Trước đây một tuần tôi đã phát hiện ra ngôi biệt thự hoang vắng này. Tôi thám thính suốt cả tuần lễ và biết chắc nó không có người ở. Thật may, thằng cha nợ coi tôi là chủ tòa biệt thự, là Giám đốc Francis, lại còn bảo viên cảnh sát từng biết tôi đang chờ ngoài cửa. Cũng may là lúc đó tôi đang có tiền... Ồi dà, lần này mình tổn thất khá khá, nhưng cũng không sao. Lúc đó mà viên cảnh sát xông vô thì thật là rách việc!

Nói xong, Mick hít một hơi thật sâu.

Đi đâu bất ngờ thú vị là, kẻ xông vào ngôi biệt thự đòi tiền Mick không phải là nhân viên của công ty “Anh em Kiefer”. Người nhận mình là “đại diện” của công ty lại chính là chủ nhân đích thực của tòa biệt thự!

- Ông đã thực thi một sách lược thật tài tình, thừa giám đốc! - Sáng hôm sau nhân viên của công ty tán dương Giám đốc Francis - Ông đã tự biến mình thành kẻ tống tiền thật ngoạn mục!

- Nhưng ta có cách nào khác đâu - Francis nói - Ta vừa sờ tay vào nắm đấm cửa, cửa liền mở ra. Tên cướp mặc bộ đồ tắm của ta, ngả trước lò sưởi. Hắn rất cao lớn... Vả lại, có thể hắn có súng. Ta định bỏ chạy nhưng đã quá muộn. Trong lúc nguy cấp ta chợt nảy ra sáng kiến biến kẻ xâm nhập trái phép tòa biệt thự của ta thành chủ nhân tòa biệt thự và đòi tiền

hắn. Còn nữa, chuyện này mới thực lý thú: ta đã bịa ra rằng có cảnh sát đang chờ ngoài cửa. Nghe nói thế hắn tái cả mặt, sợ chết khiếp đi được, bởi biết đâu viên cảnh sát kia chẳng nhận ra hắn là kẻ mạo danh... Tóm lại, trong vụ này ta đã thắng lớn, đúng không?

CHAI SÂM BANH ĐẦU ĐỜI

Kelide (Đức)

Khi tôi yêu em, Verena mới 16 tuổi, còn tôi 17 tuổi tròn. Chúng tôi quen nhau từ những lần đi bơi ở hồ bơi, về sau hai đứa thường đưa nhau đến các quán giải khát uống nước.

Khi tôi nghĩ đến Verena (mỗi ngày tôi nghĩ đến em hàng trăm lần cơ đấy), tôi luôn hào hứng chờ đợi cho tới lúc hai đứa gặp nhau lần nữa. Tuy nhiên, mỗi lần em đến, bao nhiêu câu chữ đẹp để tôi chuẩn bị sẵn trong đầu đều không cánh mà bay! Mỗi lần tôi nhút nhát, e dè ng ỡ cạnh em, Verena đều nói rằng, tôi là người bảo hộ cho em.

Tình cảm giữa chúng tôi tiến triển thuận lợi, cho tới một hôm Verena nói với tôi rằng, em chán các quán giải khát lắm rồi! Đây là nơi của bọn trẻ con! Em muốn mình phải đang hoàng bước vào quán người lớn, uống sâm banh như chị gái của em vậy!

Lúc đầu tôi giả vờ như không nghe thấy gì, nhưng khổ nỗi, ý nghĩ do Verena nói ra cứ lớn vồn trong đầu tôi mãi. Tôi không có nhiều tiền, tuy nhiên cũng không thể để cho em biết sự lúng túng khó xử của mình! Dù sao tôi cũng là một thằng con trai đang yêu, lẽ nào cứ làm ngơ mãi trước yêu cầu rất chính đáng của em? Vì vậy tôi bèn tỏ ra thờ ơ, bảo: “Sâm banh hả? Ý kiến hay đấy, sao mình không đi làm vài ly nhỉ?” Cách nói của tôi tỏ ra như tôi là một người sành điệu, coi chuyện uống sâm banh là rất bình thường. Trong lúc đang yêu chuyện gì mà không thể xảy ra!

Sau khi nhầm tính thấy còn đủ tiền, tôi liền đưa em đến một quán rượu lớn trong thành phố. Tại đây không khí rất gọi cảm, âm nhạc vang lên đều đặn, những người phục vụ đi lại nhẹ nhàng và luôn mỉm cười thân thiện với khách.

Chúng tôi ng ỡ vào một chiếc bàn nhỏ. Tôi không thể không tập trung toàn bộ tinh lực để trấn áp vẻ ngượng ngùng, xấu hổ trước những thực khách sành điệu ở đây. Tôi gọi người phục vụ bàn đến, dù rất run vẫn làm ra vẻ bình thản gọi một chai sâm banh. Tiếp viên là một bác lớn tuổi, mái

tóc lốm đốm bạc với ánh nhìn rất hiền từ thân thiết. Bác cúi người, trang trọng nhắc lại lời tôi: “Một chai sâm banh? Có ngay đây ạ!”.

Rõ ràng là bác ấy rất tôn trọng chúng tôi. Trên nét mặt tươi cười của bác không hề có vẻ gì là châm biếm cả. Xem ra, việc tôi diện bộ vét của bác tôi cho, thắt chiếc cà vạt đỏ mới tinh là quá đúng rồi. Tôi đã 17 tuổi cơ mà! Verena mặc bộ váy áo rất đẹp, mượn của chị gái cô ấy.

Bác phục vụ trở lại. Bằng những động tác điêu luyện, bác dùng một chiếc khăn bông trắng muốt lót tay, nhẹ nhàng rót thứ nước sâm banh quý phái ấy vào ly cho chúng tôi. Chúng tôi dường như lạc vào một thế giới khác!

“Vì tình yêu của chúng ta, cạn chén!” - Tôi nói khê và cạn ly cùng Verena. Chúng tôi uống cạn ly rượu. Rồi tiếp đến ly thứ hai. Lúc này, tôi rút rờ nắm lấy bàn tay thon mịn của Verena, em để yên không rút lại như mọi lần. Khi uống đến ly thứ ba, Verena bất ngờ hôn tôi một cái, tôi sướng đến run người! Men rượu nồng nàn thấm đẫm trong huyết quản chúng tôi. Cả hai như mơ, như say. Tiếc là rượu đã hết mà tôi thì... không đủ tiền mua tiếp chai thứ hai. Tôi nhìn trộm Verena. Thôi, phải về ngay, không thì...

“Thanh toán tiền, ông chủ!” - tôi gọi lớn.

Vẫn bác phục vụ lúc nãy tới. Bác đặt tờ hóa đơn thanh toán vào một cái khay nhỏ, nhẹ nhàng để xuống bàn. Tờ hóa đơn ghi: “1 chai nước khoáng có gas và phí phục vụ, 1,10 mark”, bên dưới có thêm dòng chữ “Xin lỗi cậu, cậu bé! Các cậu là vị thành niên, không được uống rượu. Tôi mạn phép đổi nước khoáng cho cậu đấy! Người phục vụ cậu”.

Cho đến tận bây giờ Verena của tôi cũng không biết rằng chai sâm banh đầu tiên trong đời em chỉ là một chai nước khoáng!

VÉ XỔ SỐ

Jiasijier (Tây Ban Nha)

Ở Tây Ban Nha, ngoài đấu bò tót, bóng đá ra, xổ số là thứ hấp dẫn nhất. Hầu như tuần nào cũng có quay số mở thưởng, nhưng theo truyền thống lâu đời trong lịch sử đất nước, kỳ xổ số được mở thưởng đúng vào ngày lễ Giáng sinh là kỳ xổ số đặc biệt nhất. Giải độc đắc lần này là 500 triệu pêsô, tương đương 12,5 triệu đô la Mỹ. Thu nhập này không phải đóng thuế cho Nhà nước.

Loại vé số này được bán quanh năm trên khắp cả nước, mỗi xêri có 100 tờ, hầu như người nào cũng chỉ mua một tờ, giá 1 đô la. Khi quay số mở thưởng, mọi người dân Tây Ban Nha đều nghỉ việc, quên ăn quên ngủ, chẳng còn tâm trí đâu mà nghĩ đến chuyện khác (!)

Một ngày nọ, vào những năm 50, tôi dạo phố, khi đi qua một hiệu cà phê, thấy mọi người chen nhau xem kết quả xổ số. Cũng như tuyệt đại đa số dân Tây Ban Nha, tôi cũng mua một vé cho đợt xổ số đặc biệt trong năm này. Khi tôi rút ví ra để xem vé số của mình, tay tôi bỗng run lên bần bật. Số của tôi là 141415, mà số trúng giải độc đắc là 141414. Tôi chưa hề trúng số bao giờ, lần này lại quá gần với giải độc đắc, trúng giải khuyến khích, được lĩnh 12.500 Mỹ kim, sao tôi không run chứ?...

Mân mê ngắm vé trên tay một lúc, tôi bắt đầu nhớ lại nơi mình mua và đã mua tấm vé đó như thế nào. Tôi mừng cứ như mình trúng số độc đắc không bằng. Đó là chuyện xảy ra vào một ngày mùa hè, khi tôi đến quần đảo Baliyali nghỉ mát. Tối hôm đó, tình cờ tôi đến quán “Đôi sư tử” uống rượu. Cũng như nhiều cư dân ở đây, tôi rất thích nơi này. Quán nhỏ nhưng thoáng mát sạch sẽ, rượu ngon mà giá cả cũng phải chăng. Đặc biệt là, ai đã từng đến đây đều rất thích người chủ quán trẻ Henanduo.

Henanduo tuy là chủ quán đấy, nhưng... thực quyền lại nằm trong tay vợ anh ta. Ngay cả bản thân Henanduo cũng bị cô nàng quản rất chặt. Tôi không rõ Malia có gì vượt trội so với Henanduo, nhưng cô nàng luôn tạo cho mọi người ấn tượng đó. Bằng giọng nói đanh đá và ánh nhìn sắc lạnh,

đường hòng có ai thoát khỏi vòng cương tỏa của thị! Chỉ cần Henanduo mỉm cười với một cô gái Thụy Điển tóc vàng đến lần thứ hai; dám bán rượu chịu cho một ông bạn già tưng bấn, thế nào cũng bị Malia chua ngoa chì chiết, chí ít cũng trừng mắt cảnh cáo. Henanduo lúc đó chỉ còn biết khuất phục: “Vâng, em yêu!”

Vào một buổi tối, hôm ấy Malia về quê thăm mẹ. Vợ vừa rời khỏi quán anh chàng Henanduo liền biến thành một người khác. Mắt sáng hẳn lên, vui vẻ quảng giao với mọi người. Tiếng hát với cây đàn ghita của anh cũng hân hậu, trong trẻo hơn.

Lúc đó, một cậu bé bán vé số dạo bước vào quán. Henanduo nói, để xem vé mở thưởng vào lễ Giáng sinh năm nay còn những số nào. Anh ta lật lật các xấp vé số, chợt reo lên: “Tốt quá! Tốt quá! Trời ban điềm lành cho ta đây rồi!”. Anh nắm lấy vai tôi vui vẻ nói:

- Anh bạn tốt của tôi, anh xem đây. Tôi sinh ngày 14 tháng này, mà vé số đây lại có tới ba lần ngày sinh của tôi 141414!

Cậu bé bán vé số cười rất tươi, nói “Chú hên quá rồi còn gì”, toan rút cho Henanduo một vé, nhưng anh ngăn lại:

- Không cần đâu! - Anh ta kêu lên - Ông trời có mắt mà! Người thông minh không nên bỏ lỡ cơ hội. Tôi mua hết 100 vé.

Không khí trong quán như chùng hẳn xuống. Im lặng. Cả xấp vé những 100 đô la, với cái quán rượu nhỏ bé này, đó là một con số không nhỏ. Có người lo lắng hỏi: “Malia sẽ nói gì nhỉ?”

Henanduo nghe thế, ngó ra một lát, đoạn ùng ùng nổi giận, hét to:

- Tôi đã muốn là cứ làm!

Và, anh ta làm thật. Anh vơ hết tiền trong ngăn kéo nhưng không đủ, bèn chạy về nhà lấy thêm. Trong tâm trạng hào hứng đó, hầu như những người có mặt tại đây ai cũng mua một vé. Tôi cũng vậy. Tôi mua một vé có số lớn hơn Henanduo 1 đơn vị: 141415.

...Lúc này tôi đang dạo bộ trên đường phố. Chợt nghĩ, không biết anh chàng Henanduo dùng số tiền trúng thưởng khổng lồ đó làm gì nhỉ? Anh ta có thể đã ly dị cô vợ chua ngoa đánh đá? Đã bán cái quán rượu nhỏ bé kia không cần buôn bán gì nữa, tận hưởng một cuộc sống an nhàn vương giả chăng?

Mãi đến mấy tháng sau tôi mới có thời gian rỗi, đi thăm Henanduo. Máy bay hạ cánh lúc ba giờ chiều, ra khỏi phi trường tôi đến ngay quán “Đôi sư tử”. Khi tới gần quán tôi dừng lại nhìn, chẳng thấy có sự khác biệt nào so với trước đây.

Tôi bước hẳn vào quán, thấy Henanduo ngồi cạnh bàn đọc báo. Nhìn thấy tôi anh vui mừng ra mặt, đứng bật dậy:

- Hoan nghênh khách quý! Lâu quá rồi anh mới đến quán, ngồi đi ngồi đi!

Chẳng hỏi han gì nhiều, Henanduo đi lấy bình rượu nho trắng, thứ rượu mà tôi rất thích.

- Chúc mừng anh! - Tôi nâng ly nhìn Henanduo, nói - Chúc mừng nhà tử phú gặp vận may!

Khi tôi bày tỏ sự ngạc nhiên của mình bởi quán sá không có gì thay đổi lớn, Henanduo cười cười có vẻ không được tự nhiên lắm, nói:

- Không phải vậy đâu anh bạn thân mến ạ! Thay đổi không nhiều nhưng rất lớn đấy! Anh còn nhớ, lúc đó có người hỏi tôi, nếu Malia biết tôi đã tiêu ngân ấy tiền vào việc mua vé số thì sẽ như thế nào chứ?

Tôi gật đầu tỏ ra có nhớ. Henanduo lắc lắc đầu, thở dài xót xa:

- Người đó nói đúng!

Thì ra, khi biết chuyện, Malia lồng lên như một con sói cái, la lối om sòm, bắt chúng phải bán bằng hết số vé đã mua, thu tiền lại.

- Cuối cùng tôi đành phải nhượng bộ để được yên thân, anh bạn thân mến ạ! Anh ta nhún vai - Con người ta không thể sống thanh thản giữa phong ba bão táp được. Có đi đâu, bán cho hết 100 tờ vé số đó đâu phải chuyện dễ. May mà tôi có đông bạn bè, một số khách quen của tôi cũng có bạn của họ nữa, anh em đều giúp đỡ mua cho, cuối cùng tôi chỉ còn lại một vé. Cô ấy cho phép tôi giữ lại một tờ duy nhất.

- Nếu tôi gặp phải chuyện này - Tôi nói - Sau khi có kết quả mở thưởng, nghĩ tới những tấm vé số đã bán lại, có lẽ tôi phát điên lên mất!

- Lúc đó tâm trạng của tôi giống hệt như vậy đấy anh bạn ạ! Nhưng mà nghĩ kỹ lại, tôi cũng thấy ngơ ngai. Thử hỏi, ai là người sở hữu 99 tấm vé may mắn kia chứ? Họ đều là bạn của tôi mà! Họ sẽ cảm ơn ai? Chẳng phải là cảm ơn Henanduo tôi sao? Họ đã nhờ tôi mà giàu có, coi như là một sự chia sẻ của tôi chứ sao. Việc buôn bán của cái quán rượu nhỏ bé này

cũng nhờ đó mà khấm khá hẳn lên. Vả lại, dù chỉ còn một vé, tôi cũng đã nhận được 12,5 triệu đô la Mỹ còn gì. Tôi mua một chiếc ô tô, sắm sửa đồ gia dụng mới, còn lại chút ít tiết kiệm.

- Tốt quá rồi! - Tôi nói - Nhưng sao anh không nghĩ số tiền kia nếu có sẽ đem lại cho anh những gì?

Henanduo mỉm cười:

- Đúng vậy, anh bạn. Có nhiều tiền như thế chắc chắn sẽ làm được nhiều chuyện hơn, nhưng cũng có thể sẽ có những chuyện ngược ngặc! Cứ như tình hình hiện nay, dù có được hàng tỉ đô la chưa chắc tôi đã mua được những thứ mà tôi đã có!

Tôi cảm thấy rất khó hiểu khi nghe Henanduo nói. Cảm giác ấy lộ rõ trên gương mặt ngỗ ngàng, kinh ngạc của tôi. Thấy thế, Henanduo nói ngay:

- Anh hỏi tôi khi mất số tiền cực lớn như vậy, cảm giác của tôi như thế nào ư? Sao anh không nghĩ xem cảm giác của vợ tôi lúc đó thế nào? Chính vì cô ấy mà tôi phải bán hết những tấm vé may mắn đó, cảm giác của cô ấy thế nào, anh nghĩ tới sẽ biết ngay thôi! - Tựa lưng vào trường kỷ, Henanduo nói tiếp - Tình hình bây giờ khác trước nhiều rồi. Mỗi khi Malia sắp cãi vã với tôi, tôi liền nói 141414, cô ấy biết lỗi, im re ngay lập tức! Uống đi!

Anh ta dốc hết phần rượu trong bình vào ly tôi.

- Vậy đó anh bạn ạ, có thể nói, tôi đã có tất cả những gì mà hầu hết cánh đàn ông dù có bỏ tiền ra cũng không mua nổi!

Anh ta tỏ ra rất thỏa mãn, ung dung xoay người trên trường kỷ, gọi “Malia”, giọng điệu nhẹ nhàng thôi nhưng lại có sức mạnh của nó. Vén tấm màn cửa phòng trong, Malia bước ra, hoàn toàn khác trước, dường như đã có một sự thay đổi kỳ diệu xảy ra đối với cô. Thân hình mảnh mai, nhỏ nhắn hơn, dịu dàng, đầm thắm hơn.

- Malia, em lấy thêm cho anh ít rượu!

Malia đi vào chỗ đặt thùng rượu, cười nói:

- Em mang ra ngay đây, anh yêu!

CHIẾN TÍCH CỦA NGƯỜI MẸ

Huolinda (Tây Ban Nha)

Mặt trời gay gắt như đống lửa vô tình thiêu đốt mọi thứ trên vùng đất này. Trên những con đường đầy bụi, người đi đường muốn tìm bóng mát của một cái cây nhỏ hay một con suối cạn để giải khát là đi đâu không tưởng. Những cánh đồng cằn cỗi bị ánh nắng thiêu cháy, những dãy đồi núi nhấp nhô, trên trời nắng nheo, dưới đất khô khát là cảnh tượng tự nhiên khắc nghiệt ở xứ này. Thỉnh thoảng một bầy chim cú non vụt bay lên từ những cánh đồng vừa gặt, kéo theo một đám bụi mờ. Tiếng chim cú kêu vang, khuất dần trong không trung bởi làn bụi đất bốc lên dưới nắng rồi đáp xuống mặt đường như một cơn mưa bụi. Tháng tám, những buổi hoàng hôn oi bức, con đường vắng bóng người, cánh đồng mịt mờ tro bụi trông thật thê lương hiu quạnh.

Một tốp người lúi thúi lệch thẹo chậm chạp bước đi. Họ bị cái nắng làm cho kiệt sức, bị bụi đường làm cho ngạt thở, che chắn tầm nhìn, khiến cho họ dường như lạc mất phương hướng giữa một cánh đồng hoang vu vắng lặng. Nhìn họ ai cũng thương cảm và đau lòng, nhưng ở đây, những cảnh tượng như thế này mọi người đã quá quen rồi, nên chẳng mấy ai lưu tâm đến nữa! Ai ai cũng cầu mong Thượng Đế rủ lòng thương, nhưng Thượng Đế chỉ nhìn họ bằng ánh mắt lạnh lùng, vô cảm!

Tốp người này gồm có một phụ nữ, ba đứa trẻ và một con lừa già. Người phụ nữ há hốc miệng thở dốc, cầm cuốc và chậm chạp tiến về phía trước. Áo quần chị rách rưới, bụi đất đầy người, chân trần, bồng một đứa bé còn bú mẹ. Đứa bé được bọc trong một tấm vải vá chằng vá đụp, đôi tay nhỏ xíu yếu ớt sờ vú mẹ, rồi tọp lấy mút chùn chụt nhưng chẳng được giọt sữa nào. Người phụ nữ này còn rất trẻ, đôi mắt đen long lanh, đôi môi tươi hồng và hàm răng trắng bóng đầu tóc tấp, vóc người cân đối, thanh tú. Đi đâu này chứng tỏ trước đây chị rất đẹp, nhưng cuộc sống cùng khổ đã làm cho chị thay đổi hình hài, chưa già đã ốm nhom tiều tụy. Da mặt chị thô ráp, nhăn nheo; tóc tai bù xù, bẩn thỉu, bết dính mồ hôi. Người đàn bà

đáng thương này chỉ còn mỗi đôi mắt là linh hoạt, bộc lộ phong độ ngày xưa, đôi mắt ấy lúc này đầy ắp tình yêu thương, chăm chăm nhìn vào khuôn mặt nhỏ xíu của đứa con bé bỏng, đen đúa của mình. Theo sau người đàn bà sức tàn lực kiệt đó là con lừa già chỉ còn da bọc xương, hai tai dựng ngược, cái đuôi thông thọt bất động, toàn thân đầy bùn và cỏ dại. Trên lưng lừa là hai chiếc giỏ lót vải rách, hai đứa trẻ nằm trên mớ vải đó. Hai đứa bé lúc này rất khác nhau, một đứa sắc mặt hồng hào, đầu ngửa ra sau, ngủ rất ngon lành, không biết mơ gì mà nhoe nhoẹt miệng cười tươi. Còn đứa bé năm tuổi thì đang lên cơn sốt, lẫn lộn, quần quai, đôi mắt sưng tấy mở to nhìn mẹ...

Họ là ai? Từ đâu đến?

Họ là những người Di Gan không nơi nương tựa, lưu lạc khắp châu Âu kiếm sống. Họ đến từ một ngôi làng gần đây, người đàn bà bất hạnh này không dám nghỉ chân ở ngôi làng đó nữa, thậm chí còn không dám múc một bình nước mang theo, bởi những người nông dân ở đấy dọa rằng, nếu mấy mẹ con họ không lập tức rời khỏi làng, họ sẽ đánh cho. Vì thế tốp người Di Gan khổ sở này không có lấy một miếng bánh, một giọt nước... vẫn phải lầm lũi ra đi!

Đứa trẻ phát bệnh oằn người, lăn trở trong cái giỏ lót vải rách, huơ huơ tay cầu cứu mẹ, kêu lên yếu ớt “Mẹ ời!” Người đàn tội nghiệp giật mình, cúi sát con, hỏi “Sao, con yêu?”. Chị đặt đứa bé đang bế trên người xuống cạnh anh nó, hai tay ôm vào cổ đứa con đang ốm.

- Nước! Cho con uống nước! Con khát quá mẹ ời! - Đứa bé chỉ vào ngực mình, thều thào - chỗ này nóng quá mẹ ời! Cho con nước đi mẹ!

- Nước ư? - Người mẹ kinh hoàng nhắc lại - Mẹ lấy đâu ra nước cho con bây giờ? Con ời!

- Nước, con muốn uống nước! - Đứa bé hé đôi môi khô héo, run rẩy chờ đợi. Nhưng rồi nó nhìn mẹ bằng ánh mắt thất thần vô vọng, khóc không ra tiếng. Trời ời! Con của tôi, máu thịt của tôi! Vậy mà tôi đành bất lực trước cái đi ầu quá nhỏ bé nhưng lại liên quan đến sự sống chết của nó là sao hả trời? Người đàn bà nhìn vô hồn vào chiếc vò sành đựng nước: nước không còn một giọt. Chị nhìn lên trời, trời không một gợn mây, và nhìn khắp nơi, ruộng vườn, đồng cỏ, đâu đâu cũng chỉ là hoang mạc đều hiu. Xa tít cuối tầm nhìn cũng không hề có bóng dáng một con suối nhỏ, một vũng nước nào. Đất đai trong thời nắng hạn cũng biến dạng, nứt nẻ

đường như muốn nói với người đàn bà Di Gan rằng: “Nước cho con bà uống ư? Ở đây không có nước cho một ai uống cả! Rồi sẽ chết khát cả thôi!”

Người mẹ ôm chặt con vào lòng, như phát điên phát dại, rên rỉ, nghẹn ngào: “Nước ư con? Một giọt cũng không còn! Mẹ biết tìm đâu ra nước cho con đây, hả con?”.

Ôi người mẹ đáng thương! Giữa nơi hoang dã này chỉ duy nhất một nguồn nước, đó là nước mắt mà thôi!

Nhưng kìa, người đàn bà Di Gan bỗng mỉm cười tươi tỉnh khi chợt nhìn thấy túp lều của những người sửa đường. Cửa đóng, chủ nhân không có ở nhà. Nhưng có lẽ trong nhà sẽ có ai đó có thể giúp mẹ con chị. Chị tràn trề hy vọng vội chạy tới trước cửa, dùng nắm tay gõ nhiều lần vào cánh cửa nhưng không ai lên tiếng. Đến lúc này người đàn bà Di Gan không còn đủ sức để gõ cửa, để kêu gào lên nữa. Chị men theo bức tường rẽ qua một góc khác, chợt nhìn thấy một cái bát đựng nước. Chị kinh ngạc và mừng rỡ lao tới. Niềm vui chợt đến quá bất ngờ khiến chị không kịp thấy một con chó rất to cũng đang đến gần bát nước. Con chó lông dựng lên, nhe nanh trợn mắt trông rất dữ tợn. Nó nhìn thấy người đàn bà liêu liêu sửa váng lên. Chị ngẩng nhìn con chó, phán đoán ý đồ của nó, chợt bỏ nhào về phía trước, giữa lúc con chó cũng lao đến chỗ bát nước. Trong tích tắc, người và chó trừng trừng nhìn nhau. Người đàn bà đưa tay ra vội lấy bát nước nhưng con chó đã kịp chồm tới, chặn lại, nhe hàm răng sắc nhọn đến rợn người. Người đàn bà quyết không thoái lui: chị chuẩn bị cướp lấy bát nước. “Hừ! Mày cũng cần nước sao? Quên chuyện đó đi! - Chị quát lên giận dữ - Mày không thể cướp được nó đâu!” Người đàn bà Di Gan đâm thẳng vào mặt con chó. Con chó đứng thẳng lên, ngoạm vào vai chị, kéo chị ngã xuống đất. Chị đau đớn và tức giận cùng cực, chớp ngay lấy cổ con vật. Sức mạnh tiềm ẩn của tình mẫu tử trong phút chốc đã cho chị một nguồn lực dồi dào giúp chị đủ sức đương đầu với con chó dữ. Chị nghiến răng siết chặt cổ con vật. Hai hàm răng chó ngấp sâu vào bả vai khiến chị vô cùng đau đớn, nhưng chị vẫn không buông tay, quyết giành bằng được nguồn sống cho con mình! Trận chiến dù ngắn ngủi nhưng thật đáng sợ: người và vật quằn quại quyết liệt, cố sức giành phần thắng về mình. Và rồi, cũng đến lúc cuộc chiến kết thúc. Con chó kêu lên ăng ẳng, từ từ há mồm lè cái lưỡi đỏ lỏm ra ngoài, nằm vật ra bên chân người đàn bà Di

Gan. Chị cũng buông tay ra. Gương mặt tái nhợt, chị thở hỗn hển, bò dậy. Quần áo rách tơi tả để lộ trên tấm thân tàn tạ những vết răng rớm máu của con chó dữ. Chị không hề cảm thấy đau đớn, điềm tĩnh hít xác con chó ra, bê bát nước chạy về phía con. Chị cũng không để ý đến dòng máu tươi vẫn đang trào ra trên vai mình, run run đưa bát nước vào sát miệng con, thân thiết và dịu dàng nói: “Uống đi con! Uống đi con yêu!”

TIẾNG HÁT ĐÊM NÔ-EN

Yuekayi.Moer (Hunggari)

Trong thành phố có một ông thợ giày nghèo khổ tên là Yaruo. Hàng ngày Yaruo làm việc cật lực nhưng vẫn phải sống rất chật vật, bởi lẽ, trong ngôi nhà nhỏ này mỗi năm đều có thêm một đứa trẻ ra đời!

Sau khi sinh đứa con thứ chín, vợ ông thợ giày ra đi vĩnh viễn, trao lại trọng trách nuôi dưỡng đàn con nhỏ cho người ch ồng cô độc này.

Trong số con của ông bà, có ba đứa đã đi học, một đứa mới tập đi, các đứa khác thì còn rất nhỏ, cần có người cho ăn, tắm giặt cho chúng. Để chu cấp cho từng ấy miệng ăn, ông thợ giày phải làm việc không kể ngày đêm vô cùng vất vả cực nhọc.

Khi cần khâu giày cho con, ông phải làm một lúc những chín đôi! Còn lúc chia bánh mì cho lũ trẻ, ông phải chia thành chín phần!

“Ôi Thượng đế nhân từ! Xin Người hãy ban phước lành cho con!” Ông Yaruo đáng thương không ngớt ta thán, khẩn cầu. May mà chín đứa trẻ, cả chín đứa, cảm ơn trời đất, chúng nó đều khỏe mạnh, xinh xắn, ngoan ngoãn, khéo léo và biết đi đâu! Chỉ cần chúng không đau ốm gì, ông thợ giày sẵn sàng chịu khó chịu khổ để kiếm đủ miếng ăn cho chúng.

Đêm Nô-en ông thợ giày mãi làm việc, tới khuya mới về đến nhà. Ông phải đi giao những đôi giày đã khâu xong cho khách hàng để kiếm ít tiền lo cho con. Trên đường về nhà, ông Yaruo đi qua các cửa hàng bày bán các loại búp bê, bánh kẹo với những hình dáng ngộ nghĩnh dành cho trẻ em. Ở mỗi cửa hàng ông Yaruo đều dừng lại, tần ng ần: phải chăng nên mua cho bọn trẻ vài thứ gì đó? Nhưng mua những chín phần đương nhiên là không đủ tiền rồi. Hay chỉ mua một phần thôi? Không được! bọn trẻ sẽ tị nạnh với nhau mất! Cuối cùng ông quyết định dành cho bọn trẻ món quà Giáng sinh đặc biệt, món quà mà ai cũng vui, bọn trẻ chẳng phải tranh giành nhau!

“Các con, 1, 2, 3... Tất cả các con tập hợp!” Sau khi về đến nhà Yaruo gọi bọn trẻ lại, “Các con biết không, Hôm nay là lễ Nô-en đấy! Đây là một

ngày lễ lớn. Tối nay tất cả chúng ta không phải làm việc nữa! Chúng ta được nghỉ ngơi, vui chơi thoải mái!”

Bọn trẻ nhao lên, reo hò ầm ĩ.

“Này các con, đừng ồn ào nữa. Hôm nay cha sẽ dạy cho các con một bài hát cực hay. Đó là quà Giáng sinh mà cha dành tặng cho các con đấy!”

Bọn trẻ hò reo thích thú, chen nhau đến trước mặt cha, có đưa ng ửi vào lòng, có đưa bá cổ cha. Yaruo xếp bảy đứa trẻ thành hàng từ thấp đến cao như một dãy nốt nhạc. Với hai đứa nhỏ nhất, ông ôm một đứa vào lòng, một đứa ông cho ng ửi lên gối.

“Các con im lặng nào. Bây giờ các con cùng hát với cha nhé!”

Yaruo nói xong, với vẻ thành kính trang nghiêm, ông cất lên tiếng hát, bài hát cổ xưa và đẹp đẽ: “Chúc mừng ngày sinh Chúa Cứu thế!”

Tất cả bọn trẻ, bất kể là trai hay gái đều nhanh chóng nắm vững giai điệu bài hát. Đương nhiên lúc đầu chúng hát còn chệch choạc, sai lạc về giai điệu nhịp phách, nhưng cuối cùng bọn trẻ cũng thuộc được bài hát. Trong cái đêm khó quên ấy, chín tiểu thiên sứ đáng yêu đó đã hợp thành một dàn đồng ca tuyệt vời, vui vẻ và đầy xúc động!

Nghe tiếng hát hồn nhiên của bọn trẻ, ai mà không vui? Với ông chủ của dãy phòng trên lầu nơi Yaruo ở, tình hình hoàn toàn khác. Đây là một người giàu có, một mình ở cả chín gian phòng! Ông ta ng ửi chơi thư giãn ở phòng số 1, phòng số 2 là phòng ngủ, nơi hút thuốc là phòng số 3, phòng số 4 là phòng ăn... Có là quý sứ mới biết các phòng còn lại lão dùng làm gì!

Lúc này lão nhà giàu đang ng ửi chơi tại phòng số 1. Lão nghĩ, có sao ta ăn uống chẳng thấy ngon? Báo chí dạo này sao chẳng có tin tức gì thú vị cả? Còn nhà cửa? Ngay như ngôi nhà đầy đủ tiện nghi và rộng rãi như thế này, sao ta cứ thấy tù túng, ngột ngạt?

Trong khi đó, ngay phía dưới, từ căn phòng của ông thợ giày Yaruo vang lên tiếng hát, lúc đầu còn nhỏ và không đều, về sau lớn dần, lớn dần, rập ràng và sôi động đập vào tai lão nhà giàu.

Lúc đầu lão nhà giàu mặc kệ, nghĩ là sẽ nhanh chóng kết thúc. Khi tiếng hát cất lên đến lần thứ mười, lão không sao chịu nổi bèn xuống lầu tìm đến nhà ông thợ giày.

Khi lão nhà giàu bước vào cửa, tiếng hát trong phòng cũng vừa dừng lại. Yaruo cung kính đứng lên từ chiếc ghế đầu ba chân, đi tới trước mặt lão nhà giàu.

- Người là Yaruo, thợ đóng giày phải không?

- Dạ vâng, thưa quý ông. Tôi xin nghe quý ông đây. Quý ông muốn đóng một đôi giày đẹp phải không ạ?

- Ta không đến đây vì chuyện đó. Ôi, người có đồng con nhỉ?

- Vâng ạ, thưa quý ông tôn kính. Lít nhít thế này. Lúc ăn cũng lắm miệng ăn đấy ạ.

- Lúc ca hát, lắm miệng hát cũng to! Nghe này Yaruo, ta đem vận may đến cho người đây. Người hãy cho ta một đứa trẻ, nó sẽ là con ta, ta nuôi dạy nó, sau này trở thành một người giàu có, nó sẽ giúp đỡ cho các anh chị em nó.

Yaruo vừa vui mừng vừa kinh ngạc trở mắt nhìn lão nhà giàu. Một đứa con của ông sẽ là người giàu có? Thật là vận may hiếm có!

Ai mà không vui mừng chứ? Sao lại từ chối? Cho, đương nhiên là cho rồi!

- Thế thì tốt. Hãy giúp ta chọn lấy một đứa - Lão nhà giàu nói - Rồi ta sẽ đưa nó đi khỏi đây.

Yaruo bắt đầu chọn. Ông lẩm nhẩm: “Đây là Xiaoshan. Không, Ta không muốn cho nó cho người khác! Nó học tốt lắm, lớn lên sẽ thành mục sư. Đứa thứ hai, là nữ. Lão nhà giàu không cần con gái. Fleilun đã có thể giúp cha làm việc được rồi, thiếu nó là không xong! Còn Yaruoshanka đã được làm lễ rửa tội, đương nhiên là không thể giao nó cho ai được. Xiaolongsha rất giống mẹ, nhìn thấy nó chẳng khác nào nhìn thấy vợ mình, Yaruo sao có thể để nó từ nay mất dạng tại căn nhà này được? Đứa tiếp theo lại là con gái, khỏi cần phải nghĩ ngợi gì. Bây giờ đến lượt Bolika. Nó là đứa bé mà mẹ nó lúc sinh thời yêu quý nhất, nếu giao nó cho người khác, người đàn bà đáng thương kia ở nơi chín tuổi sao có thể yên lòng? Hai đứa còn lại thì nhỏ quá, liệu lão nhà giàu có chịu nuôi nó?”

Yaruo đếm hết mấy đứa con từ lớn đến nhỏ, không chọn được đứa nào. Ông lại bắt đầu đếm ngược từ nhỏ tới lớn, kết quả vẫn như cũ! Ông bất lực trong việc này! Cả chín đứa đều là những báu vật rất đáng yêu của ông!

Ông chọn phương án khác:

“Này các con! Các con hãy tự quyết định lấy. Ai muốn rời khỏi đây, muốn đi theo quý ông tôn kính đây, muốn ở nhà lâu, muốn ng ồi xe đẹp? Các con nói mau đi. Ai muốn đi thì đứng lên.” - Yaruo nhìn khắp lượt bọn trẻ, hỏi.

Khi ông thợ giày đáng thương nói ra những lời ấy, cơ h ồ như ông đã khóc. Trước sự cảm dỗ đó, bọn trẻ ngược lại rất sợ hãi. Chúng chen nhau nấp sau lưng cha, níu kéo tay người cha tội nghiệp, lấm lét nhìn lão nhà giàu.

“Không được r ồi, thưa quý ông tôn kính! Không được đâu ạ! Quý ông có thể lấy hết những gì tôi có, nhưng tôi không thể trao cho quý ông bất cứ một đứa con nào của tôi. Thượng Đế đã ban tặng chúng cho chúng tôi mà!” - Ông Yaruo lau nước mắt, quả quyết nói.

Lão nhà giàu chẳng biết phải làm sao, bèn ra giá với ông thợ giày:

“Thôi được. Nếu người cấm không cho bọn trẻ hát nữa, bù lại ta sẽ cho người 1.000 forint!”.

1.000 forint, Yaruo có nằm mơ cũng không dám nghĩ tới! Mà lúc này nó đã nằm gọn trong tay ông.

Lão nhà giàu trở v ề nhà sống tiếp những ngày bu ồn chán, vô vị. Yaruo cẩn thận cất 1.000 đ ồng forint vào hòm gỗ, khóa lại, bỏ chìa khóa vào túi áo mặc trên người. Và, ông im lặng. Bọn trẻ cũng im lặng như cha chúng. Một không khí im ắng nặng nề bao trùm khắp căn phòng - Chúng không còn được hát hò thỏa thích nữa!

Bọn trẻ câm lặng ng ồi trên băng ghế, lặng lẽ nhìn cha, còn Yaruo thì lặng lẽ đi đi lại lại trong phòng. Đứa bé giống mẹ nhất đến cạnh cha, nũng nịu đòi ông dạy tiếp bài hát bởi nó quên mất lời r ồi. Yaruo thô bạo đẩy đứa bé ra, gằn giọng: “Không được phép hát nữa, hiểu chưa?”

Người thợ giày thở hắt ra, ng ồi phịch xuống ghế, chăm chăm khâu giày. Ông cắt, gọt, khâu... và bất giác khe khẽ hát bài “Chúc mừng ngày sinh Chúa Cứu thế!” Ông giật mình, tự v ả vào m ồm, đoạn, bất ngờ đứng dậy đá chiếc ghế sang một bên, mở hòm lấy 1.000 forint, chạy thẳng lên nhà lão nhà giàu.

“Thưa quý ông tôn kính, xin quý ông lấy lại số ti ền này để cho lũ con tôi được ca hát như trước! Chỉ cần chúng tôi vui vẻ là đủ!” Nói xong,

Yaruo đổi 1.000 forint lên bàn, quay người đi về nhà. Ông ôm hôn các con và ngẩng vào giữa bọn trẻ. Trong phòng lại vang lên bài ca “Chúc mừng ngày sinh Chúa Cứu thế”. Tiếng hát phát ra từ những tâm hồn trong sáng, hồn nhiên thật đáng yêu. Họ hát mãi, hát mãi! Tiếng hát vang xa...

Vào thời khắc đó, lão nhà giàu đang một mình lững thững đi lại trong gian phòng số 9. Lão suy nghĩ và vô cùng kinh ngạc không hiểu tại sao trên thế gian này lại có người tìm thấy một niềm vui khác ngoài tiền bạc?

KẾT CỤC BẤT NGỜ

Boyeshu (Rumani)

Tại một khu phố nọ ở New York, tên trộm leo lên sân thượng một tòa nhà. Cửa đang mở, tên trộm chui vào phòng. Đây là một tòa biệt thự đẹp đẽ và sang trọng. Tên trộm cuống quýt lục tung các học tủ. Vừa đúng lúc gã mở tủ bảo hiểm, đèn điện trong phòng bỗng sáng lên, một người đàn ông khoảng 60 tuổi, cao to vạm vỡ đứng ngay trước mặt. Người đàn ông đội mũ bê-rê, quàng chiếc khăn hình bướm. Dù trông ông ta có vẻ đang hoảng, danh giá nhưng trên tay lại lăm lăm khẩu súng giảm thanh tự động.

Người đàn ông đội mũ bê-rê nói:

- Giơ tay lên! Nếu không ta bắn!

Tên trộm non choẹt, mặt xanh như tàu lá, run lẩy bẩy, nài nỉ:

- Thưa ông! Xin ông đừng bắn! Con van ông đấy! Con hoàn toàn không có ý định vào đây để ăn trộm tiền bạc hay đồ trang sức quý giá gì đâu. Đã ba ngày nay con chẳng có hạt cơm nào. Hơn nữa, cả ba tháng nay con cũng không có việc làm. Con đói quá, chỉ muốn tìm trong tủ lạnh chút gì để ăn thôi ạ, nhưng con lại nhầm giữa tủ lạnh với tủ bảo hiểm, thưa ông.

- Vấn đề không phải là muốn lấy trộm thứ gì - Người đàn ông đội mũ bê-rê nói - Đi đâu chủ yếu là, ta đợi mày đã quá lâu rồi. Ta biết tối nay sẽ có người đến đây ăn trộm. Ha ha ha! Do đó ta mới cố ý không đóng cửa. Ta tưởng mày cũng phát hiện được là cửa mở chứ?

- Vâng ạ. Con nhận ra ngay mà. Con vừa mừng vừa lo ngại sao lại có chuyện ấy - Tên trộm nói.

Người đàn ông hạ lệnh lần nữa:

- Tiếp tục giơ tay lên! Tiến về phía trước. Hãy dùng chân mở cửa phòng đó đi. Mà này, mày có mang theo súng không?

- Dạ không ạ.

- Nếu vậy thì cứ dùng tay mà mở cửa ra.

Tên trộm mở cửa, chột sững người kinh ngạc: Căn phòng được trang hoàng rực rỡ như một phòng cưới. Một cô gái xấu đui xấu điếc, mắt lé, lưng gù, chân vòng kiềng với bộ váy áo cưới lộng lẫy đứng im giữa phòng như phỗng. Bên cạnh cô ta là một chàng trai mặc lễ phục dạ hội, đeo băng hình quốc kỳ có tua vàng hai bên.

Người đàn ông đội mũ bê-rê tiếp tục ra lệnh:

- Bước vào, đứng cạnh cô gái kia!

Tên trộm ngoan ngoãn làm theo và rụt rè hỏi cô gái:

- Hôn tay cô chứ, tiểu thư?

Cô gái ngoác mồm cười rất ngây ngô rồi nói “Cám ơn!”

Người đàn ông đội mũ bê-rê nói với chàng trai mặc lễ phục dạ hội:

- Ngài cảnh sát dân sự, hãy thực thi nghĩa vụ của ngài đi!

Viên cảnh sát dân sự nhìn cô gái, giọng nghiêm trang hỏi:

- Thừa tiểu thư Bulunpi, cô có tự nguyện kết hôn với chàng trai... À, mà cậu tên gì nhỉ?

- Giônrit, thưa ngài - Tên trộm đáp.

Viên cảnh sát dân sự đặng hắng, hỏi lại:

- Tiểu thư Bulunpi, nàng có bằng lòng làm vợ Giônrit không?

Lòng đầy xúc động, vị tân nương lắp bắp nói:

- Đồng... ý, đồng... ý. Em tự... nguyện!

Viên cảnh sát dân sự quay sang tên trộm hỏi:

- Chàng Giônrit trẻ tuổi, cậu có muốn lấy tiểu thư Bulunpi làm vợ?

Giônrit liếc trộm người đàn ông đội mũ bê-rê, khẩu súng tự động trên tay ông ta đang chĩa thẳng vào mình, đành nói:

- Tôi đồng ý, thưa ngài!

Cảnh sát dân sự:

- Bây giờ tôi trình trọng tuyên bố, hôn lễ đã hoàn tất, hai người đã là vợ chồng hợp pháp của nhau. Nhiệt liệt chúc mừng hai bạn! Xin mời hai người ký vào đây.

Tên trộm nói:

- Thừa, tôi không biết chữ ạ.

- Không sao. Ta cũng không biết chữ - Người đàn ông cầm súng nói - Nhưng mỗi ngày ta vẫn ký hàng trăm chi phiếu. Ta chỉ cần vạch hai vạch ngang, sau đó chấm hai chấm lên trên là xong. Nói đoạn, ông ta cười lớn cả một tràng dài muốn đứt cả hơi!

Viên cảnh sát dân sự nói:

- Đây chàng trai, cậu lặn tay vào đây, 30 phần trăm dân số nước Mỹ đều làm thế này cả đấy!

Tên trộm làm theo lời viên cảnh sát!

Người đàn ông đội mũ bê-rê đặt khẩu súng lên bàn, vớ lấy bình uýt - ki tu một hơi dài, hỉ hả nói: “Ta đã chờ đợi cho tới ngày con gái ta lấy chồng mà! Bây giờ hai người hãy hôn nhau đi!”

Cô gái không chờ lâu được nữa, ôm chầm lấy Giônrit hôn tới tấp, khiến anh chàng muốn ngút cả hơi!

Tên trộm, lúc này là Giônrit, nhận ra rằng, trò chơi đã bắt đầu. Gã giận dữ nghĩ: “Quý quái thật! Chỉ trong vòng chưa đầy mười phút, ta đã cưới được vợ! Mẹ kiếp! Bọn nhà giàu này bỏ ổi hết chỗ nói!”

NỬA TRANG GIẤY^[1]

Sitelinbao (Thụy Điển)

Cuối cùng, chiếc xe tải xuất phát. Người khách thuê nhà trẻ tuổi đội chiếc mũ vải bông đen, đi đi lại lại trong phòng, nhìn xem có thứ gì còn bỏ sót. Không, không có gì bỏ sót cả, không có gì. Anh bước ra hành lang, quyết định không bao giờ nghĩ tới những gì mình đã gặp phải tại nơi cư trú này nữa. Nhưng, trên tường, ngay cạnh chiếc máy điện thoại có một trang giấy nhỏ nhiều chữ đã bị gạch xóa. Chữ viết trên trang giấy đó gồm nhiều nét bút khác nhau. Có những chữ rất dễ nhận ra viết bằng mực đen, lại có những dòng viết bằng bút chì đen, bút chì xanh đỏ theo lối chữ thảo. Ở đó ghi lại một cách ngắn gọn toàn bộ những “sự kiện” lãng mạn và đẹp đẽ trong hai năm qua! Tất cả những gì anh muốn quên đi đầu đã được ghi lại - những sự tích nhân sinh trên nửa trang giấy nhỏ.

Anh gỡ lấy trang giấy, mân mê trên tay. Đó là loại giấy được phủ một màu vàng nhạt lóng lánh ánh kim. Anh trải ra, vuốt phẳng tờ giấy trên bề bết, cúi người xuống và bắt đầu đọc nó.

Đầu tiên là tên cô ấy: Aliterny - một cái tên đẹp nhất trong những cái tên mà anh biết, bởi đó là tên của vợ anh. Bên cạnh đó là số điện thoại: 1511^[2] - xem ra nó giống như số thứ tự bài Thánh ca trên bản tên các bài Thánh ca ở giáo đường.

Hàng bên dưới là dòng chữ thảo: tên ngân hàng. Đây là nơi anh làm việc. Đối với anh, ý vị của công việc thần thánh này là gia đình, chỗ ở và bánh mì - những gì cần nhất cho cuộc sống! Có mấy gạch đen đậm nét gạch xóa số điện thoại kia, bởi ngân hàng đã đóng cửa. Sau một thời gian ngắn với bao lo lắng anh đã tìm được nơi làm việc mới.

Tiếp đến là Hiệu hoa tươi và Cơ sở cho thuê xe ngựa, lúc đó hai người đã đính hôn mà anh cũng khá giả, sung túc.

Hàng gia dụng, hàng trang trí nội thất, mỹ phẩm... tất cả đều được chuẩn bị sẵn ở nơi ở mới. Xe tải chuyển bánh, họ di dời tới đó luôn. Nhà

hát kịch ở gần, hồi đó anh chị mới kết hôn, tối chủ nhật thường đi xem ca kịch. Thời gian sống ở đây thật thú vị, hạnh phúc. Họ vẫn thường ôn lại những kỷ niệm đẹp đó.

Tiếp theo là tên một người đàn ông (đã bị gạch xóa), một người bạn được thăng quan tiến chức vùn vụt, nhưng do sự nghiệp quá hưng thịnh nên anh ta hóa điên, không có thuốc gì chữa nổi và... không thể không từ giã cuộc đời! Vinh hoa phú quý suy cho cùng cũng chỉ là những áng phù vân!

Bây giờ, trong cuộc sống của đôi vợ chồng trẻ bắt đầu xuất hiện một nhân vật mới: một người đàn bà mà dấu bút chì ghi lại là “Tu sĩ”. “Tu sĩ” là gì? Là một người mặc áo dài màu xám, dịu dàng, hòa nhã và dễ gần, thường nhẹ nhàng men theo hành lang đi thẳng vào phòng ngủ. Tên của cô ta ghi bên dưới là “bác sĩ L.”

Trên danh sách, một lần nữa xuất hiện một người thân thích - Mẹ. Đây là mẹ vợ của anh. Bà cố ý dành sự tự do thoải mái cho đôi trẻ nên không ở với họ. Còn bây giờ thì... bà đã vui vẻ nhận lời mời của vợ chồng người con rể, bởi hai người đang cần bà.

Sau đó là hạng mục được viết bằng bút chì xanh đỏ: Nơi thuê người ở. Cô đây tớ gái đi rồi, phải tìm người khác. Phòng thuốc - Ôi, tình hình bắt đầu xấu rồi đây. Xưởng sữa bò, nơi đặt mua sữa hàng ngày. Mua hoa, mua hàng tạp hóa... tất cả đều dùng điện thoại xử lý. Vậy, nữ chủ nhân không ở nhà sao? Không. Cô ấy đi sinh.

Hạng mục tiếp theo anh không đọc nổi, bởi, trước mắt anh tất cả đều mờ nhạt như người bị nước cuốn trôi nhìn mọi thứ qua làn nước bạc. Ở đây được ghi bằng mực đen: Người nhận làm thuê.

Trong dấu ngoặc đơn phía dưới ghi: (Việc mai táng). Vậy là đã rõ! Có hai chiếc quan tài, một lớn, một nhỏ.

Chôn cất xong, chẳng còn việc gì nữa. Tất cả đều quy về cát bụi, đây là nơi quy tụ của thể xác con người.

Người khách thuê nhà trẻ tuổi hôn lên trang giấy nhỏ màu vàng nhạt, cẩn thận gấp lại cho vào túi áo ngực.

Chỉ trong vòng hai phút đồng hồ anh đã sống lại quãng đời hai năm. Và bây giờ là lúc bắt đầu cuộc sống mới. Anh ra đi trong lòng thanh thản. Trên khuôn mặt anh lúc này không còn phảng phất nét u buồn thâm

nữa. Anh biết, mình đã từng nếm trải niềm hạnh phúc lớn nhất của con người mà cuộc đời đã ban tặng cho anh. Có không ít người, đáng tiếc thay, ngay một chút hạnh phúc nhỏ nhoi họ cũng không được hưởng!

VẬN MAY

Ya. Aoka (Ba Lan)

Tôi gặp thủ trưởng khi ông vừa từ trong rừng bước ra. Từ xa ông đã gọi tôi:

- Cậu xem, mình đang có thứ gì đây này? Loại nấm này đẹp quá!
- Đúng thế ạ, nấm đẹp thật - Tôi buộc miệng phụ họa.
- Cậu thấy không, kiểu hoa văn này đẹp đấy chứ nhỉ?
- Vâng, đẹp lắm ạ.
- Vậy sao cậu chưa chúc mừng tôi?
- Vâng! Em xin chúc mừng thủ trưởng ạ - Tôi miễn cưỡng nói.

Kỳ thực, tôi biết rõ đây là một loài nấm độc, rất độc. Nhưng làm sao có thể nói ra được khi mà thủ trưởng tôi đang vui như thế chứ? Nói ra thủ trưởng xấu hổ chết. Vả lại, đi đầu này chắc chắn sẽ ảnh hưởng tới việc đề bạt đối với tôi sau này. Vì vậy tôi nói cười giả lả cho xong chuyện. Không ngờ ông ấy lại vỗ vai tôi nói:

- Cậu vẫn chưa đến nhà mình đấy nhỉ? Hôm nay mình mời cậu về nhà mình chơi, nhân thế ta thưởng thức món nấm này nhé!

- Thưa anh, từ nhỏ tới giờ em chưa khi nào ăn nấm, hình như em có máu dị ứng với các loại nấm thì phải - Tôi sợ hãi bèn nói dối cho xong.

- Chưa từng ăn sao biết dị ứng? Cái cậu này thực là... Này, nấm cũng là một loại thuốc tốt đấy - Ông ấy cố thuyết phục tôi - ngay cả người bệnh cũng còn dùng được nữa là... Đi, cậu đi với mình!

- Không được đâu ạ, thưa thủ trưởng. Hôm nay em có một cái hẹn rất quan trọng.

- Vậy là cậu không muốn đến nhà mình chứ gì? - Thủ trưởng nhú mày, hỏi dồn. - Cậu không đến là mình giận đấy!

Tôi đành phải đi theo ông ấy. Tôi ân hận nghĩ, sao ngay từ đầu không nói cho ông ấy biết đây là nấm độc? Bây giờ thì không thể nói được nữa rồi.

Nói ra không khéo ông ấy lại cho là mình có ý muốn hạ độc ông ấy thì nguy to!

... Đĩa nấm xào sữa chua được bê lên bàn ăn. Thủ trưởng tôi vui như đứa trẻ lên ba, nói cười hỉ hả; còn tôi, tôi gượng cười đau khổ, lặng lẽ nghĩ tới những lời vĩnh biệt với người thân!

- Nấm ngon thế này sao cậu còn chưa động đũa? Cứ tự nhiên đi chứ! - Thủ trưởng vừa hỏi vừa đẩy đĩa nấm đến gần tôi.

- Thật đáng tiếc. Chúng ta chớ nên ăn thì hơn!

- Cậu sao vậy? Có chuyện gì à? Ngay cả nói đùa cũng không biết đường nói - Thủ trưởng lên giọng ra lệnh - Thôi được, để tôi đi kiểm tra xem đây là loại nấm gì?

Ông ta bỏ đi một lát rồi quay lại ngay, mặt mày trắng nhợt, hấp tấp nói:

- Chết thật! Mình sai rồi! Đây là một loài nấm độc, cực độc đấy!

- Nhưng em đã ăn mấy miếng rồi thủ trưởng ơi! - Tôi nói dối để dọa ông chơi.

- Thôi chết, cậu ăn thật rồi hả? Vậy là mình đã hại cậu rồi! Bậy quá! Mình gọi xe cấp cứu ngay đây.

Xe cấp cứu lập tức được đi đầu đến đưa tôi đi bệnh viện súc ruột.

Về sau, thủ trưởng tôi được đề bạt, tôi cũng được thơm lây bởi đã có công... ăn trước món nấm lạ. Bây giờ, thỉnh thoảng tôi vẫn giả vờ nhức đầu chóng mặt... Vì chuyện này tự nhiên tôi có được một người mang ơn, mà đó lại là vị thủ trưởng của tôi! Đó là vận may của tôi vậy, dù tôi chưa được đề bạt bao giờ.

HAI SỰ KIẾN KHÓ QUÊN!

Anton Pavlovich Chekov (Nga)

Một người có những ưu điểm gì mới có thể trở thành tấm gương tốt cho người khác noi theo? Tôi nghĩ, tất cả mọi người đều cho rằng con người đó phải là người chính nghĩa, trung thực, lương thiện, dũng cảm, có ý chí kiên cường và đương nhiên phải là người khiêm tốn.

Chẳng ai muốn mình thành kẻ ba hoa khoác lác, cũng không ai muốn thành người tự cao tự đại, mục hạ vô nhân. Thế nhưng, thói tự cao tự đại, khoe khoang, khoác lác lại luôn tiềm ẩn trong số đông chúng ta, và, chúng sẽ tự bộc lộ ra khi có điều kiện dù là tự giác hay không tự giác!

Tôi đang còn giữ mấy tấm ảnh của chính mình. Trong ảnh, tôi hoàn toàn không có tóc. Một gã trọc đầu! Mỗi lần xem lại những tấm ảnh ấy tôi không khỏi cảm thấy xấu hổ!

Chuyện là thế này: Trước khi cuộc chiến tranh vệ quốc nổ ra khoảng một năm, xưởng phim Moskva quyết định làm một bộ phim về vị nguyên soái nổi tiếng của nước Nga cuối thế kỷ 18 Alechxăngđơ Vasiliêvich Xuvôrôp^[3]. Xuvôrôp là một người có cá tính nôm nóng và rất hiếu động. Tổ đạo diễn đang cố tìm diễn viên có tính cách như thế để đóng vai chính nhưng tìm chưa ra.

Lúc này, một người quen một hôm nói với tôi: “Lẽ nào trong giới điện ảnh nước ta lại không có diễn viên nào có thể thủ vai Xuvôrôp?” Trong óc tôi chợt lóe sáng: “Tại sao tôi lại không nhận vai này? Trước mắt tôi chưa có vai diễn. Đúng, cứ thế đi. Tôi sẽ đóng Xuvôrôp”.

Về phương diện tuổi tác, tôi không thích hợp lắm với vai diễn này. Có đi đâu, chắc chắn là đội ngũ chuyên gia hóa trang sẽ biến tôi thành một Xuvôrôp thực thụ. Cái khó là dáng vẻ và tướng mạo của tôi khác biệt khá xa với vị nguyên soái lừng lẫy đó: Xuvôrôp nhỏ người, khuôn mặt gầy,... còn tôi thì ngược lại, người to khỏe, mặt tròn... Nhưng nói đi thì cũng phải nói lại: Tôi là một diễn viên gạo cội có đủ kinh nghiệm để xử lý vai diễn một cách có hiệu quả nhất! Cân nhắc nhiều đi đâu, cuối cùng tôi quyết định

yêu cầu đoàn làm phim giao cho tôi vai Xuvôrôp. Đoàn làm phim bảo rằng họ đã chọn được diễn viên thích hợp, tuy nhiên, nếu tôi khẳng khái muốn đóng Xuvôrôp thì có thể để tôi thử vai xem sao.

Tôi cần chắc phần thắng trong tay! Bởi lúc bấy giờ, trong giới điện ảnh tôi là một diễn viên nổi tiếng, còn đối thủ của tôi chỉ là một tay mới từ trong bụi nhẩy ra. Vả lại, tôi hy vọng đoàn làm phim nhất định sẽ hết lòng ưu ái cho tôi!

Tôi đến hiệu cắt tóc, cạo trọc đầu. Đầu trọc sẽ dễ hóa trang bằng tóc giả.

Vậy mà cuối cùng tôi không được đóng vai nguyên soái Xuvôrôp! Một đồng nghiệp khác thích hợp hơn tôi: Ngoại hình anh ta gần giống Xuvôrôp, diễn xuất lại khá hơn tôi... Tôi đau khổ tự trách mình đã quá tự tin, quá kiêu ngạo!... Nhưng rồi, tóc trên đầu tôi đã lại dài ra... đó là một quãng thời gian khá dài!

Tôi mãi mãi không sao quên được cái lần thử vai chẳng mấy vẻ vang đó. Về sau, chính đi đầu này đã giúp tôi cẩn thận và khiêm tốn hơn trong mọi việc. Nhưng rồi... Thật đáng ân hận suốt đời! Thời gian trôi đi, tôi lại quên bằng những gì mình đã rút ra được sau thất bại cay đắng dạo nào. Thói kiêu căng tự đại lại một lần nữa ngự trị trong đầu óc tôi. Và, một sự kiện đáng tiếc khác đã xảy ra. Lần này là ở nước ngoài, ở thủ đô Paris hoa lệ của nước Pháp.

Hội điện ảnh Pháp tổ chức một đêm dạ hội chào mừng đoàn làm phim Liên Xô sang thăm và dự Liên hoan Điện ảnh quốc tế tại Paris. Trong buổi dạ hội, điện ảnh Liên Xô trình chiếu bộ phim nổi tiếng “Hoa đá”. Dân Paris kéo tới đông nghịt, không ngớt vỗ tay hoan hô, đứng lên vẫy chào những người làm điện ảnh Liên Xô có mặt tại buổi chiếu. Khi buổi chiếu kết thúc, người xem ứa tới trước mặt chúng tôi, vây quanh chúng tôi, háo hức muốn nhìn tận mắt những đại diện ưu tú của một nền điện ảnh ưu tú thế giới! Dân Paris tỏ ra khá am hiểu nền điện ảnh Xô Việt. Họ nhận ra khá nhiều nhân vật trên nhiều phim của chúng tôi. Và, họ đã nhận ra Taski, một chiến sĩ trẻ cực kỳ dũng cảm do tôi thủ vai!

Những nhiệt bắt tay, thân thiết chào mừng, nói những lời có cánh chúc mừng... chỉ là màn dạo đầu. Tiếp theo, họ tha thiết xin chữ ký của đoàn làm phim, nhất là chữ ký của nhân vật Taski! Lúc này, thật đáng tiếc, trong người tôi chẳng có lấy một tấm ảnh nào, ngay cả danh thiếp cũng không

có, tôi đành ký đại vào bất cứ thứ giấy tờ nào vớ được như tờ giới thiệu chương trình, tấm vé vào cửa, sổ tay cá nhân... chẳng hạn. Bút máy hết mực, lập tức có người đưa bút chì cho tôi. Tôi ký và ký liên tục đến mức mỏi nhừ cả tay. Bút chì gãy mấy lần mà xung quanh vẫn còn nườm nượp những người là người muốn xin chữ ký...

Sáng hôm sau thức dậy trong lòng tôi vẫn lâng lâng một niềm hạnh phúc tuyệt vời!

Sau bữa điểm tâm thịnh soạn và cực kỳ ngon miệng, tôi dạo phố cùng một đống nghiệp nổi tiếng trong đoàn. Ung dung dạo bước trên đường phố Paris hoa lệ, trong tôi lúc này vẫn còn tràn ngập niềm vui khôn tả được kích hoạt từ buổi dạ hội đêm qua. Đúng vào thời khắc đó bỗng dưng tôi nghe có người gọi “Taski! Taski!”

Có chuyện gì thế nhỉ? Ai gọi tôi thế nhỉ? Hay là tôi nhầm? Không, tôi không nhầm! Đúng là có người gọi Taski thật. Mà Taski là tôi chứ còn ai vào đây nữa? Tiếng gọi lại vang lên lần nữa, dường như được kéo dài ra “Ta... ski...! Ta... ski...!”

Trong tích tắc người tôi nóng ran lên và tôi có cảm giác như mình đang trôi bồng bênh trên chín tầng mây! Tuyệt vời! Hết sức tuyệt vời! Vinh dự nào bằng kia chứ! Ở một nơi cách xa tổ quốc như thế lại có người nhận ra tôi, gọi tên tôi một cách đầy ngưỡng mộ... Tôi ý tứ liếc nhìn anh bạn đồng nghiệp cùng đi: Anh ta tự nhiên như không, dường như chẳng nghe thấy gì... “Ồi chà! Ngay cả một người nổi tiếng như anh ta vẫn có lúc ghen ghét đố kỵ! Âu cũng là lẽ thường tình!”, tôi nghĩ. Tôi chẳng trách gì anh ta đâu.

Chàng trai người Pháp trên đường phố vẫn đang vẫy mũ về phía tôi và gọi “Taski! Taski!”. Tôi mỉm cười nhìn anh ta, thân thiết gật đầu chào và bước nhanh tới chỗ anh ta đang đứng. Ông bạn đồng nghiệp của tôi vẫn lạnh lùng đứng nguyên tại chỗ với vẻ ngơ ngàng, nghi hoặc. Tôi vừa bước đi vừa tháo găng tay ra chuẩn bị bắt tay con người hâm mộ tôi mà tôi tình cờ được gặp! Khi còn cách anh ta khoảng 5-6 mét, đột nhiên một chiếc xe con trờ tới chen vào khoảng cách giữa tôi và anh thanh niên người Pháp đó. Chiếc xe dừng lại, cửa xe mở ra, anh thanh niên đội mũ lên đầu, chui vào xe.

Tôi nhìn theo chiếc xe, đứng chết lặng trên đường, ngơ ngác chẳng hiểu làm sao cả. Nhìn vào phía sau chiếc xe vừa lướt đi tôi thấy hai chữ “Taxi”. Nhắm đọc lại lần nữa, tôi chợt ngộ ra rằng, chàng trai người Pháp

kia gọi taxi nhưng tôi đã nhầm tưởng là anh ta gọi tên mình! Thật đáng xấu hổ biết bao!

May mà người chứng kiến sự tẽn tò của tôi, chỉ có một anh bạn đồng nghiệp duy nhất giả vờ như chẳng nhìn thấy chuyện gì đã xảy ra. Sau chuyện khôi hài này, mỗi khi nghĩ lại bao giờ máu trong người tôi cũng dồn hết lên mặt, nóng bừng!

SỨC MẠNH CỦA THIÊN TÀI

Zuoqinke (Nga)

Nữ diễn viên Ruxia đã gặt hái một thành công vang dội khiến mọi người kinh ngạc! Khán phòng vỡ òa bởi tiếng vỗ tay vang lên không ngớt. Khán giả như phát điên! Những người sùng bái ngưỡng mộ nữ diễn viên mang hoa tươi lao thẳng lên sân khấu, gào to “Ruxia - Ru - xi-a!”

Một gã đàn ông sùng bái Ruxia nhanh trí len qua dàn nhạc, ngăn chặn những kẻ quá cu ồng nhiệt lại, lao vào phòng hậu đài dù trên cánh cửa ghi dòng chữ “Không phận sự, miễn vào!” và mất hút trong đó.

Ruxia lúc này đang ng ỡ trong phòng hóa trang, hứng chí nghĩ “Chao ôi, đây chẳng phải là kỳ vọng từng ấp ủ bấy nay của ta sao? Tuyệt vời! Thành công tuyệt vời! Chính thiên tài của ta đã làm rung động trái tim bao người và khiến cho họ trở thành những con người cao thượng!..”

Ngay lúc đó có tiếng gõ cửa.

- Ai đấy? Vào đi! - Ruxia đồng dặc nói.

Một người đàn ông lao vút vào phòng, đấy chính là gã đàn ông cực kỳ ngưỡng mộ Ruxia. Động tác của gã rất nhanh nhẹn, nữ diễn viên thậm chí còn chưa kịp nhìn rõ mặt anh ta! Gã cuống cu ồng quỳ mọp xuống cạnh chân Ruxia, lầm bầm: “Tôi yêu... Tôi bái phục...” Vừa nói gã vừa chộp lấy chiếc giày da, hôn lấy hôn để.

- Xin lỗi! - Nữ diễn viên nói - Không phải giày của tôi đâu, thật đáng tiếc! Nó là của bà lão đóng vai hề.. Đây mới là giày của tôi.

Gã đàn ông lao tới ôm chặt chiếc giày da của Ruxia, thỏn thức “Còn chiếc nữa...” - Gã vừa bò trên sàn nhà vừa nhắc lại bằng chất giọng khàn khàn - “Còn chiếc nữa đâu ạ?”

“Trời ơi! Sao có người cu ồng nhiệt đến thế chứ? Vậy là anh ta yêu quý mình biết mấy!” Ruxia vừa nghĩ vừa đưa mắt nhìn anh ta trìu mến, đ ồng thời đẩy chiếc giày còn lại cho anh ta, rụt rè nói:

- Còn đây là... chiếc thắt lưng của tôi...

Gã đàn ông ngưỡng mộ Ruxia chớp lấy hai báu vật mà cô diễn viên vừa trao cho, vô cùng trân trọng áp sát vào lồng ngực.

Ruxia dáng vẻ đắc thắng và tự tin ngẩng mặt ng ưỡn trên chiếc ghế có tay vịn, nghĩ: “Ôi! Sức mạnh của thiên tài thật là kỳ diệu. Nó làm cho con người ta không thể kiềm chế nổi tình cảm của mình! Ôi! Lại có bao nhiêu người ngưỡng mộ ta xông vào hậu đài kia kìa! Chắc lại có người hôn giày của ta thôi! Tuyệt quá! Tuyệt quá!”

Càng nghĩ Ruxia càng bị kích động, đôi mắt lim dim nhắm lại, tận hưởng niềm hạnh phúc ngọt ngào đang lan tỏa khắp cơ thể.

“Ruxia đâu? Ra vai thôi chứ!” Tiếng đạo diễn bỗng vang lên gắt gỏng.

Nữ diễn viên Ruxia chợt tỉnh mộng. Gã sùng bái và đôi giày da mới toanh đã không cánh mà bay.

Sau đó, mọi người biết thêm rằng, ngoài đôi giày và chiếc thắt lưng ra, trong phòng hóa trang còn mất cả hộp mỹ phẩm và một bộ tóc giả. Đôi giày của bà lão đóng vai hề cũng chỉ còn một chiếc, nó nằm dưới chiếc ghế có tay vịn Ruxia ng ưỡn, gã đàn ông ngưỡng mộ đã không tìm thấy nó!

KALIUSA

Maxim Gorki (Nga)

“Ông ạ, chuyện là thế này, bố cháu do chiếm dụng công quỹ nên bị ở tù nửa năm. Trong thời gian ấy, gia đình chúng tôi đã tiêu hết sạch số tiền dành dụm được bấy lâu nay. Thực ra, số tiền đó cũng chẳng nhiều nhận gì. Khi chúng tôi đi tù, tôi phải dùng rễ cây rau đắng làm củi đun. Một người trồng rau tốt bụng cho tôi hẳn một xe rễ không dùng đến, tôi đem nó phơi khô rồi trộn với phân bò làm chất đốt. Khói của nó xông lên thật khó chịu, các thứ thức ăn thức uống đun nấu xong cũng có mùi khó chịu. Đạo đó Kaliusa đang đi học. Cháu là một thằng bé rất linh hoạt và cũng đã biết tiết kiệm. Trên đường đi học về, cháu thường nhặt nhạnh những mẫu gỗ vụn, những cành củi nhỏ đem về cho mẹ. Thế rồi mùa xuân đến, tuyết rơi đầy trời đầy đất... mà cháu vẫn chỉ có mỗi một đôi giày vải. Giày cháu lúc nào cũng ướt sũng. Cháu cởi ra, đôi bàn chân nhỏ bé của cháu đỏ bầm... Đạo đó người ta thả bố cháu ra, thuê xe ngựa đưa ông ấy về nhà. Ông ấy bị bệnh nặng trong tù. Ông nằm đó đau khổ nhìn vợ con, cười buồn héo hắt. Tôi đứng cạnh giường nhìn ông, xót xa tự hỏi: “Sao tôi lại phải nuôi báo cô ông ấy, nuôi một kẻ hại người như vậy chứ? Hay là... bỏ ông ấy vào một hồ nước nào đó cho xong?” Nhưng Kaliusa không chịu, cháu khóc lóc thảm thiết. Cháu nhìn bố bằng ánh mắt yêu thương, nước mắt ràn rụa trên khuôn mặt trắng nhợt. Cháu hỏi: “Mẹ ơi, bố thế nào rồi mẹ?”. Tôi đáp: “Ông ấy đã thành người vô dụng rồi!”. Đúng vậy. Từ hôm đó trở đi, ông ấy sống lay lắt qua ngày.... Có lúc bức bối quá, tôi nói: “Cuộc sống thật tồi tệ, chẳng đáng sống chút nào! Giá như có thể vứt đi tất cả...”. Tôi muốn ám chỉ cả hai bố con Kaliusa... Bố cháu gật đầu, dường như muốn nói: “Tôi sắp chết rồi, đừng chửi rửa tôi nữa! Hãy biết chịu đựng một chút!...”. Kaliusa nhìn tôi đầy vẻ trách móc rồi bỏ đi. Cho đến lúc tôi tỉnh trí lại thì đã quá muộn. Đúng là quá muộn thật! Bởi vì, sau khi Kaliusa bỏ đi chưa đầy một tiếng đồng hồ, một nhân viên cảnh sát đi xe ngựa tới nhà tôi. Ông ta hỏi: “Bà có phải là Tania?”. Tôi đoán là đã có việc gì không hay xảy ra.

Viên cảnh sát nói: “Mời bà đến bệnh viện ngay cho! Con trai bà đã bị xe ngựa của một thương gia cán phải”. Tôi lập tức theo xe của họ đến bệnh viện. Trên xe, tôi như ng ồi trên đồng lửa. Tôi tự nguyện rửa mình, “Mày là một mụ đàn bà khốn kiếp!”.

Chúng tôi đến bệnh viện. Kaliusa đang ở đó, toàn thân được băng kín. Cháu nhìn tôi mỉm cười... và nước mắt lã chã trào ra. Cháu nói nhỏ với tôi: “Mẹ ời! Mẹ hãy tha thứ cho con! Ti ền ở chỗ ngài cảnh sát đấy.” Tôi nói: “Kaliusa à, Thượng đế phù hộ cho con! Con nói ti ền gì thế?”. Cháu bảo, “người trên phố cho con... và ti ền của ông thương gia đi xe ngựa nữa...”. Tôi hỏi: “Tại sao họ cho con ti ền?”, cháu đáp: “Là bởi vì...” cháu rên lên khe khẽ, mắt cháu mở thật to... Tôi nói: “Con không nhìn thấy chiếc xe ngựa đang chạy tới à?” Ông có biết cháu nói sao không? Cháu nói: “Con thấy chớ... nhưng con không tránh. Con nghĩ... nếu con bị thương, họ sẽ cho con ti ền. Quả là họ đã cho con ti ền thật mà mẹ!”. Vậy là đã rõ. Tôi hiểu rõ tâm tư của cháu. Kaliusa là thiên sứ của tôi, nhưng mọi chuyện đã quá muộn màng! Sáng hôm sau cháu trút hơi thở cuối cùng! Trước khi chết cháu rất tỉnh táo. Cháu nhắc tôi phải mua cho bố thứ này thứ kia, và mua cả cho tôi nữa... làm như cháu có nhiều ti ền lắm vậy. Cả thấy chỉ có 47 rúp. Tôi đến nhà ông thương gia nọ, ông ta chỉ đưa cho tôi 5 rúp. Lão còn chửi tôi và bảo: “Mọi người đều thấy rất rõ là thằng bé tự đưa chân mình vào dưới bánh xe, cô còn đến đòi ti ền tôi sao?”. Về sau tôi không thềm đến đó nữa. Ông à, chuyện của tôi chỉ có như vậy thôi, thưa ông!”.

Người đàn bà dừng lời và cười ngây ngô như lúc nãy.

Khu nghĩa địa vắng vẻ và hoang lạnh. Bầu trời u ám đượm buồn, cỏ dại mọc um tùm giữa những hàng thánh giá trên từng ngôi mộ thiếu bàn tay chăm chút của người thân... tất cả khiến cho tôi nghĩ tới nỗi thống khổ của những con người không muốn sống nữa!

Tôi rút trong túi ra một ít ti ền trao cho người đàn bà đang sống khắc khoải và muốn tìm đến cái chết bởi cuộc sống bất hạnh mà bà gánh chịu. Người đàn bà gật gật đầu, ch ầm ch ậm nói với tôi: “Thưa ông, tôi không dám phi ền ông nữa. Hôm nay tôi đủ r ồi... Tôi thực sự không cần gì nhiều, bây giờ tôi chỉ còn có một mình... cô đơn quanh quẽ trên cõi đời này mà thôi...”. Bà thở dài n ào nuột và cắn chặt làn môi tím tái cứ run run mãi...

CẬU KHÔNG TIN TÔI

Ge.Gelin (Nga)

Taxi đưa tôi đến trước một tòa nhà cao tầng.

- Anh tài này - Tôi nói với tay lái xe - cậu đừng tính tiền vội, tôi vào công ty một lát rồi trở lại ngay, ta đi tiếp nhé.

Tay lái xe không bằng lòng, nhăn mặt hỏi:

- Ta cứ tính tiền quãng đường này cho xong đi, có tốt hơn không?

- Không, không. Tôi còn đi nữa mà. Trông cậu kia, cậu không tin tôi sao? Cậu nghĩ là tôi chuồn à?

- Tôi chẳng nghĩ gì cả - Tay lái xe nói - Khách đi xe loại nào chẳng có, có người chuồn, có người không...

- O, thế ra, cậu cho tôi là người có thể chuồn à? Thôi được, tôi để lại cái mũ này cho cậu vậy.

- Ông nói sao? - Tay lái xe nổi cáu - Tôi cần mũ của ông làm gì? Tôi tin ông... Ông hãy để cặp tài liệu lại vậy.

- Cái gì? - Đến lượt tôi nổi nóng - Được. Tôi để cặp tài liệu lại đây, chỉ cần cậu để tôi ghi số xe của cậu là được.

- Ông định làm gì vậy? - Tay lái xe nhú mày - Ông không tin tôi chứ gì? Ông nghĩ là tôi lái xe chạy mất sao?

- Tôi chẳng nghĩ gì cả. Tài xế các cậu thì... loại nào mà chả có, có người thích mũ, có người lại thích cặp tài liệu...

- Ông nói sao? Thôi được. Số xe của tôi đây, ông ghi đi: MT-40-20. Nhưng để xem trong cặp tài liệu của ông có gì đã.

- Để chi vậy?

- Để sau này đỡ phiền thôi.

- Thì xem đi, rõ vớ vẩn - Tôi không mấy hài lòng, nói - Trong đó có công văn giấy tờ, vài quyển sách, và cái dao cạo râu chạy pin...

- Dao cạo râu hỏng chưa?

- Sao lại hỏng? Hiện tại nó vẫn chạy tốt.

- Cái gì mà “hiện tại vẫn chạy tốt?” Tôi không có ý dùng thử ngay lúc này đâu.

- Ai mà biết được? - Tôi cười mỉa - Râu ria của cậu thế kia... Mà mặt cậu hơi bị phù đầy nhỉ, mắt màu nhạt, có cái nốt ru ồi nơi má trái...

- Ông đề ý đến cả diện mạo của tôi đấy à? - Tay lái xe tức giận hỏi - Được lắm! Tôi cũng không quên bản mặt của ông đâu! Mắt tròn, mũi gãy, hai tai lệch, hàm trên bên trái có chiếc răng giả...

- Được! Sự thể đã đến nước này tôi cũng nói trắng ra cho cậu biết: Chứng minh thư, giấy thông hành, Giấy kết hôn của tôi đây, cần lấy! Nên biết là, có lúc cậu sẽ bị cảnh sát sờ gáy đấy! Cậu sẽ trả lời họ thế nào khi trong người có cả đồng giấy tờ mang tên tôi? Thế giấy tờ của cậu đâu?

- Đây. Giấy phép lái xe, thẻ công đoàn... - tay lái xe nói.

- Không có sổ hộ khẩu chứ gì? - Tôi hỏi.

- Không.

- Chẳng sao. Tôi cam đoan với cậu thế nào cũng có lúc cảnh sát hỏi đến cậu!

- Thế nào chẳng có lúc ông cũng bị họ phát giấy gọi!

- Nếu xảy ra chuyện, cậu phạm vào đi ều 144 bộ luật dân sự đấy!

- Còn ông thì phạm vào đi ều 147. - Gã đập lại.

Chúng tôi trừng trừng nhìn nhau.

- Nghe tôi nói này - Tôi bỗng nhiên hạ giọng - Cậu không thấy xấu hổ à?

- Còn ông?

- Tôi cho là cả hai chúng ta đều thấy xấu hổ! - Tôi nói.

- Tôi cũng vậy - Gã cúi mặt nói nhỏ - Thôi, ông lấy lại giấy tờ của ông đi.

- Cậu cũng lấy lại đi.

- Đây, ông lấy lại cặp tài liệu này đi.

- Cám ơn. Mà tôi cũng quên số xe của cậu rồi.

- Chúng ta cùng quên mọi chuyện vừa xảy ra nhé! - Tay lái xe nói.

R ồi chúng tôi thân mật vỗ vai nhau.

- Mà này, làm sao tôi lại có thể nghĩ xấu về cậu được nhỉ? Gương mặt của cậu có cái gì đó khiến cho người ta thích đấy, đôi mắt màu tro, má trái có cái nốt ruồi rất duyên.

- Ông cũng đẹp lão mà! Mắt to, tai đẹp, chỉ cần chú ý bảo vệ răng...

- Tôi đi đây. Tôi sẽ trở lại ngay. - Tôi nói.

- Vâng, ông đi đi. Không có ông tôi cũng thấy buồn.

Chúng tôi cười với nhau. Đoạn tôi xuống xe.

Vừa bước xuống khỏi xe, tôi phát hiện ra giấy thông hành của tôi đã bị tay lái xe giữ lại.

“Đồ ma mãnh!” Tôi nghĩ, vậy ra gã vẫn đề phòng tôi bỏ đi... Không sao, gã cũng có lái xe bỏ chạy được đâu cơ chứ! Tôi đã kịp chộp thùng lớp xe sau của gã...

VIÊN CẢNH SÁT TRƯỞNG LIÊM CHÍNH

Yaowannisi (Italia)

- Này Pilani, quả thật là tôi không dám tin vì sao ông lại định giúp tôi chuyện này? - Nghe ý kiến đề xuất của tên tội phạm khét tiếng Pilani, cảnh sát trưởng Rapelli không khỏi thắc mắc hỏi.

Cả hai đầu đã đến tuổi nghỉ ngơi. Dấu vết tuổi tác lưu lại khá rõ trên gương mặt của Rapelli; ngược lại sắc mặt của tên cướp chuyên nghiệp Pilani thì vẫn hồng hào, tươi nhuận, ánh mắt vẫn sắc sảo, giảo hoạt, đầy tự tin. Hắn cảm thấy con người lâu nay luôn truy tìm hắn mà không gặp may đang đứng trước mặt mình thật đáng thương, và thế là hắn quyết định trước khi “rửa tay gác kiếm”, phải giúp Rapelli một chuyến!

- Thưa ông cảnh sát trưởng Rapelli, tuổi tác của chúng ta không còn trẻ nữa. Tôi tuyệt đối không trêu đùa gì ông đâu. Tôi sẽ nói rõ với ông về thời gian, địa điểm và những tình huống cụ thể. Đúng vào lúc đó ông cho thuộc cấp đến ngay chỗ hẹn là bắt được tôi ngay. Ông sẽ được toại nguyện. Đối với ông đó là một chiến công lớn, và con đường công danh của ông chắc chắn được thăng cấp. Về sau ông chỉ cần giúp tôi vượt ngục là được. Mọi chuyện sau đó tôi tự lo tất. Ông yên tâm đi, tôi có một nơi trú ẩn tuyệt đối an toàn!

- Nhưng tại sao ông lại muốn giúp tôi như vậy? - Cảnh sát trưởng Rapelli ngỡ ngàng hỏi lại một lần nữa.

- Đơn giản thôi. Tôi sẽ định cư tại một hòn đảo nhỏ trên Thái Bình dương. Nhưng không phải chỉ một mình. Cùng đi với tôi còn có cả con gái của ông nữa. Tôi rất yêu con gái ông. Ông hãy tưởng tượng xem, trong bối cảnh hiện nay tôi làm sao có thể cầu hôn cô ấy? Và, tôi nhờ ông giúp, vậy thôi!.

Viên cảnh sát trưởng lặng người. Trước mắt, ông phải đưa ra một quyết định rất quan trọng trong cuộc đời mình!

Hai hôm sau Pilani nhận được hồi âm của Rapelli.

Rapeili yêu cầu Interpol ra lệnh truy nã Pilani, dù ông biết chính Pilani có thể tạo dựng cho con gái mình một cuộc sống vương giả.

Kế hoạch tiến hành rất thuận lợi. Tên cầu đầu bọn cướp nhà băng ở Milan đã bị bắt. Chiến công của cảnh sát trưởng Rapelli vang dội khắp cả nước, tên và ảnh ông được các tờ báo lớn đăng tải ngay trang nhất. Ông nhận được một món tiền thưởng hậu hĩnh của Chính phủ...

Lúc này, Pilani đang chịu sự giày vò khổ sở trong tù. Hết ruột chờ Proetti đến thăm. Theo giao hẹn giữa hắn và Rapelli, cô con gái Proetti của viên cảnh sát trưởng sẽ đến thăm và trao kế hoạch vượt ngục cho hắn. Ngày lại ngày qua đi vẫn không thấy tăm hơi cô nàng đâu cả. Xem ra hắn sắp phải hầu tòa rồi, ruột gan Pilani như có lửa đốt.

Thời khắc Pilani trông mọi trông mòn đã tới. Cảnh sát trưởng Rapeili vào nhà tù thăm tên cướp Pilani. Rapelli nhẹ nhàng nói: “Pilani thân mến, tôi vẫn chưa tìm thấy con gái tôi đâu cả. Ông biết đấy, con bé có thể đang sống với tên đứng đầu tập đoàn kinh doanh tiền giả rất lớn tại một nơi nào đó ở Indonesia chẳng hạn... Tay này cách đây hai năm cũng đã hứa với tôi giống hệt như ông vậy!...”

THỜI SỐNG PHÍ HOÀI

Buzhadi (Italia)

Kasila mua được một ngôi biệt thự sang trọng.

Từ đó, mỗi ngày khi đi làm về ông đầu thấy một người lạ từ trong vườn hoa nhà mình vác một chiếc rương đi ra, đặt lên xe kéo, kéo đi.

Lần nào cũng vậy, ông Kasila không sao ngăn kịp người lạ mặt kéo chiếc xe kéo đó. Hôm ấy, ông quyết định về nhà sớm để gặp cho bằng được người lạ mặt kia. Chiếc xe kéo chuyển bánh, Kasila bí mật lái xe từ từ theo sau, cuối cùng chiếc xe kéo dừng lại tại khe núi. Người lạ khuôn chiếc rương xuống khỏi xe, cho vào hốc núi. Ông Kasila bước tới nhìn vào hốc núi, trong đó đã có nhiều chiếc rương như thế, kích thước gần giống nhau. Kasila ngạc nhiên hỏi:

- Tôi vừa thấy anh vác một chiếc rương từ nhà tôi đi ra cho lên xe và kéo về đây. Trong rương có những gì vậy? Tất cả những chiếc rương này dùng làm gì và nó là của ai?

Người lạ mặt nhìn ông Kasila một hồi lâu, cười cười, nói:

- Nhà ông còn có nhiều chiếc rương như thế này cần phải chuyển đi đây, ông không biết sao? Những chiếc rương này chứa đựng những năm tháng sống ổng phí và vô vị của ông đấy, thưa ông.

- Những năm tháng sống ổng phí và vô vị của tôi sao?

- Đúng vậy, thưa ông. Ông bỏ phí bao nhiêu là thời gian, bỏ phí cả tuổi trẻ của ông. Ông đã từng chờ mong những ngày tháng tốt đẹp, nhưng khi nó đến thì ông đã làm gì, ông có nhớ không? Ông chỉ nhìn ngắm nó. Nó hoàn mỹ không hề khiếm khuyết, nhưng gần như ông không hề dùng đến nó. Còn bây giờ thì...

Kasila bước tới, tiện tay mở một chiếc rương.

Trong rương là con đường vào buổi hoàng hôn mùa thu, vị hôn thê của Kasila buồn bã bỏ đi chắc là mãi mãi, vậy mà ông không hề gọi lại. Kasila mở tiếp chiếc rương thứ hai, trong đó là một phòng bệnh nhân, cậu em ruột

của Kasila đang nằm trên giường bệnh đợi người anh đến. Kasila mở tiếp một chiếc rương khác, đó là căn phòng cũ của ông. Con chó trung thành của Kasila nằm trước cửa chờ ông. Nó đã đợi ông hai năm, giờ chỉ còn là nắm xương khô.

Kasila bỗng thấy tim mình nhói buốt. Người lạ mặt nghiêm nghị đứng bên ông như một vị quan tòa.

Kasila nói:

- Thưa ngài, xin ngài hãy cho tôi giữ lại ba chiếc rương này. Hãy cho tôi xin lại ít nhất là ba ngày này, thưa ngài. Tôi van ngài đấy! Tôi có tiền, ngài cần bao nhiêu cũng được.

Người lạ ra hiệu bằng tay ngầm nói rằng lúc này là quá muộn, không còn cách nào trả lại được. Và, đột nhiên người khách lạ cùng với những chiếc rương trong chốc lát vụt tan biến mất!

Hoàng hôn từ từ buông xuống, bóng đêm lặng lẽ trùm lên vạn vật, giống loài...

CHÂU PHI

MUGUIDA

Alan.Patong (Nam Phi)

Trong số sáu trăm trẻ em trai vị thành niên phạm pháp đang sống ở trại giáo dưỡng, số trẻ từ 10 đến 14 tuổi chiếm một phần sáu. Bọn trẻ thực sự có nhu cầu bản năng được yêu thương, chăm sóc. Tôi đã nhiều năm làm việc ở trại giáo dưỡng này nên tôi biết rất rõ đi đầu đó.

Trong số trẻ ở đây, có một cậu bé tên là Muguida, sắp tròn 12 tuổi đến từ Bulamafedin, là một trong những đứa trẻ láu lỉnh nhất. Cậu bé nói, mẹ cậu làm đầy tớ cho nhà người ta, cậu còn có hai em trai và hai chị gái.

Nhưng trong hồ sơ của Muguida lại ghi rõ, cậu là một đứa trẻ mồ côi, lang thang trên phố, không ai thân thích. Cậu bị đuổi từ nhà này sang nhà khác, cuối cùng trở thành kẻ cắp. Thông qua hồ sơ lưu trữ tôi phát hiện ra, Muguida thường viết thư cho một người phụ nữ tên là Phatimaman ở số nhà 48 phố Feilaker, nhưng chưa bao giờ bà Phatimaman này trả lời thư cho cậu.

Cục Phúc lợi xã hội có công văn nêu rõ, đúng là có bà Phatimaman sống ở phố Feilaker, có bốn người con trai nhưng không có ai tên là Muguida. Bà Phatimaman chỉ biết Muguida là một đứa trẻ lang thang trên phố, vậy thôi. Bà chưa bao giờ trả lời thư cho Muguida vì trong thư cậu bé gọi bà là mẹ mà bà không phải là mẹ nó, cũng không muốn nhận nó làm con, bởi bà không muốn gia đình mình mang tiếng xấu vì có một đứa con ăn cắp ăn trộm.

Thực ra, Muguida không hẳn là một đứa trẻ hư hỏng hoàn toàn. Cậu bé có một tố chất thật đáng quý, đó là lòng khát khao cháy bỏng có một mái ấm gia đình! Ở trại cậu bé sống khá tốt, không gì có thể chê trách được. Tôi cảm thấy mình có một nghĩa vụ không thể bỏ qua là tìm mọi cách giúp Muguida hiểu thêm về người đàn bà mà cậu nhận là mẹ, bởi cho tới lúc này cậu biết rất ít về “người mẹ” của mình. Với Muguida, mẹ cậu đẹp lắm, giỏi lắm, nhà cửa sạch sẽ và rất quan tâm đến con cái. Rõ ràng là, Muguida

rất yêu thương người đàn bà ấy nhưng không biết cách mở cánh cửa yêu thương của bà đối với mình để giải tỏa lòng mình khỏi sự cô đơn u ám!

“Cháu có một người mẹ tuyệt vời như thế, vì sao lại đi ăn cắp?” - Một lần tôi đột ngột hỏi Muguida.

Cậu bé sững người, ấp úng không sao trả lời được! Vậy là trò nói dối của cậu đã bị lộ tẩy, những gì cậu nói trước đây không còn tin được nữa. Tuy nhiên, suy cho cùng, những điếu Muguida nói chẳng phương hại gì đến ai, nó chỉ càng chứng tỏ cậu bé có một tâm hồn thật trong sáng, đáng yêu.

Một ngày kia, Muguida ốm nặng, bác sĩ bảo cậu bị lao phổi giai đoạn cuối. Tôi lập tức viết thư báo tin cho bà Phatimaman nhưng bà không trả lời. Vậy là, đối với bà Phatimaman, chuyện này không có liên quan gì tới mình, ngoài mấy lý do như đã biết, còn có một lý do chính yếu, Muguida là dân da đen châu Phi còn bà là người da trắng!

Bệnh lao phổi của Muguida ngày càng trầm trọng, cậu bé sắp ra đi vĩnh viễn! Bác sĩ nói hy vọng sống của cậu bé là rất mong manh. Cố bám víu lấy chút hy vọng còn sót lại, tôi gửi thư và tiền, thuyết phục bà Phatimaman cố đến thăm Muguida dù chỉ một lần trước khi cậu bé từ giã cõi đời này. Những lời lẽ thống thiết trong bức thư tôi gửi cho bà Phatimaman đã khiến cho bà xúc động, và, bỏ qua những lời đàm tiếu về sắc tộc, người đàn bà thần tượng của Muguida đã nhận cậu bé là con trai mình! Từ đó ngày ngày bà tận tình chăm sóc cậu như con đẻ, bà còn kể cho cậu nghe về bốn anh em của cậu. Muguida cũng thổ lộ lòng yêu thương đối với bà Phatimaman như là người mẹ thực sự của mình. Khi tôi đến thăm Muguida, cậu tỏ ra vui sướng biết chừng nào!...

Nhưng rồi cậu bé vẫn phải ra đi mãi mãi! Tôi rất ân hận, giá như tôi làm chuyện này sớm hơn, có thể mọi chuyện đã không như thế nữa!

Chúng tôi chôn Muguida trong khuôn viên trại giáo dưỡng của thành phố. Bà Phatimaman trang trọng nói với tôi: “Hãy khắc lên cây thánh giá trên mộ Muguida dòng chữ, cháu là con trai tôi!”

CHÂU MỸ

TRÁI TIM TIẾT LỘ ĐIỀU CƠ MẬT

Edgar Allan Poe (Mỹ)

Đúng! Thần kinh của tôi rất mẫn cảm! Cực kỳ mẫn cảm! Trước đây là như vậy, bây giờ cũng là như vậy; nhưng sao ông cứ bảo là người ta điên? Đã điên thì cảm giác không còn nhạy nữa, tuy nhiên, cảm giác của tôi vẫn không hề trì trệ, ngược lại nó càng nhạy cảm hơn! Đặc biệt là thính giác, nó cực kỳ nhạy bén. Tất cả những tiếng động trong nhân gian tôi đều nghe thấy. Các loại âm thanh của cõi âm đều vọng tới bên tai tôi. Thế mà điên ư? Hãy nghe đây, tất cả những gì tôi nói với ông đều rất chân thành, nghiêm túc.

Tôi không thể nói rõ được ngay từ đầu ý nghĩ ấy đã chui vào đầu óc tôi như thế nào, nhưng hẳn cứ nghĩ tới là nó bám chặt vào tôi suốt cả ngày lẫn đêm, không thể dứt ra được. Đáng tiếc là chẳng có mục đích gì cả. Không có oán hận gì. Tôi yêu ông lão đó. Ông lão chẳng có gì đặc tội với tôi, cũng chẳng hề sỉ nhục tôi. Tôi cũng chưa bao giờ ham muốn vàng bạc châu báu của ông ấy. Đại khái là chỉ vì đôi mắt đã khiến tôi làm điếu mờ ám! Đúng vậy! Ông lão có đôi mắt màu xanh nhợt nhạt với một cái màng mỏng của loài chim ó. Chỉ cần nhìn vào đôi mắt đó là toàn thân tôi sớn cả gai ốc, máu trong người tôi đông cứng lại, vì vậy trong lòng tôi dần dần đưa ra quyết định kết liễu tính mạng của ông lão để vĩnh viễn chẳng bao giờ còn nhìn thấy đôi mắt đáng kinh hãi ấy nữa!

Vậy đó. Vấn đề là ở chỗ ấy. Ông cho là tôi điên. Người điên thì chẳng biết gì cả. Đáng tiếc là ngay từ đầu ông đã không nhìn thấy tôi hành động một cách rất thông minh như thế nào - tôi làm rất tinh tế và chu đáo hết chỗ nói!

Tôi hại chết ông lão trước một ngày lễ. Trong đêm khuya vắng vẻ tôi vặn khóa cửa nhà ông lão, mở ra một cách rất nhẹ nhàng, không hề có chút tiếng động nào. Cửa phòng hé mở vừa đủ để chui lọt đầu vào. Tôi đút chiếc đèn mắt trâu đã được che kín mít không để lọt một tia ánh sáng nhỏ qua khe cửa và rồi chui đầu vào. A, ông cần phải nhìn thấy tôi chui đầu

vào khéo léo đến mức nào, đảm bảo rất tuyệt vời! Tôi chui đầu vào rồi lách từng tí từng tí một, chui hẳn người vào, cố không làm ông lão thức giấc. Tôi nhìn thấy ông lão đang nằm trên giường. A ha! Lẽ nào người điên lại thông minh như thế? Khi vừa lọt hẳn người vào phòng tôi cẩn thận mở hé ánh đèn, vừa hay luồng ánh sáng chiếu đúng vào đôi mắt chim ó của ông lão. Suốt bảy đêm liên như vậy, cứ đúng nửa đêm là tôi lén vào nhà ông lão nhưng lần nào cũng thấy ông lão đang nhắm mắt, nên tôi vẫn chưa hạ thủ, bởi lẽ, đi đâu khiến tôi tức giận không phải là bản thân ông lão mà là đôi mắt “quái dị” của ông. Mỗi buổi sáng khi trời vừa sáng hẳn, tôi bất chấp tất cả, chẳng hề sợ sệt đi vào phòng ngủ của ông lão, mạnh dạn nói chuyện với ông, thân tình, nồng nhiệt gọi tên ông, hỏi ông đêm qua ngủ có ngon không. Vì vậy, ông thấy đấy, nếu ông lão không phải là người đa nghi thì chắc chắn không bao giờ để ý đến phòng một kẻ cứ đúng 12 giờ đêm lại lén vào phòng nhìn trộm ông ta ngủ.

Cho đến đêm thứ tám, tôi lại cẩn thận mở cửa phòng ông lão lần nữa. Đêm hôm đó lần đầu tiên tôi nhận ra bản lĩnh của mình cao cường biết mấy, đầu óc mình thông minh biết mấy. Hãy tưởng tượng xem, tôi đang ở bên ngoài phòng ông ấy, từ từ mở cửa, hành động bí mật và cái mưu ma chước quỷ này ông lão có nằm mơ cũng không nghĩ ra được. Nghĩ đến đó tôi không kìm nén nổi sự thích thú của mình, bật cười ha hả! Và ông lão giật mình thức giấc. Ông nghĩ là tôi bỏ về ư? Không đâu. Ông lão sợ bị cướp, khuôn cửa lá sách đóng im ỉm, trong phòng tối đen, đưa bàn tay ra không nhìn thấy ngón, tôi biết ông lão chẳng thấy gì nên cứ ung dung đẩy cửa vào.

Tôi vừa chui đầu vào, vừa định mở đèn cho sáng, ông lão bỗng nhiên ngẩng bật dậy, kêu lớn: Ai?

Tôi lập tức dừng lại và im thin thít. Cả tiếng đồng hồ tôi đứng im không hề nhúc nhích nhưng ông lão vẫn không chịu nằm xuống. Ông vẫn ngẩng im trên giường lắng tai nghe ngóng. Trong đêm tối tôi nghe rõ những âm thanh kèn kẹt của loài báo tử trùng^[4] phát ra từ bức tường gỗ.

Không lâu sau, bên tai tôi có tiếng rên khe khẽ, tôi biết chỉ có ai đang sợ chết khiếp mới rên như thế. Mỗi khi sợ hãi tới mức hồn xiêu phách lạc, người ta sẽ không ngăn nổi tiếng rên rỉ kiểu này. Nhưng tôi thì lại quá quen. Không biết là bao đêm rồi, cứ đúng nửa đêm, đúng vào lúc xung quanh hoàn toàn im ắng là tôi lại thấy rợn người và trong tâm khảm chợt

văng vẳng những tiếng rên rỉ như thể từ những cánh rừng thâm u vọng lại, càng làm sợ hãi thêm. Như vừa nói, tôi vốn quen với loại tiếng động này. Tôi hiểu tâm tính của ông lão, dù tiếng rên rỉ ấy có vẻ buồn cười nhưng cũng nên cảm thông với ông ấy. Tôi biết khi thoát nghe có tiếng động khẽ, ông lão lật người trên giường, mở mắt trừng trừng nghe ngóng, trong lòng càng sợ hãi hơn, rồi ông lão lại nghĩ, mình chỉ phải cái tội sợ bóng sợ gió! Ông lão ấy tự nhủ: Chẳng qua là gió thổi qua ống khói hay là tiếng chuột chạy thôi mà! Đúng, ông lão cứ đoán già đoán non như vậy để tự trấn tĩnh mình; nhưng ông ấy cũng biết mọi chuyện đều vô ích cả thôi. Bởi lẽ, ngay trước mắt ông Thần chết đang lừng lững tiến đến, càng lúc càng áp sát ông hơn. Chính gã Thần chết không trông rõ mặt mũi ấy khiến cho lòng ông lão càng thêm ảm đạm thê lương, và lão nhận ra có người vào phòng dù không hề trông thấy và nghe thấy gì cả.

Tôi nín thở chờ đợi thật lâu vẫn không nghe thấy ông lão nằm xuống, bèn quyết định mở hé một tia sáng nhỏ, nhỏ xíu, rọi thẳng vào khuôn mặt ông lão. Ông không tưởng tượng được đâu, quả là ma xui quỷ khiến, luồng sáng mở ra chiếu thẳng vào đôi mắt đang mở to kinh hãi của ông lão. Chính đôi mắt tròn tròn kinh hãi ấy càng làm cho tôi nổi giận. Tôi thấy rất rõ đôi mắt là một màng mỏng màu xanh nhợt nhạt thật đáng sợ, nó làm cho tôi kinh hồn bạt vía.

Tôi chẳng đã nói với ông, ông coi tôi là người điên, thực ra tôi chỉ là người thần kinh cực kỳ nhạy cảm đó sao? Như tôi vừa nói, bên tai tôi lập tức vọng đến một thứ âm thanh trầm đục như tiếng bật bông vậy. Thứ âm thanh ấy tôi đã từng nghe. Đó chính là tiếng đập của con tim ông lão. Càng nghe tôi càng bối hóa cứ như là có tiếng trống trận cổ sục, thôi thúc sĩ khí xông lên (!)

Đúng vào lúc đó tôi lại cố nín thở lần nữa, đứng yên bất động, nắm chắc cây đèn trong tay, chiếu thẳng luồng sáng vào đôi mắt loài chim ó của ông lão. Tiếng đập thình thịch của con tim càng đáng sợ hơn.

Từng giây từng giây trôi qua, tiếng tim càng đập nhanh đập mạnh. Ông lão dường như muốn tắt thở! Đã nửa đêm, ngôi nhà cổ lạnh ngắt, thứ tiếng động quái quỷ kia vẫn vang lên dõn dập. Tôi nhìn thấy trái tim đó như sắp nổ tung. Tôi bất giác thấp thỏm lo âu, chỉ sợ người hàng xóm láng giềng nghe thấy! Sốt chết của ông lão đã đến! Tôi “hừm” lên một tiếng, mở tung tấm vải che chắn ngọn đèn, lao thẳng vào phòng như một mũi tên. Ông lão

thăng thoát ớ lên kinh ngạc. Ngay lúc đó tôi đẩy ông lão ngã ngửa ra giường và nằm đè lên người lão.

Mọi chuyện dường như đã xong, tôi cảm thấy hài lòng... Không ngờ trái tim ông lão vẫn tiếp tục đập trở lại. Nhưng không sao, cách một bức tường chẳng ai có thể nghe thấy âm thanh đó. Cuối cùng, tiếng tim đập yếu dần rồi tắt lịm. Ông lão đã chết. Tôi nhìn xác ông lão lần nữa. Đúng là ông lão đã tắt thở. Tôi đưa tay đặt lên ngực ông một hồi lâu, nghe ngóng. Không hề có động tĩnh nhỏ nào. Ánh mắt ông lão cũng không còn giẫy vò tôi nữa.

Ông vẫn cho là tôi điên và không tin vào những gì tôi nói về điệu kẻ giấu kín thi thể của người chết. Đêm khuya, tôi lặng lẽ và khẩn trương hành động. Trước tiên là chặt đầu, sau đó chặt tiếp chân tay. Tôi đào ba cái hố trên nền nhà, cho tất cả vào đó, cẩn thận lấp lại và đặt lên trên một tấm ván gỗ. Mọi việc diễn ra rất khéo léo, không để lại dấu vết phạm tội nào. Một vết máu nhỏ cũng không có.

Mọi việc đã hoàn tất. Lúc bấy giờ là bốn giờ, trời vẫn còn tối mịt. Khi chuông đồng hồ vừa điểm bốn tiếng, bên ngoài bỗng vang lên tiếng gõ cửa gấp gáp. Tôi bình tĩnh xuống lầu ra mở cửa - lúc này có gì đáng sợ đâu? Bên ngoài có ba người bước tới, từ tốn và lịch sự tự giới thiệu là sĩ quan cảnh sát. Họ bảo, người hàng xóm trong đêm nghe tiếng kêu thất thanh, nghi là có án mạng nên đã báo cảnh sát. Họ được lệnh của thượng cấp tới khám xét ngôi nhà.

Tôi mỉm cười đầy tự tin - lúc này có gì đáng sợ nữa chứ? Tôi tiếp ba viên cảnh sát và nói, đêm qua tôi gặp một cơn ác mộng nên hét lên thất thanh đó thôi. Tôi bảo với họ ông lão về quê rồi. Tôi dẫn ba vị khách vừa đến đi loanh quanh quan sát ngôi nhà, bảo họ cứ xem xét đi đâu tra cho thật kỹ vào. Sau đó tôi còn dẫn họ vào phòng ngủ của ông lão, chỉ cho họ xem mọi tư trang của ông lão đâu được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp. Tôi đã có chỗ dựa nên chẳng lo lắng gì, sốt sắng mang mấy chiếc ghế tựa mời họ ngồi nghỉ ngay trong phòng đó, và dương dương tự đắc mang ghế tới ngồi ngay trên chỗ chôn giấu thi thể ông lão.

Ba viên cảnh sát cảm thấy rất hài lòng. Nhưng, chính cử chỉ vừa rồi của tôi lại khiến họ sinh nghi. Dù sao tôi vẫn rất yên tâm. Họ hỏi chuyện gia cảnh, hỏi đến đâu tôi nói đến đó. Nhưng rồi sắc mặt của tôi càng lúc càng trắng bệch ra, chỉ mong sao cho họ mau chóng rút đi. Đau đầu và cảm

thấy trong tai cứ ong ong thật khó chịu. Chẳng biết sao mà ba viên cảnh sát vẫn ng ời đó, tiếp tục nói chuyện. Tiếng ong ong trong tai tôi mỗi lúc một rõ thêm. Tôi chỉ muốn thoát ra khỏi cảm giác đó nên đã luôn m ồm nói và nói; ai ngờ tiếng ong ong vẫn không hề dứt, càng lúc càng mạnh. Cuối cùng thì tôi hiểu ra rằng chuyện này không hề do tôi bị trục trặc về thính giác.

Vẫn tiếp tục lải nhải, sắc mặt tôi trắng bệch ra như tuyết. Thứ âm thanh quái quỷ kia càng vang lên mạnh mẽ, gấp gáp. Tôi phải làm sao đây? Tôi đứng bật dậy, huơ chân múa tay một cách vô thức. Sao ba viên cảnh sát sao vẫn chưa chịu về chứ? Tôi lê những bước chân nặng nề đi lại trong phòng. Bọn họ nhìn như muốn thiêu đốt tôi. Tiếng động quái quỷ kia vẫn vang lên không ngớt, gấp gáp, mạnh mẽ. Trời ạ! Làm sao bây giờ? Tôi g ầm lên nguyền rủa trời đất! Chiếc ghế tựa tôi ng ời bỗng rung lên, dưới tấm ván gỗ vọng lên tiếng va chạm kèn kẹt, nhưng ba viên cảnh sát vẫn cười đùa, nói chuyện phiếm như cũ. Lẽ nào họ không nghe thấy gì? Không, không! Họ nghe thấy rõ ời! Họ nghi ngờ và họ chắc chắn! Chính tiếng cười của họ khiến tôi không thể chịu đựng nổi! Có cảm giác nếu không hét lên thì tôi sẽ chết mất!

- Đ ột ời! - Tôi hét lên nghe đến chói tai - Đứng v ờ vĩnh nữa! Đúng! Ta đã giết ông lão đấy! Đào n ền nhà lên đi! Đấy! Đấy! Trái tim đáng ghét của ông già đang đập đấy!

SAU HAI MƯƠI NĂM

O. Henry (Mỹ)

Tên một đường phố lớn ở New York, viên cảnh sát tuần đêm đi đi lại lại dọc theo tuyến phố. Từng cơn gió lạnh thổi thốc vào mặt anh ta. Đã gần 10 giờ đêm, người đi đường thưa dần, chẳng còn mấy ai.

Trước cửa một hàng quán nhỏ, một người đàn ông đứng dưới ánh đèn đường mờ tối. Mồm ông ta ngậm điều xì gà chưa đốt. Viên cảnh sát chăm chú nhìn vào mặt ông ta, rồi bước tới.

- Ở đây chẳng có chuyện gì xảy ra cả, thưa ngài cảnh sát - Thấy viên cảnh sát tiến về phía mình, người đàn ông liến tiết - Tôi đứng đây đợi một người bạn thôi mà. Đây là cuộc hẹn đã được định ra từ 20 năm trước, thưa ngài. Ngài thấy rất lạ phải không ạ? Đúng vậy! Rất kỳ lạ đấy! Nếu thấy hứng thú, tôi xin kể ngài nghe. Hai mươi năm trước chính tại nơi này có một quán cơm...

- Quán cơm đó đã bị bỏ đi cách đây 5 năm rồi - Viên cảnh sát nói.

Người đàn ông quẹt diêm châm điều xì gà. Nhờ ánh sáng của que diêm vừa lóe lên, viên cảnh sát kịp nhìn thấy sắc mặt nhợt nhạt của người đàn ông, cạnh mắt phải ông ta có một vết sẹo màu trắng.

- Đúng vào buổi tối ngày hôm nay cách đây tròn 20 năm - Người đàn ông nói tiếp - Tôi và Camy William cùng ăn tối trong một quán cơm ở đây. Camy là người bạn thân nhất của tôi. Hai chúng tôi cùng sinh ra và lớn lên tại đây, thành phố New York này đấy. Từ nhỏ chúng tôi đã rất thân nhau như anh em ruột, chẳng mấy lúc rời nhau! Đêm đó, tôi chuẩn bị đi sáng hôm sau lên đường đi miền Tây làm ăn. Trước lúc chia tay, hai chúng tôi hẹn nhau: đúng vào ngày này, giờ này 20 năm sau chúng tôi lại gặp nhau tại đây!

- Thú vị đấy nhỉ! - Viên cảnh sát nói - Sau khi chia tay nhau, ông không nhận được thư từ gì của bạn ông sao?

- Có chứ! Tôi có nhận được thư của anh ta. Có một dạo chúng tôi vẫn thư từ cho nhau luôn. Nhưng sau một vài năm chúng tôi mất liên lạc. Ông biết đấy, miền Tây là một vùng đất rất rộng lớn, mà tôi thì... cứ phải chạy đôn chạy đáo để kiếm sống. Nhưng tôi tin rằng, chỉ cần Camy còn sống, nhất định tôi và anh ấy sẽ gặp lại nhau! Anh ấy là người bạn đáng tin cậy nhất của tôi!

Nói đoạn, người đàn ông lấy trong túi áo ra một chiếc đồng hồ mạ vàng xinh xắn lung linh. Những viên đá quý nạm trên mặt chiếc đồng hồ sáng lên trong bóng tối.

- 9 giờ 57 rồi - Người đàn ông nói - Lần trước chúng tôi chia tay nhau tại quán cơm đúng vào lúc 10 giờ.

- Ông sống ở miền Tây không rồi chứ? - Viên cảnh sát hỏi.

- Đương nhiên rồi! Tình cảnh của Camy chỉ cần bằng một nửa của tôi hiện nay là đã tốt lắm rồi! Ờ... Mà thực ra thì cuộc sống của tôi cũng chẳng dễ dàng gì! Tôi cứ phải chạy đôn chạy đáo khắp nơi...

Lại một cơn gió lạnh thổi dài theo phố. Tiếp đến là sự yên tĩnh. Không ai nói với ai đi đâu gì nữa. Một lát sau, viên cảnh sát nói lời tạm biệt:

- Tôi đi đây - Anh ta nói với người đàn ông vừa gặp - Tôi hy vọng bạn ông sắp đến đấy. Mà này, nếu anh ta không đến đúng giờ, ông có bỏ đi không?

- Không. Tôi sẽ đợi anh ấy thêm nửa tiếng nữa. Nếu Camy vẫn còn sống trên thế gian này, dứt khoát anh ấy sẽ đến đúng giờ. Tôi tin chắc như vậy! Chào ngài cảnh sát.

- Chào ông! - Viên cảnh sát vừa nói vừa rảo bước dọc theo tuyến phố.

Trên đường phố lúc này không còn người qua lại, không gian vắng vẻ hoàn toàn.

Người đàn ông tiếp tục đứng đợi thêm chừng 20 phút thì một người đàn ông cao lớn vạm vỡ xuất hiện, bước nhanh tới chỗ ông ta đang đứng. Anh ta mặc chiếc áo khoác màu đen, dựng cổ áo lên che tai.

- Ông là Uynxon? - Người mới tới hỏi.

- Cậu là Camy William? Camy William phải không? - Người đàn ông gọi thật to, giọng đầy xúc động.

Người đàn ông cao lớn nắm chặt tay ông ta:

- Đúng rồi! Đúng Uynxon đây mà. Mình rất tin là sẽ gặp cậu ở đây - Chép chép - 20 năm không phải là ngắn cậu nhỉ? Quán cơm nơi chúng mình chia tay dạo nọ đã không còn nữa! Nếu nó không bị bỏ đi, chúng mình sẽ lại có một bữa cơm tối tuyệt vời ở đó đấy cậu nhỉ. Uynxon này, cậu sống ở miền Tây dễ chịu chứ? Khá lắm phải không?

- Ờ, tốt. Mình đã mua sắm được tất cả những thứ mình cần. Cậu thay đổi nhiều quá Camy ạ. Tớ không nghĩ là cậu phát tướng, cao to khỏe mạnh như vậy.

- À, sau khi cậu đi vài năm mình cao thêm một chút.

- Cao to hơn trước nhiều!... Cậu sống ở đây không tồi chứ Camy?

- Cũng tạm tạm. Mình làm việc trong một cơ quan chính quyền thành phố, dân văn phòng ấy mà. Đi đi Uynxon, mình tìm một chỗ nào nói chuyện đi.

Trên phố có một cửa hàng lớn. Dù không còn sớm nữa nhưng đèn trong cửa hàng vẫn sáng. Vừa đi đến đó, hai người bất chợt cùng quay lại nhìn thẳng vào mặt nhau.

Đột nhiên người đàn ông đến từ miền Tây đứng khựng lại:

- Cậu không phải là Camy William! - Ông ta nói - Hai mươi năm tuy là một khoảng thời gian dài nhưng nó không đủ để biến đổi diện mạo một con người đến như vậy được! - Trong giọng nói của ông ta lộ rõ vẻ nghi ngờ đối với đối phương.

- Nhưng hai mươi năm lại có thể biến một con người tốt thành một kẻ xấu đấy! - Người đàn ông cao lớn nói - Ông đã bị bắt, Uynxon! Cảnh sát thành phố đã dự đoán, thế nào ông cũng về đây và họ thông báo rằng, họ muốn cùng ông “nói chuyện”. Tốt rồi. Bây giờ, trước khi tới sở cảnh sát, ông hãy xem mảnh giấy này đi đã, của bạn ông gửi cho ông đấy.

Uynxon nhận lấy tờ giấy và đọc. Đôi tay ông ta run lên. Mảnh giấy viết:

“Uynxon! Mình đến chỗ hẹn rất đúng giờ. Khi cậu quẹt diêm đốt thuốc, mình nhận ra ngay cậu đúng là Uynxon, người mà cảnh sát thành phố đang phát lệnh truy nã! Chẳng biết phải làm sao nữa, mình không thể đành lòng tự tay bắt cậu nên phải nhờ một cảnh sát thường phục trực tiếp thực thi công vụ!”

BÔNG HỒNG HẠNH PHÚC

A.Gedeng (Mỹ)

Mùa xuân năm ấy, cứ tối thứ bảy hàng tuần tôi đều phải mang đến cho chị A.Marta một đóa hoa hồng đỏ. Thứ bảy hàng tuần, dù mưa gió thế nào, cứ đúng tám giờ là tôi mang hoa đi.

Đó là những bông hồng đẹp nhất của cửa hàng hoa. Lần nào tôi cũng thấy ông Leonard dùng giấy bóng xanh và lá dương xỉ buộc lại, cho vào chiếc hộp, đoạn, đem chiếc hộp hẹp mà dài đó đặt vào giỏ xe đạp, mang đến trao tận tay chị Marta.

Trong những ngày này, sau khi tan học vào thứ bảy hàng tuần tôi đều đến cửa hàng hoa của ông Leonard, giúp ông đưa hoa cho chị Marta chỉ với thù lao ba đô-la, nhưng với một đứa trẻ hơn mười tuổi như tôi, số tiền đó đã là nhiều rồi.

Từ lần đầu tiên làm việc này tôi đã cảm thấy đây là một việc làm kỳ lạ. Buổi tối thứ bảy đầu tiên đưa hoa đi tôi nhắc ông Leonard, bởi ông quên không đưa danh thiếp người tặng hoa cho tôi.

Ông Leonard nhìn tôi tinh quái bằng ánh mắt hiên từ, nói, “Không có danh thiếp, cậu nhóc ạ”. Ông chưa bao giờ gọi tôi là Cami. “Mà này, phải hết sức giữ bí mật về người tặng hoa đấy! Vì vậy, cậu không cần khai tên, rõ chưa?”

Có người tặng hoa cho chị Marta, tôi rất vui. Bởi vì mọi người ở đây đều yêu mến chị ấy. Người sống trong cái thành phố nhỏ của chúng tôi ai cũng biết chị Marta thất tình vì bị một chàng trai bỏ rơi.

Có thể coi như chị Marta đã đính hôn từ nhiều năm nay. Jimmi Simson là một trong những chàng trai trẻ trung và có bản lĩnh nhất thành phố. Marta đã đợi Simson tốt nghiệp Đại học Y, lại đợi anh ta suốt cả thời kỳ anh ta thực tập tại bệnh viện. Tuy nhiên, sau thời gian đó, bác sĩ J. Simson yêu một người con gái trẻ đẹp hơn Marta và kết hôn với cô ấy.

Đó quả thật là một tin xấu. Mẹ tôi nói, tất cả bọn đàn ông đều là súc sinh, phải nện cho Simson một trận. Nhưng cha tôi thì có ý ngược lại, ông nói, mỗi một anh con trai đều có quyền kết hôn với người con gái mà mình yêu và cho là đẹp nhất!

Vợ của J. Simson quả là một phụ nữ rất đẹp, tên là Glenred từ nơi khác đến. Nhiều cô gái ở đây cảm thấy ghen tỵ và luôn tìm cách nói xấu cô ta.

Cuộc hôn nhân giữa J. Simson với Glenred khiến cho chị Marta bị sốc. Suốt nửa năm trời, chị không ra khỏi nhà và không muốn làm gì cả, thậm chí chị cũng không đến Nhà thờ để chơi phong cầan trong những buổi hành lễ nữa.

Chị Marta không già, không xấu tí nào nhưng chị lại cố ý biến mình thành một cô gái già khác thường, khó tính khó nết. Ngay trong đêm đầu tiên khi tôi mang hoa đến cho chị, chị tỏ ra rất thờ ơ, lãnh đạm. Khi tôi trao chiếc hộp dài cho chị, chị ngơ ngác hỏi “cho chị à?”.

Thứ bảy tuần tiếp theo, cũng vào giờ đó tôi lại mang đến cho chị Marta một đóa hồng đỏ thắm. Thứ bảy tuần sau nữa, lại một bông hồng nữa. Đến lần thứ tư, Marta vừa thấy tôi đã mở cửa ngay, tôi biết là chị có ý chờ. Hai má chị đỏ hồng, tóc chị không còn rối tung như những lần trước.

Tôi lại mang đến cho chị đóa hoa hồng thứ năm.

Sáng sớm hôm sau chị Marta đến nhà thờ chơi phong cầan. Tôi nhìn thấy một đóa hồng đỏ tươi cài trên ngực áo chị. Chị ngẩng đầu, uốn ngực bước qua hàng ghế có vợ chồng bác sĩ J. Simson ngồi, không thèm nhìn ngó đến họ. “Dũng cảm đấy!”, mẹ tôi nói “Thật là khí khái!”

Tôi cứ làm theo lệ, cuối tuần lại mang hoa đến cho Marta. Chị dần dần khôi phục được mọi hoạt động bình thường như trước.

Tối nay là buổi tối cuối cùng tôi mang hoa đến cho chị Marta. Tôi nâng chiếc hộp đựng hoa trao cho chị và nói:

- Chị Marta ơi, đây là lần cuối cùng em mang hoa tới cho chị. Tuần sau em chuyển đi nơi khác rồi. Có đi đâu, ông Leonard nói ông ấy sẽ tiếp tục gửi hoa đến cho chị đấy!

Chị Marta lưỡng lự một lát, đoạn nói:

- Cami này, em vào nhà đi.

Chị Marta dẫn tôi vào phòng khách, lấy từ trên giá chiếc lò sưởi trong tường mô hình một chiếc thuyền buồm rất đẹp:

- Cái này của ông nội chị, chị muốn tặng em - Chị Marta nói - Em đã mang lại cho chị biết bao là niềm vui, em và những đóa hoa này, Cami à!

Chị Marta mở chiếc hộp tôi trao, nhón tay vuốt nhẹ những cánh hoa tươi thắm, nói:

- Em à, những cánh hoa này tuy không biết nói nhưng nó lại nói với chị thật nhiều! Nó nói với chị rằng, tối thứ bảy hàng tuần là những tối rất vui... Những đóa hồng ấy còn nói, nó cũng cô đơn... muốn cùng chia sẻ với chị!

- Chị Marta cắn chặt môi, dường như cảm thấy mình đã nói hơi nhiều - Bây giờ thì em có thể đi được rồi, Cami à.

Tôi ôm chặt mô hình chiếc thuyền buồm, chạy đến chỗ để xe đạp. Sau khi về tới cửa hàng hoa, tôi đã làm một việc mà từ trước tới giờ tôi chưa dám làm. Tôi tìm trong mớ giấy tờ lộn xộn của ông Leonard và tìm thấy thứ tôi cần tìm. Trên một tờ biên lai còn lưu lại bút tích rất khó đọc của ông Leonard, dòng chữ “J. Simson. 52 bông hồng Mỹ, mỗi bông 0,25 đô-la, tổng cộng 13 đô-la. Đã thanh toán”.

“Thì ra là thế!”, tôi nhủ thầm, “Thì ra là thế!”

Nhiều năm trôi qua, một hôm tôi đến cửa hàng hoa thăm ông Leonard. Tất cả đều như cũ. Ông Leonard vẫn như xưa đang làm một bông hoa dành dành.

Tôi nói chuyện với ông một lúc rồi hỏi:

- Ông còn nhớ chị Marta chứ ạ?

- Marta hả? - Ông lão gật đầu - Nhớ chứ. Marta đã lấy chồng có hai đứa con sinh đôi. Vợ chồng họ sống với nhau rất hạnh phúc!

- Vậy sao! Thú vị thật ông nhỉ!

Để chứng tỏ tôi đang giữ một bí mật về ông, tôi đột ngột hỏi:

- Vợ bác sĩ J. Simson... có biết chồng bà ta lén lút tặng hoa hồng cho người yêu cũ không hả ông?

Ông Leonard thở ra, nhìn tôi mỉm cười nói:

- Cậu nhóc à, cậu vẫn chẳng thông minh tí nào cả. Người tặng hoa cho Marta đâu phải là bác sĩ Simson, ông ta thậm chí còn không biết có chuyện này nữa kia.

Tôi trở mắt kính ngạc nhìn ông lão:

- Vậy, hoa tặng là của ai?

- Một phu nhân khả kính, cậu nhóc ạ - Ông Leonard nháy mắt nhìn tôi, đặt bông hoa dành dành vào hộp - Vị phu nhân này nói, bà không thể yên lòng khi nhìn thấy Marta vì bà mà tự hủy hoại đời mình như vậy được! Người tặng hoa chính là J. Simson phu nhân đấy!

- Cậu thấy đấy - cuối cùng, khi đẩy chiếc hộp lại, ông Leonard nói tiếp - Đó là một phụ nữ khí khái và vô cùng nhân hậu!

CHUYỆN XẢY RA TRONG MỘT GIỜ

Kate Chopin (Mỹ)

Ai cũng biết vợ của Piri bị bệnh tim, vì vậy, việc báo tin chôn cất nàng tử nạn là phải hết sức cẩn thận.

Chị gái của nàng là Marta nhận việc báo tin dữ cho em gái mình. Chị ấp úng mãi không nói nên lời. Bạn thân của Piri là George cũng đang có mặt, người đã đọc được tin tai nạn giao thông trên báo, ghi rõ tên Piri ngay dòng đầu trong danh sách những người xấu số. Anh chần chừ, đắn đo mãi để tìm cách an ủi vợ bạn, chứng tỏ George là một người bạn thân thiết và tinh tế biết chừng nào!

Nếu là một phụ nữ bình thường khác, trong hoàn cảnh đó, chắc chắn sẽ vô cùng đau khổ, bồn loạn, nhưng với nàng thì không. Nàng ngã khụy vào người Marta, khóc thét lên rồi từ từ lắng lại, đứng dậy, một mình đi vào phòng ngủ, không chịu cho ai điu đỡ. Uể oải ngã vào chiếc ghế bành rộng, êm, thoải mái trước khung cửa sổ mở, nàng mơ màng nhắm mắt. Nàng lắng nghe tiếng mưa xuân nhẹ rơi trên những tán cây xanh phía trước nhà, tiếng người bán hàng rong từ xa vọng lại. Và, dưới mái hiên nhà, những con chim sẻ vờn đuổi nhau kêu chích... chích...

Những đám mây bồng bênh lướt nhẹ trên nền trời xanh thẳm hiện ra trước khung cửa sổ phòng nàng. Nàng ngẩng đầu, tựa đầu vào lưng ghế, bất động, trong cổ họng dường như vẫn còn phát ra tiếng khóc thút thít như một đứa trẻ trong mơ.

Nàng vẫn còn trẻ trung xinh đẹp và rất giàu chất suy tư. Trong lúc này, từ ánh mắt hướng tới mảnh trời xanh ngoài cửa sổ, ta chợt nhận ra, hình như nàng đang nghĩ đến một điều gì đó mà chưa quyết định được. Chắc chắn một điều gì đó sẽ xảy đến với nàng, và,... nàng chờ đợi, dù có chút sợ hãi. Nhưng nó là gì chứ? Nàng không biết và không sao giải thích được, song lẽ, nó sẽ đến, ào ạt, tràn trề.

Lòng ngực đập phồng mạnh mẽ theo từng nhịp thở, nàng bắt đầu nhận ra cái điều đang áp sát, chiếm hữu nàng! Nàng giãy giụa, quyết đẩy

nó ra nhưng cả ý chí và sức lực của nàng đều đã tiêu tán hết.

Cho tới lúc tự buông lời mình, từ khoe môi nàng, những âm thanh như gió thoảng chợt thoát ra, nàng nhẹ nhàng nhắc khẽ “Tự do rồi! Ta tự do rồi!”, nhưng lập tức từ ánh mắt nàng lộ rõ vẻ sợ hãi, u ám, mịt mờ như người vô thức. Một lát sau nàng trấn tĩnh lại. Ánh mắt đột nhiên ngời sáng và sắc lạnh, tim đập nhanh hơn, máu trong huyết quản lưu chuyển mạnh hơn khiến toàn thân nàng ấm lên, khoan khoái, nhẹ nhõm.

Nàng biết, cho đến lúc nhìn thấy hai tay người chết bắt chéo trước ngực, gương mặt hàm chứa sự yêu thương dành cho nàng cứng đờ, không còn mảy may sinh khí, nàng sẽ khóc. Có đi đâu, sau phút giây bi thống đó, cuộc sống của nàng sẽ khác, hoàn toàn thuộc về nàng, không còn ai làm chủ nàng nữa, không có sức mạnh nào buộc nàng phải khuất phục được nữa! Thật quái lạ, cho tới bây giờ vẫn có người tin một cách mù quáng rằng, mình có quyền áp đặt ý chí của mình lên người khác. Nàng hiểu rất rõ, ý thức phản kháng của nàng trỗi dậy ngay trong lúc này là đi đâu không nên, bởi dù sao nàng cũng đã có thời rất yêu chồng.

“Tự do rồi! Ta tự do rồi!” - Nàng reo lên khe khẽ.

Marta quỳ trước cánh cửa đóng kín, năn nỉ nàng mở cửa cho vào.

- Em mở cửa ra đi! Chị van em đấy! Bệnh tình của em như thế, nguy hiểm lắm em ơi, mở cửa ra đi em!

- Chị đi đi, để cho em yên! Em không bệnh tật gì đâu!

Đúng là nàng không có bệnh thật. Nàng đang rất vui và thanh thản uống mấy viên thuốc bổ, loại thuốc trường sinh bất lão! Nàng phẫn khích tưởng tượng ra những ngày sắp tới... Đoạn, nàng đứng dậy ra mở cửa. Ánh mắt nàng đầy vẻ đắc thắng. Nàng tựa người vào Marta và hai chị em cùng bước xuống lầu. George đang đứng dưới chân cầu thang đợi họ.

Có người dùng chìa khóa lò xo mở cửa phòng khách, bước vào. Đó là Piri, trở về từ một chuyến du lịch. Anh không có mặt tại nơi xảy ra tai nạn, và, ngay cả việc gì đã xảy ra sau đó tại nhà mình, anh cũng không hề hay biết! Anh kinh hãi nghe tiếng rú thất thanh của Marta và nhìn thấy George vội đứng chắn ngay trước mặt vợ mình.

Nhưng hành động của George đã quá muộn!

Bác sĩ đến, họ kết luận rằng, nàng tắt thở đột ngột vì bệnh tim bởi quá xúc động khi gặp lại Piri, chồng nàng!

[1] “Nửa trang giấy” được viết vào những năm 1890, toàn văn chưa tới 1.500 chữ. Câu chuyện được viết bằng bút pháp chân thực giản dị, giới thiệu với người đọc cuộc sống của một chàng trai trẻ trong vòng hai năm tại một căn nhà trọ, từ lúc anh chưa có gia đình đến khi lấy vợ, sống hạnh phúc với nhau cho tới khi vợ anh qua đời vì sinh nở. Trên nửa trang giấy bên cạnh chiếc máy điện thoại là dấu tích cuộc sống của hai người được ghi lại vừa điển hình vừa hết sức đơn giản, từ thời hạnh phúc tràn đầy tới hồi cô độc, bất hạnh; từ bi thương, thất vọng đến tự tin và thanh thản, biểu hiện tinh thần lạc quan và chí tiến thủ của giới trẻ thời ấy.

[2] Ngày 2/6/1875 ông Alexander Bell bắt đầu làm thí nghiệm về chiếc máy điện thoại đầu tiên trên thế giới, và, một năm sau, năm 1876 ông đã dùng nó nói chuyện với người cộng sự của mình.

[3] Alexander Vasilievich Suvorov, vị tướng, nhà chiến lược, một trong những người đặt nền móng cho trường phái quân sự Nga (1730 - 1800).

[4] Tên một loài côn trùng thân cứng, sống trong gỗ thường phát ra tiếng “kèn kẹt”, người mê tín cho đây là điềm báo tử.

Table of Contents

CHÂU Á

NGƯỜI KABUL Rabindranath Tagore (Ấn Độ)
CÔ GÁI TRÊN TÀU HỎA Bangde (Ấn Độ)
TRĂNG KHUYẾT Yuanni (Indonesia)
LA SINH MÔN Akutagawa Ryunosuke (Nhật Bản)
CÁI GIÁ PHẢI TRẢ Youjin (Singapore)
NHỮNG CHIẾC BÌNH CỖ Simagong (Thái Lan)
NGƯỜI ĐÁNG THƯƠNG Hefeng (Mianma)
CÂY ĐÈN ĐƯỜNG VÀ CON PHỐ CỦA CHÚNG TÔI Azit
Nexin (Thổ Nhĩ Kỳ)
TÔI TỰ SÁT NHƯ THẾ NÀO Azit Nexin (Thổ Nhĩ Kỳ)
LƯƠNG Y Mạc Ngôn (Trung Quốc)
LỜI NGUYỀN MA THUẬT CỦA CHIẾC BÌNH CỖ Hoàng Hán
Mình (Trung Quốc)
ĐỪA EM TRAI HẾT CHỖ NÓI! Tr ần Trung Thực (Trung Quốc)

CHÂU ÂU

TƯỢNG TƯỢNG Kai. Jie luomu (Anh)
TÔI LÀ KẺ CẤP A.Kangpanier (Pháp)
KẾT CỤC NGOÀI Ý MUỐN Akewang (Pháp)
CHỦ NHÂN TÒA BIỆT THỰ Sheluntimide (Đức)
CHAI SÂM BANH ĐẦU ĐỜI Kelide (Đức)
VÉ XỔ SỐ Jiasijier (Tây Ban Nha)
CHIẾN TÍCH CỦA NGƯỜI MẸ Huolinda (Tây Ban Nha)
TIẾNG HÁT ĐÊM NÔ-EN Yuekayi.Moer (Hunggari)
KẾT CỤC BẤT NGỜ Boyeshu (Rumani)
NỬA TRANG GIẤY Sitelinbao (Thụy Điển)
VẬN MAY Ya. Aoka (Ba Lan)
HAI SỰ KIỆN KHÓ QUÊN! Anton Pavlovich Chekov (Nga)
SỨC MẠNH CỦA THIÊN TÀI Zuoqinke (Nga)

KALIUSA Maxim Gorki (Nga)

CẬU KHÔNG TIN TÔI Ge.Gelin (Nga)

VIÊN CẢNH SÁT TRƯỞNG LIÊM CHÍNH Yaowannisi (Italia)

THỜI SỐNG PHÍ HOÀI Buzhadi (Italia)

CHÂU PHI

MUGUIDA Alan.Patong (Nam Phi)

CHÂU MỸ

TRÁI TIM TIẾT LỘ ĐIỀU CƠ MẬT Edgar Allan Poe (Mỹ)

SAU HAI MƯƠI NĂM O. Henry (Mỹ)

BÔNG HỒNG HẠNH PHÚC A.Gedeng (Mỹ)

CHUYỆN XẢY RA TRONG MỘT GIỜ Kate Chopin (Mỹ)